

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C.....
	Ngày: ... 11/6.....

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phân đất liền tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phân đất liền tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phân đất liền tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

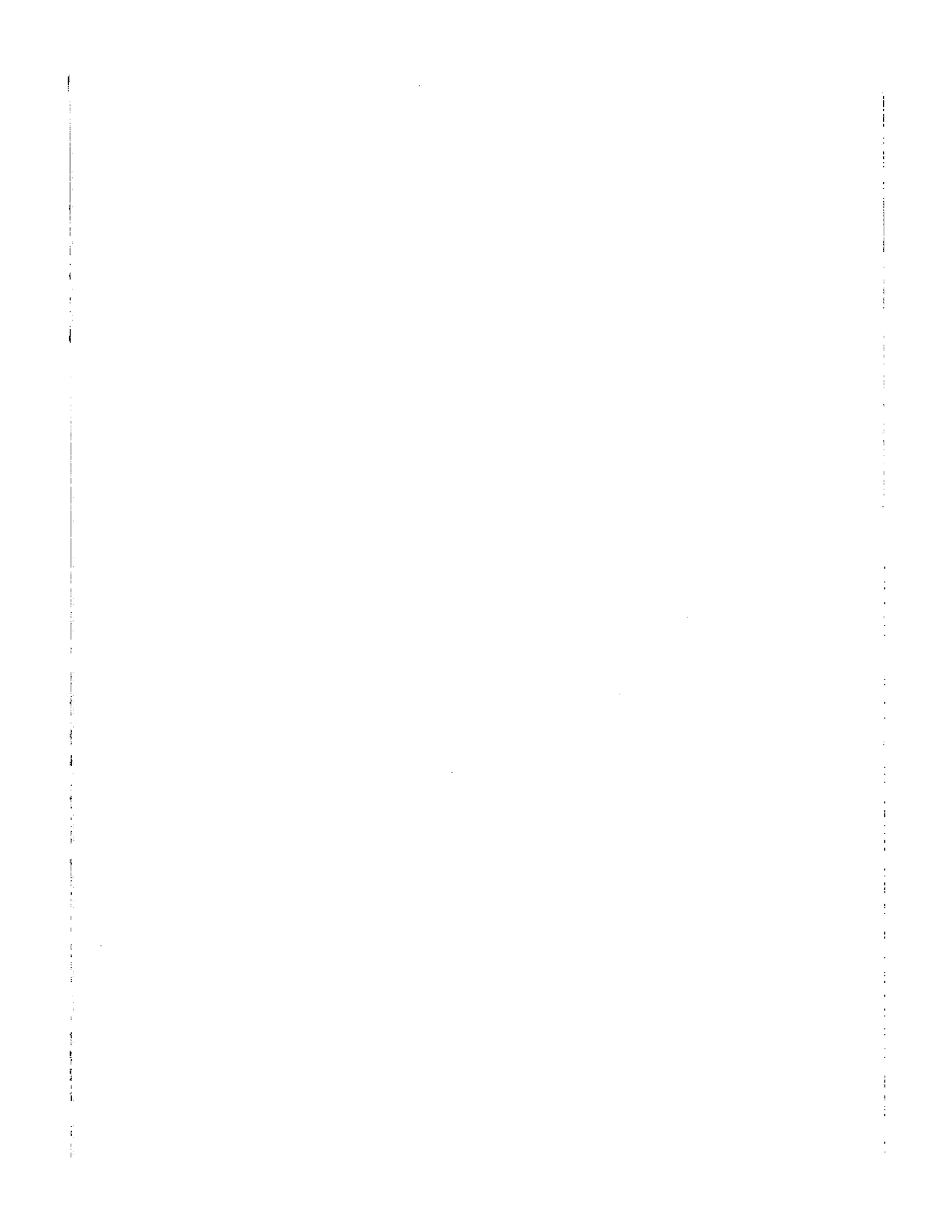
Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC ĐBBĐVN

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VẤN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIÊN TỈNH HÀ TỈNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2015/TT-BTNMT
ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liên tỉnh Hà Tĩnh được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liên tỉnh Hà Tĩnh được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, TX. là chữ viết tắt của “thị xã”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH HÀ TĨNH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Hà Tĩnh gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Hà Tĩnh	3
2	Thị xã Hồng Lĩnh	10
3	Huyện Cẩm Xuyên	14
4	Huyện Can Lộc	32
5	Huyện Đức Thọ	47
6	Huyện Hương Khê	59
7	Huyện Hương Sơn	78
8	Huyện Kỳ Anh	97
9	Huyện Lộc Hà	123
10	Huyện Nghi Xuân	129
11	Huyện Thạch Hà	139
12	Huyện Vũ Quang	153

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
ổ dân phố 1	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 32"	105° 53' 44"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 2	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 38"	105° 53' 36"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 3	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 28"	105° 54' 02"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 4	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 47"	105° 53' 39"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 5	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 49"	105° 53' 45"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 6	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 47"	105° 53' 53"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 7	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 55"	105° 53' 52"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 8	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 57"	105° 53' 56"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 9	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 29"	105° 53' 50"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 10	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 36"	105° 53' 58"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 11	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 41"	105° 53' 55"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 12	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 36"	105° 53' 51"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 13	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 39"	105° 53' 45"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 14	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 34"	105° 53' 29"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 15	DC	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 37"	105° 53' 41"					E-48-44-B-d
lường Lý Tự Trọng	KX	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 30"	105° 53' 30"	18° 27' 19"	105° 55' 03"	E-48-44-B-d
lường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 18"	105° 54' 07"	18° 21' 10"	105° 53' 57"	E-48-44-B-d
lường Phan Đình Phùng	KX	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 21"	105° 53' 38"	18° 20' 31"	105° 54' 25"	E-48-44-B-d
lường Trần Phú	KX	P. Bắc Hà	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 56"	105° 51' 60"	18° 20' 21"	105° 53' 38"	E-48-44-B-d
Tổ dân phố 1	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 18' 46"	105° 54' 23"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 2	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 18' 49"	105° 54' 37"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 3	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 16"	105° 54' 28"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 4	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 23"	105° 54' 31"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 5	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 29"	105° 54' 36"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 6	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 23"	105° 54' 53"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 7	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 34"	105° 54' 55"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 8	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 26"	105° 55' 05"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 9	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 30"	105° 55' 14"					E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Tổ dân phố 10	DC	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 49"	105° 55' 33"	18° 20' 21"	105° 53' 38"	18° 18' 31"	105° 55' 28"	E-48-44-B-d
đường Hà Huy Tập	KX	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh			18° 19' 34"	105° 54' 20"	18° 17' 47"	105° 54' 04"	E-48-44-B-d
đường Nguyễn Hoàng Từ	KX	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh			18° 18' 32"	105° 54' 10"	18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-d
sông Rào Cái	TV	P. Đại Nài	TP. Hà Tĩnh							E-48-44-B-d
Tổ dân phố 1	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 07"	105° 53' 44"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 2	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 55"	105° 53' 57"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 3	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 36"	105° 54' 16"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 4	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 43"	105° 53' 56"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 5	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 02"	105° 53' 49"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 6	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 00"	105° 53' 33"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 7	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 09"	105° 53' 30"					E-48-44-B-d
đường Hà Huy Tập	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 21"	105° 53' 38"	18° 18' 31"	105° 55' 28"	E-48-44-B-d
kênh N1-9	TV	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh			18° 17' 03"	105° 51' 25"	18° 23' 17"	105° 53' 45"	E-48-44-B-d
đường Nguyễn Hoàng Từ	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Hà Tĩnh			18° 19' 34"	105° 54' 20"	18° 17' 47"	105° 54' 04"	E-48-44-B-d
Tổ dân phố 1	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 54"	105° 54' 19"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 2	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 48"	105° 54' 10"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 3	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 02"	105° 54' 02"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 4	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 06"	105° 53' 56"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 5	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 10"	105° 53' 52"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 6	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 18"	105° 53' 54"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 7	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 23"	105° 54' 08"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 8	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 16"	105° 54' 03"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 9	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 05"	105° 54' 12"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 10	DC	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 06"	105° 54' 15"					E-48-44-B-d
đường Hà Huy Tập	KX	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 21"	105° 53' 38"	18° 18' 31"	105° 55' 28"	E-48-44-B-d
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Nam Hà	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 21"	105° 53' 38"	18° 20' 31"	105° 54' 25"	E-48-44-B-d
Tổ dân phố 1	DC	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 02"	105° 53' 54"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 2	DC	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 16"	105° 53' 48"					E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)				
ổ dân phố 3	DC	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 04"	105° 53' 36"								E-48-44-B-d
ổ dân phố 4	DC	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 55"	105° 53' 21"								E-48-44-B-d
ổ dân phố 6	DC	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 08"	105° 53' 08"								E-48-44-B-d
ổ dân phố 7	DC	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 23"	105° 53' 19"								E-48-44-B-d
ổ dân phố 8	DC	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 39"	105° 53' 19"								E-48-44-B-d
ảnh N1-9	TV	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh			18° 17' 03"	105° 51' 25"	18° 23' 17"	105° 53' 45"				E-48-44-B-d
ường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 18"	105° 54' 07"	18° 21' 10"	105° 53' 57"				E-48-44-B-d
ường Quang Trung	KX	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 10"	105° 53' 57"	18° 22' 18"	105° 53' 37"				E-48-44-B-d
ường Trần Phú	KX	P. Nguyễn Du	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 56"	105° 51' 60"	18° 20' 21"	105° 53' 38"				E-48-44-B-d
hối phố 1	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 58"	105° 54' 01"								E-48-44-B-d
hối phố 2	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 54"	105° 54' 10"								E-48-44-B-d
hối phố 3	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 47"	105° 54' 12"								E-48-44-B-d
hối phố 4	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 33"	105° 54' 06"								E-48-44-B-d
hối phố 5	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 41"	105° 54' 09"								E-48-44-B-d
hối phố 6	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 37"	105° 54' 17"								E-48-44-B-d
hối phố 7	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 38"	105° 54' 21"								E-48-44-B-d
hối phố 8	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 35"	105° 54' 26"								E-48-44-B-d
hối phố 9	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 41"	105° 54' 27"								E-48-44-B-d
hối phố 10	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 25"	105° 54' 26"								E-48-44-B-d
hối phố 12	DC	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 25"	105° 54' 13"								E-48-44-B-d
sông Cụt	TV	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 14"	105° 54' 15"	18° 20' 37"	105° 55' 01"				E-48-44-B-d
Di tích Khu lưu niệm Bác Hồ	KX	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 35"	105° 54' 15"								E-48-44-B-d
ường Mai Thúc Loan	KX	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 31"	105° 54' 25"	18° 20' 54"	105° 54' 43"				E-48-44-B-d
ường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 18"	105° 54' 07"	18° 21' 10"	105° 53' 57"				E-48-44-B-d
ường Phan Đình Phùng	KX	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 21"	105° 53' 38"	18° 20' 31"	105° 54' 25"				E-48-44-B-d
Di tích Võ Miếu	KX	P. Tân Giang	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 37"	105° 54' 24"								E-48-44-B-c; E-48-44-B-d
ường tỉnh 550	KX	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh			18° 24' 06"	105° 58' 34"	18° 20' 10"	105° 45' 07"				E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Bắc Tiến	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 32"	105° 52' 20"	18° 20' 50"	105° 51' 45"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-B-c
Sông Cây	TV	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh							E-48-44-B-c
tổ dân phố Đại Đồng	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 23"	105° 51' 54"					E-48-44-B-c
Cầu Đông	KX	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 23"	105° 52' 20"					E-48-44-B-c
tổ dân phố Hoà Linh	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 27"	105° 52' 45"					E-48-44-B-d
tổ dân phố Hợp Tiến	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 01"	105° 52' 18"					E-48-44-B-c
tổ dân phố Linh Tân	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 55"	105° 52' 59"					E-48-44-B-d
tổ dân phố Linh Tiến	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 20"	105° 52' 31"	18° 17' 03"	105° 51' 25"	18° 23' 17"	105° 53' 45"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-d
kênh N1-9	TV	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 56"	105° 51' 60"	18° 20' 21"	105° 53' 38"	E-48-44-B-d
tổ dân phố Nam Tiến	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 48"	105° 52' 21"					E-48-44-B-d
tổ dân phố Nhật Tân	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 03"	105° 52' 03"					E-48-44-B-c
tổ dân phố Tân Tiến	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 58"	105° 52' 25"					E-48-44-B-c
đường Trần Phú	KX	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 56"	105° 51' 60"	18° 20' 21"	105° 53' 38"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-d
tổ dân phố Tuy Hoà	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 46"	105° 52' 47"					E-48-44-B-d
tổ dân phố Vĩnh Hoà	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 57"	105° 52' 58"					E-48-44-B-d
đường Vũ Quang	KX	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 35"	105° 53' 26"	18° 20' 25"	105° 52' 35"	E-48-44-B-d
tổ dân phố Yên Đông	DC	P. Thạch Linh	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 28"	105° 52' 07"					E-48-44-B-c
khởi phố Bắc Quý	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 47"	105° 53' 58"					E-48-44-B-d
Sông Cụt	TV	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 14"	105° 54' 15"	18° 20' 37"	105° 55' 01"	E-48-44-B-d
khởi phố Đông Quý	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 31"	105° 54' 25"					E-48-44-B-d
khởi phố Hậu Thượng	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 59"	105° 54' 22"					E-48-44-B-d
đường Mai Thúc Loan	KX	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 31"	105° 54' 25"	18° 20' 54"	105° 54' 43"	E-48-44-B-d
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 18"	105° 54' 07"	18° 21' 10"	105° 53' 57"	E-48-44-B-d
đường Quang Trung	KX	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 10"	105° 53' 57"	18° 22' 18"	105° 53' 37"	E-48-44-B-d
sông Rào Cái	TV	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh			18° 18' 32"	105° 54' 10"	18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-d
khởi phố Tâm Quý	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 42"	105° 54' 05"					E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
hội phố Tân Quý	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 20"	105° 53' 56"					E-48-44-B-d
hội phố Tiên Giang	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 37"	105° 54' 43"					E-48-44-B-d
hội phố Tiên Phong	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 41"	105° 54' 36"					E-48-44-B-d
hội phố Tiên Tiến	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 47"	105° 54' 43"					E-48-44-B-d
hội phố Trung Đình	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 03"	105° 54' 12"					E-48-44-B-d
hội phố Trung Lân	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 08"	105° 54' 01"					E-48-44-B-d
hội phố Trung Quý	DC	P. Thạch Quý	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 36"	105° 54' 11"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 1	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 45"	105° 53' 01"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 2	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 41"	105° 53' 09"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 3	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 38"	105° 53' 15"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 4	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 28"	105° 53' 24"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 5	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 39"	105° 53' 30"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 7	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 24"	105° 53' 31"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 8	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 15"	105° 53' 21"					E-48-44-B-d
ổ dân phố 9	DC	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 25"	105° 53' 09"					E-48-44-B-d
đường N1-9	TV	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh			18° 17' 03"	105° 51' 25"	18° 23' 17"	105° 53' 45"	E-48-44-B-d
đường Trần Phú	KX	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 56"	105° 51' 60"	18° 20' 21"	105° 53' 38"	E-48-44-B-d
đường Vũ Quang	KX	P. Trần Phú	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 35"	105° 53' 26"	18° 20' 25"	105° 52' 55"	E-48-44-B-d
Sông Cụt	TV	P. Văn Yên	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 14"	105° 54' 15"	18° 20' 37"	105° 55' 01"	E-48-44-B-d
ổ dân phố Hoà Bình	DC	P. Văn Yên	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 58"	105° 54' 51"					E-48-44-B-d
đường Rào Cái	TV	P. Văn Yên	TP. Hà Tĩnh					18° 18' 32"	105° 54' 10"	E-48-44-B-d
ổ dân phố Tân Yên	DC	P. Văn Yên	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 04"	105° 54' 27"					E-48-44-B-d
ổ dân phố Tây Yên	DC	P. Văn Yên	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 16"	105° 54' 19"					E-48-44-B-d
ổ dân phố Văn Phúc	DC	P. Văn Yên	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 60"	105° 55' 11"					E-48-44-B-d
ổ dân phố Văn Thịnh	DC	P. Văn Yên	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 05"	105° 54' 58"					E-48-44-B-d
thôn Bình Lý	DC	xã Thạch Bình	TP. Hà Tĩnh	18° 18' 40"	105° 55' 25"					E-48-44-B-d
thôn Bình Minh	DC	xã Thạch Bình	TP. Hà Tĩnh	18° 18' 50"	105° 55' 20"					E-48-44-B-d
thôn Bình Yên	DC	xã Thạch Bình	TP. Hà Tĩnh	18° 18' 56"	105° 55' 43"					E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đông Nam	DC	xã Thạch Bình	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 09"	105° 56' 07"	18° 20' 21"	105° 53' 38"	18° 18' 31"	105° 55' 28"	E-48-44-B-d
đường Hà Huy Tập	KX	xã Thạch Bình	TP. Hà Tĩnh			18° 18' 32"	105° 54' 10"	18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-d
sông Rào Cái	TV	xã Thạch Bình	TP. Hà Tĩnh	18° 19' 12"	105° 55' 55"					E-48-44-B-d
thôn Tây Bắc	DC	xã Thạch Bình	TP. Hà Tĩnh	18° 18' 59"	105° 54' 56"					E-48-44-B-d
thôn Xóm Mới	DC	xã Thạch Bình	TP. Hà Tĩnh			18° 24' 06"	105° 58' 34"	18° 20' 10"	105° 45' 07"	E-48-44-B-d
đường tỉnh 550	KX	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh							E-48-44-B-d
thôn Đông Công	DC	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 13"	105° 55' 14"					E-48-44-B-d
thôn Đông Giang	DC	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 27"	105° 55' 33"					E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Đông Liên	DC	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 26"	105° 55' 21"					E-48-44-B-d
thôn Đông Thanh	DC	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 23"	105° 55' 09"					E-48-44-B-d
thôn Đông Tiến	DC	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 20"	105° 55' 23"					E-48-44-B-d
thôn Hoà Bình	DC	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 12"	105° 55' 03"			18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d
sông Rào Cái	TV	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh			18° 18' 32"	105° 54' 10"			E-48-44-B-d
cầu Thạch Đồng	KX	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 34"	105° 55' 39"					E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Thăng Lợi	DC	xã Thạch Đồng	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 13"	105° 54' 56"					E-48-44-B-d
đường tỉnh 549	KX	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh			18° 22' 18"	105° 53' 37"	18° 27' 20"	105° 55' 04"	E-48-44-B-b+45-A-a
sông Cửa Sốt	TV	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh			18° 23' 58"	105° 52' 44"	18° 27' 40"	105° 55' 43"	E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Đông Đoài	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 23' 00"	105° 52' 51"					E-48-44-B-b+45-A-a
Thôn Hạ	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 23' 30"	105° 53' 14"					E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Liên Hà	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 23' 31"	105° 53' 32"					E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Liên Nhật	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 28"	105° 53' 50"					E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Liên Thanh	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 55"	105° 53' 40"					E-48-44-B-d
thôn Minh Tiến	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 12"	105° 53' 31"					E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Minh Yên	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 49"	105° 52' 55"					E-48-44-B-d
kênh N1-9	TV	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh			18° 17' 03"	105° 51' 25"	18° 23' 17"	105° 53' 45"	E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)			
ường Ngô Quyền	KX	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 47"	105° 52' 12"	18° 22' 26"	105° 54' 39"	E-48-44-B-d		
ường Quang Trung	KX	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 10"	105° 53' 57"	18° 22' 18"	105° 53' 37"	E-48-44-B-b+45-A-a		
ông Rào Cái	TV	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh			18° 18' 32"	105° 54' 10"	18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-b+45-A-a		
hôn Tân Học	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 34"	105° 53' 36"					E-48-44-B-b+45-A-a		
hôn Tân Lộc	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 26"	105° 53' 13"					E-48-44-B-d		
hôn Thượng	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 23' 14"	105° 53' 03"					E-48-44-B-b+45-A-a		
hôn Trung	DC	xã Thạch Hạ	TP. Hà Tĩnh	18° 23' 26"	105° 53' 02"					E-48-44-B-b+45-A-a		
hôn Bình	DC	xã Thạch Hưng	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 06"	105° 54' 51"					E-48-44-B-d		
ầu Đò Hà	KX	xã Thạch Hưng	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 54"	105° 55' 24"					E-48-44-B-d		
hôn Hoà	DC	xã Thạch Hưng	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 10"	105° 54' 40"					E-48-44-B-d		
hôn Kinh Nam	DC	xã Thạch Hưng	TP. Hà Tĩnh	18° 20' 51"	105° 55' 14"					E-48-44-B-d		
ông Rào Cái	TV	xã Thạch Hưng	TP. Hà Tĩnh			18° 18' 32"	105° 54' 10"	18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-d		
hôn Thủy Hội	DC	xã Thạch Hưng	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 35"	105° 54' 59"					E-48-44-B-d		
hôn Tiến Hưng	DC	xã Thạch Hưng	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 50"	105° 55' 39"					E-48-44-B-d		
hôn Trung Hưng	DC	xã Thạch Hưng	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 00"	105° 55' 13"					E-48-44-B-d		
ường Ngô Quyền	KX	xã Thạch Môn	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 47"	105° 52' 12"	18° 22' 26"	105° 54' 39"	E-48-44-B-b+45-A-a		
hôn Quyết Tiến	DC	xã Thạch Môn	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 56"	105° 54' 27"					E-48-44-B-b+45-A-a		
ông Rào Cái	TV	xã Thạch Môn	TP. Hà Tĩnh			18° 18' 32"	105° 54' 10"	18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-d		
hôn Thanh Tiến	DC	xã Thạch Môn	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 34"	105° 54' 20"					E-48-44-B-b+45-A-a		
hôn Tiên Tiến	DC	xã Thạch Môn	TP. Hà Tĩnh	18° 23' 11"	105° 54' 50"					E-48-44-B-b+45-A-a		
hôn Trung Tiến	DC	xã Thạch Môn	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 48"	105° 54' 45"					E-48-44-B-b+45-A-a		
hôn Bắc Phú	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 28"	105° 52' 29"					E-48-44-B-c		
hôn Bắc Quang	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 00"	105° 52' 56"					E-48-44-B-d		
Cầu Cây	KX	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 56"	105° 51' 59"					E-48-44-B-c		
Sông Cây	TV	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh			18° 20' 50"	105° 51' 45"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a		
hôn Đoàn Thịnh	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 36"	105° 53' 01"					E-48-44-B-d		
hôn Đông Tiến	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 52"	105° 53' 31"					E-48-44-B-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Đức Phú	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 35"	105° 52' 37"					E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Hồng Hà	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 04"	105° 53' 12"					E-48-44-B-d
thôn Liên Phú	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 01"	105° 52' 18"					E-48-44-B-c
kênh N1-9	TV	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh			18° 17' 03"	105° 51' 25"	18° 23' 17"	105° 53' 45"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d
thôn Nam Phú	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 18"	105° 52' 37"					E-48-44-B-d
thôn Nam Quang	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 04"	105° 53' 05"					E-48-44-B-d
đường Ngô Quyền	KX	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 47"	105° 52' 12"	18° 22' 26"	105° 54' 39"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-d
đường Quang Trung	KX	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 10"	105° 53' 57"	18° 22' 18"	105° 53' 37"	E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d
thôn Tân Phú	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 41"	105° 52' 16"					E-48-44-B-d
thôn Tân Trung	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 16"	105° 52' 46"					E-48-44-B-d
thôn Thanh Phú	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 21' 40"	105° 52' 33"					E-48-44-B-d
đường Trần Phú	KX	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh			18° 21' 56"	105° 51' 60"	18° 20' 21"	105° 53' 38"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a; E-48-44-B-d
thôn Trung Phú	DC	xã Thạch Trung	TP. Hà Tĩnh	18° 22' 24"	105° 52' 39"					E-48-44-B-d
Tổ dân phố 1	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 44"	105° 42' 02"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 2	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 28"	105° 42' 04"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 3	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 08"	105° 41' 59"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 4	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 59"	105° 42' 02"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 5	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 58"	105° 41' 45"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 6	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 43"	105° 41' 50"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 7	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 03"	105° 41' 19"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 8	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 48"	105° 41' 41"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 9	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 15"	105° 42' 00"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 10	DC	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 59"	105° 42' 15"					E-48-32-C-d
núi Mông Gà	SV	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 04"	105° 43' 06"					E-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
ường Nguyễn Ái Quốc	KX	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh			18° 34' 07"	105° 41' 09"	18° 31' 51"	105° 42' 17"	E-48-32-C-d
ường Nguyễn Nghiễm	KX	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 31' 24"	105° 43' 28"	E-48-32-C-d
ênh Nhà Lê	TV	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh			18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 28' 48"	105° 44' 44"	E-48-32-C-d
ãy núi Hồng	SV	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh			18° 37' 55"	105° 42' 33"	18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-32-C-d
ênh Ông Đạt	TV	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh			18° 33' 54"	105° 41' 16"	18° 32' 08"	105° 41' 41"	E-48-32-C-d
ò Thiên Tượng	TV	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 44"	105° 42' 35"					E-48-32-C-d
úi Thiên Tượng	SV	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 44"	105° 42' 21"					E-48-32-C-d
uối Tiên	TV	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh					18° 32' 47"	105° 41' 20"	E-48-32-C-d
ường Trần Phú	KX	P. Bắc Hồng	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 32' 14"	105° 39' 53"	E-48-32-C-d
ỏ dân phố 1	DC	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 23"	105° 44' 02"					E-48-32-C-d
ỏ dân phố 2	DC	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 33"	105° 43' 45"					E-48-32-C-d
ỏ dân phố 3	DC	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 43"	105° 43' 38"					E-48-32-C-d
ỏ dân phố 4	DC	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 36"	105° 43' 14"					E-48-32-C-d
ỏ dân phố 5	DC	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 43"	105° 43' 05"					E-48-32-C-d
ỏ dân phố 6	DC	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 48"	105° 42' 52"					E-48-32-C-d
ỏ dân phố 7	DC	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 59"	105° 42' 50"					E-48-32-C-d
ỏ dân phố 8	DC	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 30"	105° 43' 37"					E-48-32-C-d
uốc lộ 8B	KX	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 41' 06"	105° 46' 10"	E-48-32-C-d; E-48-32-D-c+d
Suối Bạc	TV	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 32' 46"	105° 45' 35"	18° 32' 26"	105° 43' 55"	E-48-32-C-d; E-48-32-D-c+d
Khe Chò	TV	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 33' 08"	105° 45' 11"	18° 34' 59"	105° 44' 14"	E-48-32-C-d
khe Cửa Trám	TV	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 01"	105° 44' 00"	18° 31' 07"	105° 43' 32"	E-48-32-C-d
Di tích Đền thờ Bùi Cầm Hổ	KX	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 44"	105° 43' 18"					E-48-32-C-d
suối Hai Huyện	TV	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 33' 45"	105° 43' 49"	18° 29' 33"	105° 43' 04"	E-48-32-C-d; E-48-44-A-b
núi Mông Gà	SV	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 04"	105° 43' 06"					E-48-32-C-d
Khe Nâu	TV	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 13"	105° 44' 08"	18° 31' 29"	105° 43' 41"	E-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường Nguyễn Nghiễm	KX	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 31' 24"	105° 43' 28"	E-48-32-C-d
kênh Nhà Lê	TV	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 28' 48"	105° 44' 44"	E-48-32-C-d; E-48-44-A-b
đập Nham Xá	KX	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 47"	105° 43' 25"					E-48-32-C-d
Đầy núi Hồng	SV	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 37' 55"	105° 42' 33"	18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-32-C-d
đường Quang Trung	KX	P. Đậu Liêu	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 29' 45"	105° 44' 12"	E-48-44-A-b
Di tích Đền thờ Song Trưng Nguyễn	KX	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 44"	105° 41' 03"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Đồng Thuận	DC	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 57"	105° 41' 01"					E-48-32-C-d
núi Ngọc Sơn	SV	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 46"	105° 41' 07"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Ngọc Sơn	DC	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 37"	105° 41' 13"					E-48-32-C-d
đường Nguyễn Ái Quốc	KX	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh			18° 34' 07"	105° 41' 09"	18° 31' 51"	105° 42' 17"	E-48-32-C-d
kênh Nhà Lê	TV	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh			18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 28' 48"	105° 44' 44"	E-48-32-C-d
Đầy núi Hồng	SV	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh			18° 37' 55"	105° 42' 33"	18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-32-C-d
kênh Ông Đạt	TV	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh			18° 33' 54"	105° 41' 16"	18° 32' 08"	105° 41' 41"	E-48-32-C-d
hồ Thiên Tượng	TV	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 44"	105° 42' 35"					E-48-32-C-d
núi Thiên Tượng	SV	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 33' 30"	105° 42' 29"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Thuận An	DC	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 44"	105° 40' 13"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Thuận Hoà	DC	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 33' 08"	105° 40' 23"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Thuận Hồng	DC	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 33' 01"	105° 41' 55"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Thuận Minh	DC	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 33' 23"	105° 41' 46"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Thuận Tiến	DC	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh	18° 32' 24"	105° 40' 04"					E-48-32-C-d
đường Trần Phú	KX	P. Đức Thuận	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 32' 14"	105° 39' 53"	E-48-32-C-d
Tổ dân phố 1	DC	P. Nam Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 39"	105° 42' 12"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 2	DC	P. Nam Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 47"	105° 42' 10"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 3	DC	P. Nam Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 46"	105° 42' 28"					E-48-32-C-d
Tổ dân phố 4	DC	P. Nam Hồng	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 32"	105° 42' 32"					E-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Tiên Sơn	DC	P. Trung Lương	TX. Hồng Lĩnh	18° 33' 36"	105° 40' 21"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Trung Hậu	DC	P. Trung Lương	TX. Hồng Lĩnh	18° 33' 36"	105° 40' 06"					E-48-32-C-d
tổ dân phố Tuấn Cầu	DC	P. Trung Lương	TX. Hồng Lĩnh	18° 33' 34"	105° 39' 54"					E-48-32-C-d
kênh 19-5	TV	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh			18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 30' 08"	105° 41' 34"	E-48-32-C-d
Thôn Chùa	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 05"	105° 40' 58"					E-48-32-C-d
thôn Đồi Cao	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 23"	105° 41' 25"					E-48-32-C-d
thôn Hồng Lam	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 01"	105° 41' 44"					E-48-32-C-d
thôn Hồng Nguyệt	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 29' 45"	105° 41' 35"					E-48-44-A-b
kênh Nhà Lê	TV	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh			18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 28' 48"	105° 44' 44"	E-48-32-C-d; E-48-44-A-b
thôn Phúc Thuận	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 31' 04"	105° 41' 12"					E-48-32-C-d
thôn Tân Hoà	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 04"	105° 41' 07"					E-48-32-C-d
thôn Thuận Giang	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 35"	105° 41' 09"					E-48-32-C-d
thôn Thuận Sơn	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 23"	105° 41' 01"					E-48-32-C-d
thôn Thuận Trung	DC	xã Thuận Lộc	TX. Hồng Lĩnh	18° 30' 33"	105° 41' 04"					E-48-32-C-d
Quốc lộ 1	KX	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-a; E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
Tổ dân phố 2	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 18"	106° 00' 17"					E-48-45-A-c
Tổ dân phố 3	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 03"	106° 00' 01"					E-48-45-A-c
Tổ dân phố 4	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 48"	106° 00' 14"					E-48-45-A-c
Tổ dân phố 5	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 36"	106° 00' 39"					E-48-45-A-c
Tổ dân phố 6	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 34"	106° 00' 28"					E-48-45-A-c
Tổ dân phố 7	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 22"	106° 00' 18"					E-48-45-A-c
Tổ dân phố 8	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 23"	106° 00' 10"					E-48-45-A-c
Tổ dân phố 9	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 03"	106° 00' 08"					E-48-45-A-c
Tổ dân phố 10	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 19"	105° 59' 37"					E-48-44-B-d
tổ dân phố 11	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 32"	105° 59' 44"					E-48-44-B-d
tổ dân phố 12	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 40"	106° 00' 36"					E-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
dân phố 13	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 07"	105° 59' 57"					E-48-44-B-d
dân phố 14	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 18"	105° 59' 50"					E-48-44-B-d
dân phố 15	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 37"	106° 00' 05"					E-48-45-A-c
dân phố 16	DC	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 43"	105° 59' 38"					E-48-44-D
Đường Gia Hội	TV	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-44-D; E-48-45-C-a; E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
Đường Hội	SV	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 47"	105° 59' 51"					E-48-44-B-d
Đường N4	TV	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 28"	106° 01' 27"	18° 17' 20"	105° 58' 14"	E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
Đường Thiên Cẩm	KX	TT. Cẩm Xuyên	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 42"	106° 05' 32"	18° 12' 57"	105° 54' 58"	E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
Đường số 15B	KX	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-45-A-c
Đường tỉnh 551	KX	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 42"	106° 05' 32"	18° 12' 57"	105° 54' 58"	E-48-45-A-c
Đường Cầu Nậy	TV	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên			18° 17' 17"	106° 00' 16"	18° 14' 59"	106° 04' 47"	E-48-45-C-a; E-48-45-A-c
Đường Gia Hội	TV	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-45-A-c
Đường Hà Huy Tập	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 35"	106° 04' 37"					E-48-45-A-c
Đường Hoàng Hoa	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 21"	106° 03' 45"					E-48-45-A-c
Đường Hưng Long	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 54"	106° 04' 26"					E-48-45-A-c
Đường Liên Phương	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 05"	106° 04' 08"					E-48-45-A-c
Đường N8	TV	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 56"	106° 04' 51"	18° 18' 32"	106° 01' 03"	E-48-45-A-c
Đường Nhân Hoà	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 41"	106° 05' 09"					E-48-45-A-c
Đường Phú Hà	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 48"	106° 05' 30"					E-48-45-A-c
Đường Song Yên	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 25"	106° 04' 30"					E-48-45-A-c
Đường Tân Long	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 56"	106° 05' 45"					E-48-45-A-c
Đường Thiên Cẩm	SV	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 53"	106° 05' 19"					E-48-45-A-c
Đường Tiên Sầm	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 34"	106° 05' 19"					E-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
thôn Trần Phú	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 01"	106° 05' 31"							E-48-45-A-c
thôn Yên Hoà	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 14"	106° 04' 33"							E-48-45-A-c
thôn Yên Thọ	DC	TT. Thiên Cẩm	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 04"	106° 04' 50"			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên									E-48-44-B-d
thôn Bắc Tiến	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 23"	105° 58' 18"							E-48-44-B-d
thôn Bình Luật	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 58"	105° 57' 10"							E-48-44-B-d
thôn Bình Minh	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 51"	105° 56' 29"							E-48-44-B-d
thôn Đông Lý	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 54"	105° 57' 46"							E-48-44-B-d
thôn Đông Trung	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 48"	105° 58' 11"							E-48-44-B-d
thôn Đông Vinh	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 19' 04"	105° 57' 10"			18° 11' 48"	105° 55' 36"	18° 18' 18"	106° 01' 18"	E-48-44-B-d
kênh chính Ké Gỗ	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên									E-48-44-B-d
thôn Nam Lý	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 32"	105° 57' 24"							E-48-44-B-d
thôn Nam Tiến	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 08"	105° 58' 28"							E-48-44-B-d
thôn Quang Châu	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 27"	105° 57' 39"							E-48-44-B-d
thôn Tân An	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 20"	105° 57' 10"							E-48-44-B-d
thôn Trung Trạm	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 18"	105° 57' 55"							E-48-44-B-d
thôn Vĩnh Thái	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 45"	105° 57' 03"							E-48-44-B-d
đường tỉnh 551	KX	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên					18° 16' 42"	106° 05' 32"	18° 12' 57"	105° 54' 58"	E-48-44-D
thôn Ái Quốc	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 52"	105° 56' 21"							E-48-44-D
thôn Chu Trinh	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 43"	105° 56' 05"							E-48-44-D
sông Gia Hội	TV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên					18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-44-B-d
thôn Hoa Thám	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 52"	105° 55' 24"							E-48-44-D
kênh chính Ké Gỗ	TV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên					18° 11' 48"	105° 55' 36"	18° 18' 18"	106° 01' 18"	E-48-44-B-d
sông Khe Mài	SV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 30"	105° 56' 34"			18° 12' 59"	105° 57' 30"	18° 14' 21"	105° 56' 51"	E-48-44-D
núi Mỹ Duệ	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 11"	105° 56' 12"							E-48-44-D
thôn Mỹ Dung	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên					18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-B-d
kênh N1	TV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên									E-48-44-D; E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Đỉnh N2	TV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên			18° 14' 11"	105° 56' 21"	18° 14' 25"	105° 54' 50"	E-48-44-D
Đỉnh Ngạn Mọ	TV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 22"	105° 55' 21"	18° 18' 32"	105° 54' 10"	E-48-44-D; E-48-44-B-d
Đỉnh Phú Thượng	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 55"	105° 56' 12"					E-48-44-D
Đỉnh Phương Trú	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 08"	105° 55' 56"					E-48-44-B-d
Đỉnh Quang Trung	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 35"	105° 56' 50"					E-48-44-D
Đỉnh Quốc Tiến	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 19"	105° 56' 05"					E-48-44-B-d
Đỉnh Tân Duệ	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 18"	105° 56' 41"					E-48-44-D
Đỉnh Tân Mỹ	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 31"	105° 55' 40"					E-48-44-D
Đỉnh Thạch đá Cẩm Duệ	KX	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 37"	105° 56' 53"					E-48-44-D
Đỉnh Thường Kiệt	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 50"	105° 55' 45"					E-48-44-B-d
Đỉnh Thượng Long	TV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên			18° 13' 59"	105° 58' 16"	18° 14' 24"	105° 56' 29"	E-48-44-D
Đỉnh Trần Phú	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 03"	105° 56' 14"					E-48-44-B-d
Đỉnh Trung Thành	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 41"	105° 56' 31"					E-48-44-D
Đỉnh Lộc 15B	KX	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-45-A-c
Đỉnh Bắc Thành	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 24"	106° 02' 10"					E-48-45-A-c
Đỉnh Cẩm Đoài	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 28"	106° 03' 14"					E-48-45-A-c
Đỉnh Đông Đoài	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 34"	106° 03' 06"					E-48-45-A-c
Đỉnh Hoàng Văn	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 06"	106° 03' 29"					E-48-45-A-c
Đỉnh Liên Hương	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 47"	106° 02' 39"					E-48-45-A-c
Đỉnh N8	TV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 56"	106° 04' 51"	18° 18' 32"	106° 01' 03"	E-48-45-A-c
Đỉnh Nam Thành	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 08"	106° 02' 21"					E-48-45-A-c
Đỉnh Rạng Đông	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 46"	106° 03' 53"					E-48-45-A-c
Đỉnh Trộn	SV	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 00"	106° 03' 35"					E-48-45-A-c
Đỉnh Trung Đông	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 14"	106° 03' 30"					E-48-45-A-c
Đỉnh Trung Dương	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 51"	106° 02' 47"					E-48-45-A-c
Đỉnh Trung Tiến	DC	xã Cẩm Duệ	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 42"	106° 02' 52"					E-48-45-A-c
Đỉnh Cẩm Đông	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 35"	106° 04' 48"					E-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đông Xuân	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 39"	106° 04' 29"	18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-45-C-a E-48-45-C-a; E-48-45-A-c
sông Gia Hội	TV	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên							E-48-45-C-a
thôn Hoa Xuân	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 28"	106° 04' 28"					E-48-45-C-a
thôn Nam Xuân	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 18"	106° 04' 32"					E-48-45-C-a
thôn Nguyễn Đồi	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 46"	106° 04' 06"					E-48-45-C-a
Sông Qiền	TV	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên			18° 09' 37"	106° 03' 24"	18° 15' 24"	106° 05' 27"	E-48-45-C-a
thôn Tây Xuân	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 33"	106° 04' 27"					E-48-45-C-a
thôn Thành Xuân	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 17"	106° 03' 45"					E-48-45-C-a
kênh Thượng Tuy	TV	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên							E-48-45-C-a
thôn Trung Thắng	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 14"	106° 04' 08"					E-48-45-C-a
thôn Trung Tiến	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 02"	106° 04' 11"			18° 11' 10"	106° 02' 24"	E-48-45-C-a
thôn Xuân Hạ	DC	xã Cẩm Hà	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 21"	106° 03' 26"					E-48-45-C-a
quốc lộ 15B	KX	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-45-A-c E-48-45-A-c
thôn Bắc Hoà	DC	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên	18° 20' 22"	106° 01' 31"					E-48-45-A-c
thôn Đại Hoà	DC	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 21"	106° 01' 22"					E-48-45-A-c
thôn Đông Hoà	DC	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 28"	106° 01' 40"					E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
kênh chính Ké Gổ	TV	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên			18° 11' 48"	105° 55' 36"	18° 18' 18"	106° 01' 18"	E-48-45-A-c
thôn Minh Hoà	DC	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 43"	106° 01' 16"					E-48-45-A-c
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên	18° 19' 24"	106° 02' 14"			18° 18' 32"	106° 01' 03"	E-48-45-A-c
kênh N8	TV	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 56"	106° 04' 51"	18° 18' 14"	106° 01' 02"	E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
kênh N9	TV	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên			18° 23' 38"	105° 56' 44"			E-48-45-A-c
thôn Nhân Hoà	DC	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên	18° 19' 33"	106° 00' 32"					E-48-45-A-c
thôn Phú Hoà	DC	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên	18° 19' 49"	106° 02' 11"					E-48-45-A-c
thôn Quý Hoà	DC	xã Cẩm Hoà	H. Cẩm Xuyên	18° 19' 05"	106° 00' 48"					E-48-45-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-a; E-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Quốc lộ 1	KX	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
Thôn 1	DC	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 42"	105° 59' 18"					E-48-44-B-d
Thôn 2	DC	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 52"	105° 59' 17"					E-48-44-B-d
Thôn 3	DC	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 22"	105° 59' 44"					E-48-44-B-d
Thôn 4	DC	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 36"	105° 59' 41"					E-48-44-B-d
Thôn 5	DC	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 43"	106° 00' 14"					E-48-45-A-c
Thôn 6	DC	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 42"	105° 59' 56"					E-48-44-B-d
Thôn 7	DC	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 26"	105° 59' 51"					E-48-44-B-d
đường tỉnh 551	KX	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 42"	106° 05' 32"	18° 12' 57"	105° 54' 58"	E-48-44-B-d
sông Gia Hội	TV	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-44-B-d
kênh N4	TV	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 28"	106° 01' 27"	18° 17' 20"	105° 58' 14"	E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
kênh N6	TV	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 19"	106° 03' 28"	18° 17' 44"	105° 59' 07"	E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
đền Nguyễn Biên	KX	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 47"	106° 00' 04"					E-48-45-A-c
múi Trốc	SV	xã Cẩm Huy	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 33"	105° 59' 19"					E-48-44-B-d
múi Bò Bò	SV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 07' 43"	106° 06' 18"					E-48-45-C-a
Khe Cát	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên			18° 08' 18"	106° 04' 52"	18° 06' 38"	106° 03' 04"	E-48-45-C-a; E-48-45-C-c
Khe Cơm	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên			18° 10' 46"	106° 04' 04"	18° 11' 31"	106° 04' 44"	E-48-45-C-a
Hỏi Cờ	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 32"	106° 04' 39"	18° 12' 42"	106° 06' 45"	E-48-45-C-a
múi Cọc Tháo	SV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 08' 22"	106° 05' 36"					E-48-45-C-a
thôn Đình Hồ	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 17"	106° 05' 54"					E-48-45-C-a
thôn Đình Phùng	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 16"	106° 06' 18"					E-48-45-C-a
múi Đồng Cốt	SV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 10' 30"	106° 06' 27"					E-48-45-C-a
thôn Hoa Thám	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 45"	106° 05' 20"					E-48-45-C-a
thôn Hưng Đạo	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 49"	106° 05' 30"					E-48-45-C-a
thôn Lạc Thọ	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 44"	106° 05' 07"					E-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
lôn Nam Hà	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 12"	106° 04' 48"					E-48-45-C-a
lôn Nam Văn	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 30"	106° 04' 41"					E-48-45-C-a
lôn Nhà Lê	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 25"	106° 06' 50"	18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-C-a
lôn Phương Hoàng	SV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 55"	106° 04' 17"					E-48-45-C-a
lôn Quang Trung 1	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 48"	106° 05' 02"					E-48-45-C-a
lôn Quang Trung 2	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 55"	106° 05' 15"					E-48-45-C-a
lôn Rác	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên			18° 10' 05"	106° 05' 32"	18° 15' 43"	106° 06' 32"	E-48-45-C-a
lôn Sông Rác	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 09' 29"	106° 07' 05"					E-48-45-C-a
lôn chính Sông Rác	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên			18° 10' 26"	106° 05' 47"	18° 09' 44"	106° 14' 26"	E-48-45-C-a
lôn Trạ	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên			18° 08' 51"	106° 04' 51"	18° 10' 42"	106° 05' 04"	E-48-45-C-a
lôn Trần Phú	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 01"	106° 06' 26"					E-48-45-C-a
lôn Trung Đồi	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 59"	106° 06' 13"					E-48-45-C-a
lôn Vài	TV	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên			18° 11' 57"	106° 05' 32"			E-48-45-C-a
lôn Yên Lạc	DC	xã Cẩm Lạc	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 18"	106° 07' 02"					E-48-45-A-c
lôn 1	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 08"	106° 06' 48"					E-48-45-A-c
lôn 2	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 49"	106° 07' 23"					E-48-45-C-a
lôn 3	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 46"	106° 07' 16"					E-48-45-C-a
lôn 4	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 36"	106° 06' 38"					E-48-45-C-a
lôn 5	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 51"	106° 06' 23"					E-48-45-C-a
lôn 6	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 45"	106° 05' 56"					E-48-45-C-a
lôn 7	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 27"	106° 06' 46"					E-48-45-C-a
lôn 8	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 22"	106° 06' 40"					E-48-45-C-a
lôn 9	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 10"	106° 06' 36"					E-48-45-A-c
lôn 10	DC	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên							E-48-45-A-c
lôn lộ 15B	KX	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-45-A-c; E-48-45-A-d
lôn Cửa	SV	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 15"	106° 08' 44"					E-48-45-A-d
lôn Đình	TV	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên			18° 14' 41"	106° 08' 05"	18° 14' 27"	106° 06' 28"	E-48-45-C-a; E-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
sông Gia Hội	TV	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-45-A-c
Núi Giông	SV	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 46"	106° 07' 26"					E-48-45-C-a
đập Hoà Dục	KX	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 15"	106° 08' 09"					E-48-45-C-b
đập Khe Lau	KX	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 51"	106° 08' 06"					E-48-45-C-b
Núi Voi	SV	xã Cẩm Lĩnh	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 08"	106° 07' 51"					E-48-45-C-b
Quốc lộ 1	KX	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-a; E-48-45-A-c
Thôn 1	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 56"	106° 05' 06"					E-48-45-C-a
Thôn 2	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 57"	106° 05' 04"					E-48-45-C-a
Thôn 3	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 14"	106° 05' 09"					E-48-45-C-a
Thôn 4	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 13"	106° 05' 20"					E-48-45-C-a
Thôn 5	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 28"	106° 05' 29"					E-48-45-C-a
Thôn 6	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 24"	106° 05' 39"					E-48-45-C-a
Thôn 7	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 17"	106° 05' 50"					E-48-45-C-a
Thôn 8	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 39"	106° 05' 44"					E-48-45-C-a
Thôn 9	DC	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 56"	106° 05' 47"					E-48-45-C-a
Hói Cửa	TV	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 32"	106° 04' 39"	18° 12' 42"	106° 06' 45"	E-48-45-C-a
sông Gia Hội	TV	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-45-A-c
Sông Quèn	TV	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên			18° 09' 37"	106° 03' 24"	18° 15' 24"	106° 05' 27"	E-48-45-C-a; E-48-45-A-c
kênh Thượng Tuy	TV	xã Cẩm Lộc	H. Cẩm Xuyên			18° 14' 27"	106° 05' 18"	18° 11' 10"	106° 02' 24"	E-48-45-C-a
Quốc lộ 1	KX	xã Cẩm Minh	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-a; E-48-45-C-b
Thôn 1	DC	xã Cẩm Minh	H. Cẩm Xuyên	18° 10' 34"	106° 08' 01"					E-48-45-C-b
Thôn 2	DC	xã Cẩm Minh	H. Cẩm Xuyên	18° 10' 38"	106° 07' 43"					E-48-45-C-b
Thôn 3	DC	xã Cẩm Minh	H. Cẩm Xuyên	18° 10' 39"	106° 07' 27"					E-48-45-C-a
Thôn 4	DC	xã Cẩm Minh	H. Cẩm Xuyên	18° 10' 34"	106° 06' 58"					E-48-45-C-a
Thôn 5	DC	xã Cẩm Minh	H. Cẩm Xuyên	18° 10' 46"	106° 06' 43"					E-48-45-C-a
Thôn 6	DC	xã Cẩm Minh	H. Cẩm Xuyên	18° 10' 48"	106° 06' 32"					E-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hồ Bộc Nguyễn	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 39"	105° 53' 20"	18° 06' 38"	106° 03' 04"	18° 07' 23"	105° 59' 11"	E-48-44-D E-48-44-D; E-48-45-C-c
Rào Cát	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 48"	105° 53' 19"	18° 08' 51"	105° 51' 21"	18° 10' 00"	105° 53' 12"	E-48-44-D
đỉnh Chứa Trong	SV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên							E-48-44-D; E-48-45-C-c
Rào Con	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên			18° 04' 50"	105° 57' 25"	18° 04' 53"	106° 01' 22"	E-48-44-D; E-48-45-C-c
Khe Hang	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên							E-48-44-D; E-48-45-C-c
hồ Ké Gổ	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 10' 10"	105° 55' 52"					E-48-44-D
kênh chính Ké Gổ	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên			18° 11' 48"	105° 55' 36"	18° 18' 18"	106° 01' 18"	E-48-44-D
Khe Mên	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên			18° 05' 53"	105° 57' 31"	18° 06' 24"	105° 59' 19"	E-48-44-D
Rào Môn	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên			18° 06' 24"	105° 59' 19"	18° 06' 56"	105° 58' 24"	E-48-44-D
núi Mốc Bưởi	SV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 05' 23"	105° 55' 51"					E-48-44-D
núi Mốc Len	SV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 07' 09"	105° 54' 46"					E-48-44-D
núi Mỹ Duyệt	SV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 30"	105° 56' 34"					E-48-44-D
núi Mỹ Ốc	SV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 08' 23"	105° 52' 12"					E-48-44-D
Núi Nậy	SV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 04' 07"	105° 59' 11"					E-48-44-D
sông Ngâm Mộ	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 22"	105° 55' 21"	18° 18' 32"	105° 54' 10"	E-48-44-D
núi Tầm Lớ	SV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên	18° 07' 35"	105° 53' 31"					E-48-44-D
suối Vàng Vàng	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên			18° 10' 32"	105° 57' 26"	18° 13' 26"	105° 55' 47"	E-48-44-D
sông Cầu Nậy	TV	xã Cẩm Mỹ	H. Cẩm Xuyên			18° 17' 17"	106° 00' 16"	18° 14' 59"	106° 04' 47"	E-48-45-A-c
thôn Đông Khê	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 14"	106° 03' 15"					E-48-45-A-c
thôn Hà Bắc	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 26"	106° 02' 30"					E-48-45-A-c
kênh N8	TV	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 56"	106° 04' 51"	18° 18' 32"	106° 01' 03"	E-48-45-A-c
thôn Nam Thành	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 49"	106° 02' 00"					E-48-45-A-c
thôn Nam Yên	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 56"	106° 01' 09"					E-48-45-A-c
thôn Tây Đồng	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 36"	106° 02' 42"					E-48-45-A-c
thôn Tây Nguyên	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 40"	106° 01' 13"					E-48-45-A-c
thôn Tiến Hưng	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 31"	106° 01' 42"					E-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
ôn Trung Bình Bá	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 22"	106° 02' 50"					E-48-45-A-c
ôn Yên Thành	DC	xã Cẩm Nam	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 04"	106° 01' 42"					E-48-45-A-c
ốc lộ 15B	KX	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-45-A-c
ôn Chùa	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 17"	106° 06' 14"			18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-45-A-c
ng Gia Hội	TV	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên							E-48-45-A-c
ôn Hải Bắc	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 12"	106° 06' 37"					E-48-45-A-c
ôn Lâm Hoãn	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 14"	106° 06' 24"					E-48-45-A-c
ôn Liên Thành	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 17"	106° 06' 23"					E-48-45-A-c
ôn Nam Hải	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 05"	106° 06' 47"					E-48-45-A-c
ủa Nhung	TV	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 07"	106° 06' 57"					E-48-45-A-c
ôn Phúc Hải	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 19"	106° 06' 19"					E-48-45-A-c
ôn Tân Đình	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 11"	106° 06' 02"					E-48-45-A-c
ôn Tân Hải	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 19"	106° 06' 28"					E-48-45-A-c
ôn Trung Hải	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 07"	106° 06' 42"					E-48-45-A-c
ôn Xuân Bắc	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 10"	106° 06' 27"					E-48-45-A-c
ôn Xuân Nam	DC	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 13"	106° 06' 33"					E-48-45-A-c
ùa Yên Lạc	KX	xã Cẩm Nhung	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 15"	106° 06' 09"					E-48-45-A-c
hôn 1	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 37"	106° 02' 24"					E-48-45-A-c
hôn 2	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 46"	106° 02' 48"					E-48-45-A-c
hôn 3	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 24"	106° 02' 57"					E-48-45-A-c
hôn 4	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 15"	106° 03' 20"					E-48-45-A-c
hôn 5	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 40"	106° 03' 24"					E-48-45-A-c
hôn 6	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 55"	106° 03' 53"					E-48-45-C-a
hôn 7	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 44"	106° 03' 29"					E-48-45-C-a
ường tỉnh 551	KX	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 42"	106° 05' 32"	18° 12' 57"	105° 54' 58"	E-48-45-A-c
ông Cầu Nậy	TV	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên			18° 17' 17"	106° 00' 16"	18° 14' 59"	106° 04' 47"	E-48-45-C-8; E-48-45-A-c
ông Gia Hội	TV	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-45-C-8; E-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh N6	TV	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 19"	106° 03' 28"	18° 17' 44"	105° 59' 07"	E-48-45-A-c
đường tỉnh 551	KX	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 42"	106° 05' 32"	18° 12' 57"	105° 54' 58"	E-48-44-D
Thôn 1	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 11"	105° 59' 44"					E-48-44-D
Thôn 2	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 24"	105° 59' 53"					E-48-44-D
Thôn 3	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 33"	105° 59' 22"					E-48-44-D
Thôn 4	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 18"	105° 59' 12"					E-48-44-D
Thôn 5	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 13"	105° 58' 49"					E-48-44-D
Thôn 6	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 01"	105° 58' 25"					E-48-44-D
Thôn 7	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 07"	105° 58' 21"					E-48-44-B-d
Thôn 8	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 09"	105° 58' 10"					E-48-44-B-d
Thôn 9	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 11"	105° 57' 54"					E-48-44-B-d
Thôn 10	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 52"	105° 57' 48"					E-48-44-D
thôn 11	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 58"	105° 57' 27"					E-48-44-D
thôn 12	DC	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 48"	105° 57' 30"					E-48-44-D
Khe Cái	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 11' 21"	105° 59' 59"	18° 13' 07"	106° 02' 34"	E-48-44-D; E-48-45-C-a
sông Gia Hội	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-44-D; E-48-45-C-a
Khe Giã	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 11' 27"	105° 59' 20"	18° 13' 59"	105° 58' 16"	E-48-44-D
sông Khe Mài	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 59"	105° 57' 30"	18° 14' 21"	105° 56' 51"	E-48-44-D
kênh N2	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 10"	106° 02' 47"	18° 14' 25"	105° 54' 50"	E-48-44-D; E-48-45-C-a
Rào Pheo	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 08' 34"	106° 00' 15"	18° 07' 45"	105° 59' 44"	E-48-44-D; E-48-45-C-a
núi Rào Pheo	SV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 08' 42"	105° 59' 14"					E-48-44-D
sông Tầm Long	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 13' 46"	106° 00' 02"	18° 14' 36"	106° 00' 21"	E-48-45-C-a
sông Thượng Long	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 13' 59"	105° 58' 16"	18° 14' 24"	105° 56' 29"	E-48-44-D
núi Trẹ Trét	SV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 06"	106° 00' 39"					E-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
lối Vàng Vang	TV	xã Cẩm Quan	H. Cẩm Xuyên			18° 10' 32"	105° 57' 26"	18° 13' 26"	105° 55' 47"	E-48-44-D
ốc lộ 1	KX	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-44-B-d
lối 64A	SV	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 25"	105° 59' 15"					E-48-44-B-d
ôn Đông Hoa Vinh	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 13"	105° 58' 21"					E-48-44-B-d
ôn Đông Thành	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 54"	105° 58' 05"					E-48-44-B-d
ông Gia Hội	TV	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-44-B-d
ông chính Ké Gỗ	TV	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên			18° 11' 48"	105° 55' 36"	18° 18' 18"	106° 01' 18"	E-48-44-B-d
ông N4	TV	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 28"	106° 01' 27"	18° 17' 20"	105° 58' 14"	E-48-44-B-d
ông N6	TV	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên			18° 15' 19"	106° 03' 28"	18° 17' 44"	105° 59' 07"	E-48-44-B-d
ôn Nam Thành	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 38"	105° 58' 09"					E-48-44-B-d
ôn Nam Vinh	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 48"	105° 58' 06"					E-48-44-B-d
ôn Nhân Sơn	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 18"	105° 59' 16"					E-48-44-B-d
ôn Quang Đông	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 17"	105° 58' 30"					E-48-44-B-d
ôn Thọ Sơn	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 31"	105° 58' 50"					E-48-44-B-d
ôn Trung Sơn	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 22"	105° 59' 01"					E-48-44-B-d
ôn Trung Thành	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 30"	105° 57' 45"					E-48-44-B-d
ôn Ưu Tràng	DC	xã Cẩm Quang	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 55"	105° 58' 32"					E-48-44-B-d
ốc lộ 1	KX	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-a
hòn 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 18"	106° 02' 49"					E-48-45-C-a
hòn 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 42"	106° 03' 16"					E-48-45-C-a
hòn 3	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 06"	106° 03' 04"					E-48-45-C-a
hòn 4	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 50"	106° 04' 23"					E-48-45-C-a
hòn 5	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 57"	106° 04' 20"					E-48-45-C-a
hòn 6	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 41"	106° 03' 58"					E-48-45-C-a
hòn 7	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 32"	106° 03' 41"					E-48-45-C-a
hòn 8	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 47"	106° 03' 28"					E-48-45-C-a
hòn 9	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 53"	106° 03' 13"					E-48-45-C-a
hòn 10	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 15"	106° 03' 37"					E-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Khe Cát	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên			18° 08' 18"	106° 04' 52"	18° 06' 38"	106° 03' 04"	E-48-45-C-a; E-48-45-C-c
Rào Cát	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên			18° 06' 38"	106° 03' 04"	18° 07' 23"	105° 59' 11"	E-48-45-C-c
Khe Cỏm	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên			18° 10' 46"	106° 04' 04"	18° 11' 31"	106° 04' 44"	E-48-45-C-a
Hố Cửa	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 32"	106° 04' 39"	18° 12' 42"	106° 06' 45"	E-48-45-C-a
núi Động Trồi	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 07' 26"	106° 02' 54"					E-48-45-C-c
núi Phương Hoàng	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 55"	106° 04' 17"					E-48-45-C-a
Sông Quên	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên			18° 09' 37"	106° 03' 24"	18° 15' 24"	106° 05' 27"	E-48-45-C-a
kênh Thượng Tuy	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên			18° 14' 27"	106° 05' 18"	18° 11' 10"	106° 02' 24"	E-48-45-C-a
Động Tréo	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Xuyên	18° 09' 28"	106° 03' 13"					E-48-45-C-a
đường tỉnh 554	KX	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-D
khe Bạc Đà	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 06"	105° 52' 48"	18° 17' 13"	105° 55' 04"	E-48-44-B-d
hồ Bộc Nguyễn	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 39"	105° 53' 20"					E-48-44-D
thôn Bộc Nguyễn	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 23"	105° 54' 21"					E-48-44-B-d
thôn Cẩm Đông	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 03"	105° 55' 48"					E-48-44-B-d
đình Chùa Trong	SV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 48"	105° 53' 19"					E-48-44-D
thôn Đại Tăng	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 47"	105° 55' 01"					E-48-44-B-d
thôn Mỹ Thành	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 38"	105° 55' 13"					E-48-44-B-d
kênh NI	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên			18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-D; E-48-44-B-d
thôn Na Trung	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 34"	105° 55' 46"					E-48-44-B-d
sông Ngân Mọ	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 22"	105° 55' 21"	18° 18' 32"	105° 54' 10"	E-48-44-D; E-48-44-B-d
thôn Xuân Lâu	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 47"	105° 54' 29"					E-48-44-D
Quốc lộ 1	KX	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-44-B-d
thôn An Việt	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 47"	105° 55' 18"					E-48-44-B-d
thôn Đông Mỹ	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Xuyên	18° 15' 44"	105° 57' 11"					E-48-44-B-d
thôn Đông Nam Lộ	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 16"	105° 57' 44"					E-48-44-B-d
thôn Đông Bàu	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Xuyên	18° 16' 25"	105° 56' 33"					E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khe Chín Xai	TV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên			18° 01' 38"	106° 02' 21"	18° 04' 43"	106° 01' 54"	E-48-45-C-c
núi Đá Đen	SV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 03' 09"	106° 00' 13"					E-48-45-C-c
thôn Đông Thuận	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 03"	106° 02' 34"					E-48-45-C-a
núi Đông Trám	SV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 09' 13"	106° 01' 50"					E-48-45-C-a
thôn Đông Trung	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 07"	106° 02' 48"					E-48-45-C-a
sông Gia Hội	TV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên			18° 16' 18"	105° 55' 54"	18° 16' 07"	106° 06' 57"	E-48-44-D; E-48-45-C-a; E-48-45-A-c
Khe Hang	TV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên			18° 04' 50"	105° 57' 25"	18° 04' 53"	106° 01' 22"	E-48-44-D; E-48-45-C-c
thôn Hoà Lạc	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 38"	106° 02' 46"					E-48-45-C-a
thôn Hoà Sơn	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 56"	106° 02' 15"					E-48-45-C-a
kênh N2	TV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 10"	106° 02' 47"	18° 14' 25"	105° 54' 50"	E-48-44-D; E-48-45-C-a
Rào Nạc	TV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên			18° 12' 41"	106° 02' 58"	18° 14' 42"	106° 00' 58"	E-48-45-C-a
Núi Nậy	SV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 04' 07"	105° 59' 11"					E-48-44-D
Rào Om	TV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên			18° 09' 52"	106° 01' 05"	18° 08' 34"	106° 00' 15"	E-48-45-C-a
thôn Sơn Nam	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 47"	106° 01' 50"					E-48-45-C-a
thôn Sơn Trung	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 06"	106° 02' 01"					E-48-45-C-a
thôn Tân Thuận	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 19"	106° 02' 32"					E-48-45-C-a
đập Thượng Tuy	KX	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 11' 10"	106° 02' 25"					E-48-45-C-a
kênh Thượng Tuy	TV	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên			18° 14' 27"	106° 05' 18"	18° 11' 10"	106° 02' 24"	E-48-45-C-a
thôn Tiến Thắng	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 12' 07"	106° 01' 25"					E-48-45-C-a
thôn Trung Tâm	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 48"	106° 02' 39"					E-48-45-C-a
thôn Trung Thành	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 13' 51"	106° 02' 48"					E-48-45-C-a
thôn Trường Xuân	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 29"	106° 02' 52"					E-48-45-C-a
thôn Yên Trung	DC	xã Cẩm Thịnh	H. Cẩm Xuyên	18° 14' 03"	106° 02' 12"					E-48-45-C-a
Quốc lộ 1	KX	xã Cẩm Trung	H. Cẩm Xuyên			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-a; E-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hồ Phương	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 24"	106° 00' 21"	18° 11' 48"	105° 55' 36"	18° 18' 18"	106° 01' 18"	E-48-45-A-c
kênh chính Ké Gỗ	TV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên							E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
thôn Minh Lạc	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên	18° 19' 09"	106° 00' 01"	18° 17' 48"	105° 59' 21"	18° 20' 44"	105° 55' 27"	E-48-44-B-d
kênh N7	TV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên			18° 23' 38"	105° 56' 44"	18° 18' 14"	106° 01' 02"	E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
kênh N9	TV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên							E-48-45-A-c
thôn Yên Giang	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 39"	106° 00' 32"					E-48-45-A-c
thôn Yên Mỹ	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên	18° 17' 51"	106° 00' 38"					E-48-45-A-c
thôn Yên Quí	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 50"	105° 59' 44"					E-48-44-B-d
thôn Yên Thành	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Xuyên	18° 18' 17"	105° 59' 20"					E-48-44-B-d
Quốc lộ 1	KX	TT. Nghiền	H. Can Lộc			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
khối 1A	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 01"	105° 46' 43"					E-48-44-B-a
khối 1B	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 07"	105° 46' 36"					E-48-44-B-a
Khối 2	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 02"	105° 46' 51"					E-48-44-B-a
Khối 3	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 01"	105° 46' 58"					E-48-44-B-a
Khối 4	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 26' 52"	105° 46' 49"					E-48-44-B-a
Khối 5	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 26' 45"	105° 46' 46"					E-48-44-B-a
Khối 6	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 16"	105° 46' 22"					E-48-44-B-a
Khối 7	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 18"	105° 46' 29"					E-48-44-B-a
Khối 8	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 17"	105° 46' 44"					E-48-44-B-a
Khối 9	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 44"	105° 46' 04"					E-48-44-B-a
Khối 10	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 56"	105° 45' 44"					E-48-44-B-a
khối 11	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 57"	105° 45' 57"					E-48-44-B-a
khối 12	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 47"	105° 46' 07"					E-48-44-B-a
đường tỉnh 548	KX	TT. Nghiền	H. Can Lộc			18° 28' 03"	105° 52' 07"	18° 24' 27"	105° 43' 34"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
xóm Hồng Vĩnh	DC	TT. Nghiền	H. Can Lộc	18° 27' 13"	105° 46' 21"					E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Đi tích Ngã ba Nghèn	KX	TT. Nghèn	H. Can Lộc	18° 27' 14"	105° 46' 26"					E-48-44-B-a
Đài Nghèn	KX	TT. Nghèn	H. Can Lộc	18° 27' 28"	105° 46' 20"					E-48-44-B-a
Đông Nghèn	TV	TT. Nghèn	H. Can Lộc			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
Đi tích Nhà thờ Ngô Phúc	KX	TT. Nghèn	H. Can Lộc	18° 27' 19"	105° 45' 48"					E-48-44-B-a
Đài Phúc Sơn	DC	TT. Nghèn	H. Can Lộc	18° 27' 23"	105° 45' 54"					E-48-44-B-a
Đài Phúc Xuân	DC	TT. Nghèn	H. Can Lộc	18° 26' 50"	105° 45' 32"					E-48-44-B-a
Đài Xuân Thủy 1	DC	TT. Nghèn	H. Can Lộc	18° 26' 22"	105° 45' 23"					E-48-44-B-a
Đài Xuân Thủy 2	DC	TT. Nghèn	H. Can Lộc	18° 26' 13"	105° 45' 45"					E-48-44-B-a
Đài lộ 15	KX	xã Đông Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-A-b; E-48-44-A-d
Đài lộ 15B	KX	xã Đông Lộc	H. Can Lộc			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-A-b
Đài tỉnh 548	KX	xã Đông Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 03"	105° 52' 07"	18° 24' 27"	105° 43' 34"	E-48-44-A-b
Đài tỉnh 554	KX	xã Đông Lộc	H. Can Lộc			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-A-b; E-48-44-A-d
Đài Bắc Mỹ	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 51"	105° 43' 39"					E-48-44-A-b
Đài Chùa Nghi	TV	xã Đông Lộc	H. Can Lộc			18° 24' 11"	105° 43' 50"	18° 25' 54"	105° 46' 58"	E-48-44-A-b; E-48-44-A-d
Đài Khe Thờ	TV	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 22' 10"	105° 42' 43"					E-48-44-A-b
Đài Khe Thờ	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 22' 39"	105° 42' 24"					E-48-44-A-b
Đài Kiến Thành	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 32"	105° 44' 30"					E-48-44-A-b
Đài Kim Thành	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 17"	105° 44' 13"					E-48-44-A-b
Đài Linh Cảm	TV	xã Đông Lộc	H. Can Lộc			18° 26' 58"	105° 40' 49"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-A-b
Đài Nam Mỹ	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 43"	105° 43' 42"					E-48-44-A-b
Đài tích Ngã Ba Đông Lộc	KX	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 11"	105° 44' 15"					E-48-44-A-b
Đài Tân Hương	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 30"	105° 43' 22"					E-48-44-A-b
Đài Thượng Liên	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 05"	105° 43' 29"					E-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Trung Thành	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 14"	105° 43' 47"	18° 25' 43"	105° 43' 39"	18° 22' 31"	105° 42' 22"	E-48-44-A-b
Suối Trương	TV	xã Đông Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 17"	105° 43' 35"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-A-b
thôn Tùng Liên	DC	xã Đông Lộc	H. Can Lộc			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-A-b
quốc lộ 15	KX	xã Gia Hành	H. Can Lộc							E-48-44-A-b
đường tỉnh 554	KX	xã Gia Hành	H. Can Lộc							E-48-44-A-b
đập Ba Cây	KX	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 24' 48"	105° 40' 01"					E-48-44-A-b
thôn Bắc Trung Sơn	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 26' 40"	105° 41' 20"					E-48-44-A-b
thôn Bình Sơn	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 26' 56"	105° 41' 39"					E-48-44-A-b
múi Đa Chông	SV	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 22' 58"	105° 39' 02"					E-48-44-A-b
thôn Hồng Tiến	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 25' 34"	105° 40' 53"					E-48-44-A-b
thôn Kim Sơn	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 25' 15"	105° 41' 06"					E-48-44-A-b
kênh Linh Cảm	TV	xã Gia Hành	H. Can Lộc			18° 26' 58"	105° 40' 49"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-A-b
kênh Linh Cảm	TV	xã Gia Hành	H. Can Lộc			18° 31' 50"	105° 33' 18"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-A-b
thôn Nghĩa Sơn	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 26' 38"	105° 41' 33"					E-48-44-A-b
thôn Ngọc Lâm	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 25' 37"	105° 41' 22"					E-48-44-A-b
thôn Nhân Phong	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 26' 22"	105° 40' 58"					E-48-44-A-b
Sông Nhe	TV	xã Gia Hành	H. Can Lộc			18° 27' 03"	105° 40' 42"	18° 28' 11"	105° 45' 23"	E-48-44-A-b
thôn Phan Sơn	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 26' 24"	105° 41' 59"					E-48-44-A-b
thôn Tân Bình	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 24' 32"	105° 39' 50"					E-48-44-A-b
thôn Trung Ngọc	DC	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 25' 29"	105° 41' 04"					E-48-44-A-b
múi Trương Vát	SV	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 22' 16"	105° 39' 45"					E-48-44-A-d
hồ Vực Trống	TV	xã Gia Hành	H. Can Lộc	18° 24' 14"	105° 39' 26"					E-48-44-A-b
đường tỉnh 548	KX	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 03"	105° 52' 07"	18° 24' 27"	105° 43' 34"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
thôn Đông Hoà	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 19"	105° 44' 27"					E-48-44-A-b
thôn Kiều Mộc	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 07"	105° 43' 51"					E-48-44-A-b
thôn Lương Hội	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 56"	105° 44' 48"					E-48-44-A-b
thôn Nam Hoà	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 08"	105° 44' 16"					E-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
ông Nhe	TV	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc			18° 27' 03"	105° 40' 42"	18° 28' 11"	105° 45' 23"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
lôn Quận Ngọc	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 45"	105° 44' 02"					E-48-44-A-b
lôn Thái Ấp	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 40"	105° 43' 36"					E-48-44-A-b
lôn Thuận Thăng	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 23"	105° 43' 49"					E-48-44-A-b
lôn Thương Thăng	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 08"	105° 43' 48"					E-48-44-A-b
lôn Văn Cửu	DC	xã Khánh Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 25"	105° 44' 23"					E-48-44-A-b
lôn Yên 19-5	TV	xã Kim Lộc	H. Can Lộc			18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 30' 08"	105° 41' 34"	E-48-32-C-d
lôn Yên Đền thờ Nguyễn Huệ	KX	xã Kim Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 34"	105° 40' 55"					E-48-44-A-b
lôn Đình Hồ	DC	xã Kim Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 18"	105° 41' 07"					E-48-44-A-b
lôn Kim Thịnh	DC	xã Kim Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 30"	105° 40' 35"					E-48-44-A-b
lôn Lữ	DC	xã Kim Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 31"	105° 40' 55"					E-48-44-A-b
lôn Phúc Tân	DC	xã Kim Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 46"	105° 40' 28"					E-48-44-A-b
lôn Thượng Xá	DC	xã Kim Lộc	H. Can Lộc	18° 30' 09"	105° 40' 24"					E-48-32-C-d
lôn Yên Trảng	DC	xã Kim Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 25"	105° 39' 53"					E-48-44-A-b
lôn Yên Lộ 15	KX	xã Mỹ Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-B-c; E-48-44-A-b; E-48-44-A-d
lôn Yên Lộ 15B	KX	xã Mỹ Lộc	H. Can Lộc			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-c; E-48-44-A-b; E-48-44-A-d
lôn Yên Lộ 554	KX	xã Mỹ Lộc	H. Can Lộc			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-A-d
lôn Yên Lộ 60	DC	xã Mỹ Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 02"	105° 44' 38"					E-48-44-A-b
lôn Yên Lộ 61	SV	xã Mỹ Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 48"	105° 45' 43"					E-48-44-B-a
lôn Yên Lộ 62	TV	xã Mỹ Lộc	H. Can Lộc			18° 23' 01"	105° 45' 36"	18° 22' 31"	105° 46' 47"	E-48-44-B-a
lôn Yên Lộ 63	SV	xã Mỹ Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 39"	105° 45' 44"					E-48-44-B-a
lôn Yên Lộ 64	TV	xã Mỹ Lộc	H. Can Lộc			18° 21' 24"	105° 44' 18"	18° 22' 46"	105° 46' 15"	E-48-44-B-c; E-48-44-A-d; E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
ôn Thượng Hà	DC	xã Phú Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 00"	105° 39' 32"					E-48-44-A-b
ôn Trà Sơn	DC	xã Phú Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 27"	105° 40' 12"					E-48-44-A-b
ôn Trung Đông	DC	xã Phú Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 22"	105° 40' 24"					E-48-44-A-b
ôn Vĩnh Phú	DC	xã Phú Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 12"	105° 40' 33"					E-48-44-A-b
õ Vực Trống	TV	xã Phú Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 14"	105° 39' 26"					E-48-44-A-b
uốc lộ 15B	KX	xã Quang Lộc	H. Can Lộc			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-a
ôn Ban Long	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 42"	105° 46' 10"					E-48-44-B-a
úi Bia Đá	SV	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 48"	105° 45' 43"					E-48-44-B-a
ông Cầu Sông	TV	xã Quang Lộc	H. Can Lộc			18° 22' 50"	105° 47' 22"	18° 24' 25"	105° 47' 07"	E-48-44-B-a
úi Chùa	SV	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 39"	105° 45' 44"					E-48-44-B-a
ông Giã	TV	xã Quang Lộc	H. Can Lộc			18° 22' 50"	105° 47' 22"	18° 26' 19"	105° 48' 17"	E-48-44-B-a
ôn Hương Đình	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 24"	105° 46' 31"					E-48-44-B-a
úi Long Tương	SV	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 31"	105° 45' 54"					E-48-44-B-a
ôn Tam Long	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 13"	105° 46' 59"					E-48-44-B-a
ôn Thượng Lợi	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 39"	105° 45' 44"					E-48-44-B-a
ôn Trà Dương	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 30"	105° 46' 21"					E-48-44-B-a
ôn Trại Lê	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 08"	105° 46' 22"					E-48-44-B-a
úi Voi	SV	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 56"	105° 45' 27"					E-48-44-B-a
ôn Yên Bình	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 45"	105° 45' 58"					E-48-44-B-a
ôn Yên Lạc	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 17"	105° 46' 03"					E-48-44-B-a
ôn Yên Lập	DC	xã Quang Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 12"	105° 45' 32"					E-48-44-B-a
uốc lộ 15	KX	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-B-c; E-48-44-A-d
uốc lộ 15B	KX	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-a
ường tỉnh 554	KX	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-B-c; E-48-44-A-d
ông Cầu Mới	TV	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc			18° 23' 01"	105° 45' 36"	18° 22' 31"	105° 46' 47"	E-48-44-B-a
ông Cầu Sông	TV	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc			18° 22' 50"	105° 47' 22"	18° 24' 25"	105° 47' 07"	E-48-44-B-a
ôn Chi Lê	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 22' 51"	105° 46' 45"					E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Chùa	SV	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 39"	105° 45' 44"	18° 21' 24"	105° 44' 18"	18° 22' 46"	105° 46' 15"	E-48-44-B-a E-48-44-B-c; E-48-44-A-d; E-48-44-B-a
súoi Cộ Tây	TV	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc							E-48-44-B-c
thôn Đập Lã	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 21' 22"	105° 46' 01"					E-48-44-B-a
thôn Khánh Sơn	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 06"	105° 46' 16"					E-48-44-B-a
thôn Khe Giao	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 20' 57"	105° 44' 58"					E-48-44-A-d
kênh Linh Cảm	TV	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc			18° 26' 58"	105° 40' 49"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
thôn Phúc Sơn	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 31"	105° 45' 58"					E-48-44-B-a
thôn Thịnh Lộc	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 07"	105° 46' 39"					E-48-44-B-a
thôn Thượng Sơn	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 22' 07"	105° 45' 53"					E-48-44-B-c
sông Trộc Cộc	TV	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc			18° 21' 15"	105° 46' 02"	18° 23' 00"	105° 47' 09"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
thôn Trung Sơn	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 22' 20"	105° 46' 11"					E-48-44-B-c
thôn Tụ Cường	DC	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc	18° 21' 58"	105° 46' 15"					E-48-44-B-c
sông Vách Nam	TV	xã Sơn Lộc	H. Can Lộc			18° 23' 43"	105° 44' 39"	18° 23' 33"	105° 52' 25"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Song Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-A-b
Di tích Đền thờ Phan Kính	KX	xã Song Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 25"	105° 40' 29"					E-48-44-A-b
thôn Đông Vĩnh	DC	xã Song Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 25"	105° 40' 33"					E-48-44-A-b
thôn Phúc Lộc	DC	xã Song Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 42"	105° 40' 42"					E-48-44-A-b
thôn Phúc Yên	DC	xã Song Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 59"	105° 40' 20"					E-48-44-A-b
thôn Tam Đình	DC	xã Song Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 02"	105° 41' 11"					E-48-44-A-b
thôn Vĩnh Gia	DC	xã Song Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 16"	105° 40' 22"					E-48-44-A-b
kênh C2	TV	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc			18° 27' 36"	105° 40' 52"	18° 27' 37"	105° 43' 16"	E-48-44-A-b
Núi Cại	SV	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 17"	105° 42' 17"					E-48-44-A-b
Kênh Giũa	TV	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc			18° 29' 41"	105° 50' 36"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Ấp Hai Huyện	TV	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 45"	105° 43' 49"	18° 29' 33"	105° 43' 04"	E-48-44-A-b
Ấp Nhà Lê	TV	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 28' 48"	105° 44' 44"	E-48-44-A-b
Ấp Thanh Bình	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 47"	105° 42' 38"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Đông	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 25"	105° 42' 42"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Hoà	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 42"	105° 42' 42"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Hợp	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 59"	105° 42' 23"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Lâm	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 35"	105° 42' 43"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Mỹ	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 56"	105° 42' 56"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Sơn	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 04"	105° 42' 12"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Tân	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 51"	105° 42' 33"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Thủy	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 16"	105° 42' 47"					E-48-44-A-b
Ấp Thanh Tiến	DC	xã Thanh Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 55"	105° 42' 29"					E-48-44-A-b
Ấp Lộc 1	KX	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-32-C-d; E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
Ấp Lộc 548	KX	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 03"	105° 52' 07"	18° 24' 27"	105° 43' 34"	E-48-44-B-a
Ấp Bạc	TV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 32' 46"	105° 45' 35"	18° 32' 26"	105° 43' 55"	E-48-32-C-d; E-48-32-D-c+d
Ấp Cẩm	SV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 30' 41"	105° 45' 52"					E-48-32-D-c+d
Ấp Chợ Mới	TV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 52"	105° 45' 37"	18° 29' 39"	105° 46' 14"	E-48-44-B-a
Ấp Đá Mài	TV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 30' 20"	105° 47' 17"	18° 29' 49"	105° 47' 06"	E-48-44-B-a; E-48-32-D-c+d
Ấp Đoàn Kết	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 55"	105° 46' 50"					E-48-44-B-a
Ấp Đông Nam	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 09"	105° 45' 43"					E-48-44-B-a
Ấp Giữa	TV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 29' 41"	105° 50' 36"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
Ấp Hoà Thịnh	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 41"	105° 46' 02"					E-48-44-B-a
Ấp Hồng Tân	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 38"	105° 46' 12"					E-48-44-B-a
Ấp Hợp Tác	TV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 25"	105° 46' 43"	18° 27' 48"	105° 46' 50"	E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
chùa Hương Tích	KX	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 32' 13"	105° 47' 11"					E-48-32-D-c+d
Di tích Mộ Bạch Liêu	KX	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 48"	105° 46' 20"					E-48-44-B-a
Sông Ngành	TV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
đập Nhà Đường	KX	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 30' 16"	105° 46' 30"					E-48-32-D-c+d
Dãy núi Hồng	SV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 37' 55"	105° 42' 33"	18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-32-D-c+d
Núi Ong	SV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 32' 45"	105° 47' 17"					E-48-32-D-c+d
thôn Tân Thượng	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 47"	105° 46' 30"					E-48-44-B-a
thôn Thiên Hương	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 07"	105° 46' 07"					E-48-44-B-a
Khe Trúc	TV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc			18° 31' 37"	105° 45' 51"	18° 29' 16"	105° 44' 56"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a; E-48-32-D-c+d
thôn Trung Hải	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 56"	105° 45' 45"					E-48-44-B-a
thôn Trung Thiện	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 54"	105° 45' 57"					E-48-44-B-a
thôn Trường Lộc	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 16"	105° 45' 53"					E-48-44-B-a
hồ Vòi Voi	TV	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 26"	105° 46' 50"					E-48-44-B-a
thôn Yên Đình	DC	xã Thiên Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 01"	105° 45' 57"					E-48-44-B-a
đường tỉnh 548	KX	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc			18° 28' 03"	105° 52' 07"	18° 24' 27"	105° 43' 34"	E-48-44-B-a
đập Cù Lầy	KX	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc	18° 30' 04"	105° 47' 41"					E-48-32-D-c+d
kênh Cù Lầy	TV	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc			18° 26' 58"	105° 48' 06"	18° 30' 04"	105° 47' 41"	E-48-44-B-a; E-48-32-D-c+d
thôn Cửu Quốc	DC	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc	18° 29' 46"	105° 47' 38"					E-48-44-B-a
khe Đả Mai	TV	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc			18° 30' 20"	105° 47' 17"	18° 29' 49"	105° 47' 06"	E-48-44-B-a; E-48-32-D-c+d
Kênh Giữa	TV	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc			18° 29' 41"	105° 50' 36"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-B-a
thôn Làng Chùa	DC	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc	18° 27' 42"	105° 47' 24"					E-48-44-B-a
thôn Làng Khang	DC	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc	18° 27' 59"	105° 47' 56"					E-48-44-B-a
thôn Liên Sơn	DC	xã Thuần Thiện	H. Can Lộc	18° 29' 17"	105° 48' 21"					E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
ôn Lông Lộng	DC	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc	18° 28' 24"	105° 47' 28"	18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-B-a
ông Nghèn	TV	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc			18° 37' 55"	105° 42' 33"	18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-44-B-a
ây núi Hồng	SV	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc							E-48-32-D-c+d
úi Ong	SV	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc	18° 32' 45"	105° 47' 17"					E-48-32-D-c+d
úi Ông Kiêu	SV	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc	18° 29' 40"	105° 47' 49"					E-48-44-B-a
ôn Phúc Sơn	DC	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc	18° 28' 56"	105° 47' 42"					E-48-44-B-a
ình Phúc Tùng	TV	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc			18° 27' 06"	105° 48' 15"	18° 28' 24"	105° 48' 20"	E-48-44-B-a
ôn Tây Hồ	DC	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc	18° 28' 10"	105° 47' 33"					E-48-44-B-a
ôn Thuận Chấn	DC	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc	18° 27' 46"	105° 47' 44"					E-48-44-B-a
ôn Trường Tiến	DC	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc	18° 28' 30"	105° 47' 09"					E-48-44-B-a
hôn Yên	DC	xã Thuận Thiện	H. Can Lộc	18° 28' 17"	105° 47' 45"					E-48-44-B-a
uốc lộ 15	KX	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-A-b; E-48-44-A-d
ường tỉnh 554	KX	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-A-b
ò An Hùng	TV	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 17"	105° 41' 25"					E-48-44-A-b
ôn Anh Hùng	DC	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 40"	105° 42' 02"					E-48-44-A-b
ôn Đông Phong	DC	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 26"	105° 42' 47"					E-48-44-A-b
ôn Đồng Thanh	DC	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 41"	105° 42' 19"					E-48-44-A-b; E-48-44-A-d
ò Khe Thờ	TV	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 22' 10"	105° 42' 43"					E-48-44-A-b
ôn Liên Tân	DC	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 16"	105° 43' 13"					E-48-44-A-b
ánh Linh Cảm	TV	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc					18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-A-b
ôn Nam Phong	DC	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 52"	105° 42' 29"					E-48-44-A-b
ôn Sơn Bình	DC	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 36"	105° 41' 29"					E-48-44-A-b
ôn Sơn Phú	DC	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 12"	105° 42' 25"					E-48-44-A-b
ôn Thanh Mỹ	DC	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 10"	105° 41' 48"					E-48-44-A-b
he Thờ	TV	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc			18° 22' 33"	105° 40' 46"	18° 22' 06"	105° 41' 57"	E-48-44-A-b; E-48-44-A-d
úi Trường Vát	SV	xã Thượng Lộc	H. Can Lộc	18° 22' 16"	105° 39' 45"					E-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Vĩnh Xá	DC	xã Thường Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 18"	105° 42' 32"					E-48-44-A-b
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Thường Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 02"	105° 41' 53"					E-48-44-A-b
quốc lộ 15	KX	xã Thường Nga	H. Can Lộc			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-A-b
đường tỉnh 554	KX	xã Thường Nga	H. Can Lộc			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-A-b
thôn Bồng Sơn	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 26' 56"	105° 38' 38"					E-48-44-A-b
Hồ Bưởi	TV	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 26' 36"	105° 38' 58"					E-48-44-A-b
thôn Chùa Hội	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 27' 52"	105° 39' 15"					E-48-44-A-b
thôn Đất Đỏ	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 27' 24"	105° 39' 11"					E-48-44-A-b
thôn Đông Nam	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 28' 09"	105° 39' 33"					E-48-44-A-b
đập Khe Lang	KX	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 26' 48"	105° 37' 56"					E-48-44-A-b
hồ Khe Lang	TV	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 26' 15"	105° 38' 13"					E-48-44-A-b
thôn Liên Minh	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 28' 43"	105° 39' 42"			18° 31' 50"	105° 33' 18"	E-48-44-A-b
kênh Linh Cảm	TV	xã Thường Nga	H. Can Lộc							E-48-44-A-b
thôn Tây Bắc	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 28' 02"	105° 39' 16"					E-48-44-A-b
thôn Trà Liên	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 28' 36"	105° 38' 50"					E-48-44-A-b
thôn Trung Hoà	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 27' 56"	105° 39' 25"					E-48-44-A-b
thôn Văn Minh	DC	xã Thường Nga	H. Can Lộc	18° 28' 27"	105° 38' 57"					E-48-44-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-44-B-a
sông Chùa Nghi	TV	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 11"	105° 43' 50"			18° 25' 54"	105° 46' 58"	E-48-44-B-a
Cầu Già	KX	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 10"	105° 48' 10"					E-48-44-B-a
Sông Già	TV	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc			18° 22' 50"	105° 47' 22"	18° 26' 19"	105° 48' 17"	E-48-44-B-a
thôn Hà Nam	DC	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 37"	105° 47' 56"					E-48-44-B-a
thôn Hồng Hà	DC	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 22"	105° 47' 53"					E-48-44-B-a
thôn Hồng Quang	DC	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 34"	105° 47' 21"					E-48-44-B-a
thôn K.130	DC	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 57"	105° 47' 27"					E-48-44-B-a
Sông Nghi	TV	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-B-a
thôn Sơn Thịnh	DC	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 26"	105° 47' 32"					E-48-44-B-a
thôn Thượng Gia	DC	xã Tiên Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 23"	105° 47' 10"					E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 548	KX	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 12"	105° 48' 47"	18° 28' 03"	105° 52' 07"	18° 24' 27"	105° 43' 34"	E-48-44-B-a
thôn Bắc Tân Dân	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 14"	105° 49' 19"	18° 26' 02"	105° 50' 57"	E-48-44-B-a
sông Cầu Trù	TV	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc			18° 26' 58"	105° 48' 06"	18° 30' 04"	105° 47' 41"	E-48-44-B-a
kênh Cù Lậy	TV	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc			18° 27' 48"	105° 49' 27"	18° 26' 16"	105° 49' 18"	E-48-44-B-a
sông Đập Bưởi	TV	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc							E-48-44-B-a
Di tích Đền thờ Đặng Tất-Đặng Dung	KX	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 36"	105° 49' 08"					E-48-44-B-a
Di tích Đền thờ Hà Tôn Mục	KX	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 08"	105° 48' 22"					E-48-44-B-a
thôn Đông Quang Trung	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 53"	105° 48' 38"					E-48-44-B-a
thôn Đông Vinh	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 05"	105° 48' 27"					E-48-44-B-a
Kênh Giũa	TV	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc			18° 29' 41"	105° 50' 36"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-B-a
thôn Liên Sơn	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 58"	105° 48' 57"					E-48-44-B-a
thôn Minh Tiến	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 28"	105° 48' 56"					E-48-44-B-a
thôn Nam Tân Dân	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 57"	105° 48' 39"					E-48-44-B-a
Sông Nghèn	TV	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-B-a
Núi Ong	SV	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 39"	105° 49' 21"					E-48-44-B-a
thôn Phú Thọ	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 09"	105° 48' 35"					E-48-44-B-a
kênh Phúc Tùng	TV	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc			18° 27' 06"	105° 48' 15"	18° 28' 24"	105° 48' 20"	E-48-44-B-a
thôn Tài Năng	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 40"	105° 49' 04"					E-48-44-B-a
thôn Tân Hương	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 01"	105° 47' 39"					E-48-44-B-a
thôn Tân Tùng Sơn	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 28"	105° 48' 59"					E-48-44-B-a
thôn Tây Quang Trung	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 49"	105° 48' 33"					E-48-44-B-a
thôn Tây Vinh	DC	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 01"	105° 48' 20"					E-48-44-B-a
Núi Thung	SV	xã Tùng Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 47"	105° 48' 59"					E-48-44-B-a
thôn Chiến Thắng	DC	xã Vinh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 12"	105° 43' 05"					E-48-44-A-b
thôn Hạ Triều	DC	xã Vinh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 50"	105° 43' 12"					E-48-44-A-b
kênh Linh Cảm	TV	xã Vinh Lộc	H. Can Lộc			18° 26' 58"	105° 40' 49"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-A-b
Sông Nhe	TV	xã Vinh Lộc	H. Can Lộc			18° 27' 03"	105° 40' 42"	18° 28' 11"	105° 45' 23"	E-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
ôn Phúc Giang	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 52"	105° 42' 27"					E-48-44-A-b
ôn Thanh Phúc	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 40"	105° 43' 41"					E-48-44-A-b
ôn Thượng Triều	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 30"	105° 42' 46"					E-48-44-A-b
ôn Tư Xuyên	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 02"	105° 42' 33"					E-48-44-A-b
ôn Vĩnh Phúc	DC	xã Vĩnh Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 10"	105° 43' 05"					E-48-44-A-b
uốc lộ 1	KX	xã Vương Lộc	H. Can Lộc			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-32-C-d; E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
ôn Đoài Duyệt	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 50"	105° 44' 10"					E-48-44-A-b
ôn Đông Huệ	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 18"	105° 44' 27"					E-48-44-A-b
ôn Đông Mỹ	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 56"	105° 44' 47"					E-48-44-A-b
ênh Giữa	TV	xã Vương Lộc	H. Can Lộc			18° 29' 41"	105° 50' 36"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
ôn Hà Vàng	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 44"	105° 45' 03"					E-48-44-B-a
ôn Hồng Lĩnh	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 30' 12"	105° 45' 18"					E-48-32-D-c+d
ôn Hồng Vương	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 56"	105° 43' 57"					E-48-44-A-b
ôn Kim Lâm	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 11"	105° 45' 10"					E-48-44-B-a
ôn Làng Mới	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 40"	105° 44' 17"					E-48-44-A-b
ôn Làng Ngòi	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 51"	105° 44' 54"					E-48-44-A-b
ôn Minh Vương	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 56"	105° 43' 49"					E-48-44-A-b
ông Nghèn	TV	xã Vương Lộc	H. Can Lộc			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
ênh Nhà Lê	TV	xã Vương Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 28' 48"	105° 44' 44"	E-48-32-C-d; E-48-44-A-b
ông Nhe	TV	xã Vương Lộc	H. Can Lộc			18° 27' 03"	105° 40' 42"	18° 28' 11"	105° 45' 23"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a
ây núi Hồng	SV	xã Vương Lộc	H. Can Lộc			18° 37' 55"	105° 42' 33"	18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-32-C-d; E-48-32-D-c+d
ôn Thượng Huệ	DC	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 25"	105° 44' 22"					E-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)			
cầu Trại Trầu	KX	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 29' 15"	105° 44' 40"	18° 31' 37"	105° 45' 51"	18° 29' 16"	105° 44' 56"	E-48-44-A-b E-48-44-A-b; E-48-44-B-a; E-48-32-D-c+d		
Khe Trúc	TV	xã Vương Lộc	H. Can Lộc									
cầu Vương Lộc	KX	xã Vương Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 24"	105° 45' 19"							
quốc lộ 15	KX	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a		
quốc lộ 15B	KX	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a		
thôn Bình Yên	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 24"	105° 46' 35"					E-48-44-B-a		
sông Chùa Nghi	TV	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc			18° 24' 11"	105° 43' 50"	18° 25' 54"	105° 46' 58"	E-48-44-A-b; E-48-44-B-a		
thôn Dư Nại	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 58"	105° 45' 35"					E-48-44-B-a		
thôn Đồng Yên	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 43"	105° 46' 36"					E-48-44-B-a		
Sông Giã	TV	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc			18° 22' 50"	105° 47' 22"	18° 26' 19"	105° 48' 17"	E-48-44-B-a		
kênh Linh Cảm	TV	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc			18° 26' 58"	105° 40' 49"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-A-b E-48-44-B-a		
thôn Mai Hoa	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 04"	105° 44' 52"					E-48-44-B-a		
thôn Mai Long	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 10"	105° 45' 06"					E-48-44-B-a		
Thôn Mới	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 54"	105° 45' 10"					E-48-44-B-a		
thôn Mỹ Yên	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 01"	105° 46' 33"					E-48-44-B-a		
thôn Sơn Phụng	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 24' 11"	105° 44' 39"					E-48-44-A-b		
thôn Trung Xá	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 21"	105° 44' 57"					E-48-44-A-b		
thôn Văn Cù	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 18"	105° 45' 56"					E-48-44-B-a		
thôn Văn Thịnh	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 26' 08"	105° 46' 13"					E-48-44-B-a		
Núi Voi	SV	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 23' 56"	105° 45' 27"					E-48-44-B-a		
thôn Yên Xuân	DC	xã Xuân Lộc	H. Can Lộc	18° 25' 56"	105° 45' 07"					E-48-44-B-a		
kênh C2	TV	xã Yên Lộc	H. Can Lộc			18° 27' 36"	105° 40' 52"	18° 27' 37"	105° 43' 16"	E-48-44-A-b E-48-44-A-b		
Núi Cài	SV	xã Yên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 17"	105° 42' 17"					E-48-44-A-b		
thôn Đình Sơn	DC	xã Yên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 00"	105° 42' 26"					E-48-44-A-b		
thôn Đồng Đoài	DC	xã Yên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 02"	105° 41' 41"					E-48-44-A-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Đỉnh Giữa	TV	xã Yên Lộc	H. Can Lộc			18° 29' 41"	105° 50' 36"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-A-b
Đỉnh Lĩnh Cầm	TV	xã Yên Lộc	H. Can Lộc			18° 31' 50"	105° 33' 18"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-A-b
Đỉnh Nhe	TV	xã Yên Lộc	H. Can Lộc			18° 27' 03"	105° 40' 42"	18° 28' 11"	105° 45' 23"	E-48-44-A-b
Đỉnh Phong Sơn	DC	xã Yên Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 57"	105° 42' 42"					E-48-44-A-b
Đỉnh Thạch Ngọc	DC	xã Yên Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 41"	105° 41' 55"					E-48-44-A-b
Đỉnh Trảng Sơn	DC	xã Yên Lộc	H. Can Lộc	18° 28' 01"	105° 42' 04"					E-48-44-A-b
Đỉnh Yên Sơn	DC	xã Yên Lộc	H. Can Lộc	18° 27' 43"	105° 42' 52"					E-48-44-A-b
Đỉnh dân phố 1	DC	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 27"	105° 34' 30"					E-48-32-C-c
Đỉnh dân phố 2	DC	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 16"	105° 34' 59"					E-48-32-C-c
Đỉnh dân phố 3	DC	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 36"	105° 34' 58"					E-48-32-C-c
Đỉnh dân phố 4	DC	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 28"	105° 35' 04"					E-48-32-C-c
Đỉnh dân phố 5	DC	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 25"	105° 35' 09"					E-48-32-C-c
Đỉnh dân phố 6	DC	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 17"	105° 35' 13"					E-48-32-C-c
Đỉnh dân phố 7	DC	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 01"	105° 35' 04"					E-48-32-C-c
Đỉnh dân phố 8	DC	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 31' 37"	105° 35' 00"					E-48-32-C-c
Đỉnh lộ 8	KX	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-c
Đỉnh lộ 15	KX	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-32-C-c
Đỉnh Chợ Thượng	KX	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 31"	105° 35' 20"					E-48-32-C-c
Đỉnh Ông La	TV	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ			18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 33' 45"	105° 37' 29"	E-48-32-C-c
Đỉnh Cầu Mới	TV	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 32' 19"	105° 34' 35"					E-48-32-C-c
Đỉnh Yên Trung	KX	TT. Đức Thọ	H. Đức Thọ	18° 31' 27"	105° 35' 09"					E-48-32-C-c
Đỉnh lộ 8	KX	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
Đỉnh 19-5	TV	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ			18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 30' 08"	105° 41' 34"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
Đỉnh Cầu Đồi	TV	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ			18° 29' 37"	105° 35' 38"	18° 31' 32"	105° 35' 58"	E-48-32-C-c
Đỉnh Hạ Tú	DC	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ	18° 31' 59"	105° 36' 55"					E-48-32-C-c
Đỉnh Hoa Đình	DC	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ	18° 32' 08"	105° 37' 14"					E-48-32-C-c
Đỉnh Ông La	TV	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ			18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 33' 45"	105° 37' 29"	E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
sông La Giang	TV	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ			18° 32' 24"	105° 37' 06"	18° 34' 28"	105° 39' 53"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
thôn Thượng Từ	DC	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ	18° 31' 29"	105° 35' 60"					E-48-32-C-c
thôn Triều Đông	DC	xã Bùi Xá	H. Đức Thọ	18° 31' 28"	105° 36' 36"					E-48-32-C-c
đường tỉnh 554	KX	xã Đức An	H. Đức Thọ			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-A-a; E-48-44-A-b
núi Bà Dạ	SV	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 27' 02"	105° 36' 08"					E-48-44-A-a
thôn Đại An	DC	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 29' 17"	105° 37' 26"					E-48-44-A-b
thôn Hạ Tiến	DC	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 28' 29"	105° 37' 11"					E-48-44-A-a
thôn Hữu Chế	DC	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 28' 50"	105° 36' 41"					E-48-44-A-a
kênh Linh Cảm	TV	xã Đức An	H. Đức Thọ			18° 31' 50"	105° 33' 18"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-A-a; E-48-44-A-b
thôn Long Hoà	DC	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 28' 28"	105° 36' 38"					E-48-44-A-a
thôn Long Sơn	DC	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 27' 42"	105° 36' 28"					E-48-44-A-a
thôn Long Thành	DC	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 29' 19"	105° 36' 59"					E-48-44-A-a
thôn Quang Tiền	DC	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 28' 08"	105° 37' 12"					E-48-44-A-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 27' 43"	105° 37' 32"					E-48-44-A-b
núi U Bò	SV	xã Đức An	H. Đức Thọ	18° 25' 54"	105° 37' 06"					E-48-44-A-a
thôn Châu Thịnh	DC	xã Đức Châu	H. Đức Thọ	18° 34' 20"	105° 35' 32"					E-48-32-C-c
thôn Diên Phúc	DC	xã Đức Châu	H. Đức Thọ	18° 34' 23"	105° 36' 08"					E-48-32-C-c
thôn Đại Châu	DC	xã Đức Châu	H. Đức Thọ	18° 34' 12"	105° 36' 40"					E-48-32-C-c
Sông La	TV	xã Đức Châu	H. Đức Thọ			18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 33' 45"	105° 37' 29"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
Sông Lam	TV	xã Đức Châu	H. Đức Thọ			18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
Di tích Nhà thờ họ Trần Duy	KX	xã Đức Châu	H. Đức Thọ	18° 34' 21"	105° 36' 03"					E-48-32-C-c
Hói Tầu	TV	xã Đức Châu	H. Đức Thọ			18° 34' 01"	105° 35' 02"	18° 33' 03"	105° 35' 29"	E-48-32-C-c
Hói Tùng	TV	xã Đức Châu	H. Đức Thọ			18° 34' 35"	105° 35' 51"	18° 33' 05"	105° 36' 45"	E-48-32-C-c
quốc lộ 15	KX	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
rông tỉnh 554	KX	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 29' 50"	105° 38' 30"	18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-A-b
lôn Đại Tiến	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 29' 03"	105° 38' 06"					E-48-44-A-b
lôn Đông Dũng	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 26' 48"	105° 37' 56"					E-48-44-A-b
ấp Khe Lang	KX	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 26' 15"	105° 38' 13"					E-48-44-A-b
ấp Khe Lang	TV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ			18° 31' 50"	105° 33' 18"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-A-a; E-48-44-A-b
ấp Linh Cảm	TV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ							E-48-44-A-b
ấp Ngoại Xuân	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 28' 22"	105° 38' 12"					E-48-44-A-b
ấp Nội Trung	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 28' 38"	105° 37' 54"					E-48-44-A-b
ấp Trung Nam	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 29' 24"	105° 38' 05"					E-48-44-A-b
ấp U Bò	SV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 25' 54"	105° 37' 06"					E-48-44-A-a
ấp tỉnh 552	KX	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ			18° 30' 57"	105° 34' 27"	18° 22' 48"	105° 29' 58"	E-48-44-A-a
ấp Am	KX	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 00"	105° 33' 14"					E-48-44-A-a
ấp Bà Dạ	SV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 02"	105° 36' 08"					E-48-44-A-a
ấp Đầu	SV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 28' 22"	105° 34' 17"					E-48-44-A-a
ấp Đức	SV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 54"	105° 35' 07"					E-48-44-A-a
ấp Đá Trắng	SV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 26' 45"	105° 35' 34"					E-48-44-A-a
ấp tích Đền Cả Tổng Du	KX	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 34"	105° 34' 04"					E-48-44-A-a
ấp Đông Quang	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 28' 05"	105° 34' 21"					E-48-44-A-a
ấp Đông Tâm	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 45"	105° 35' 25"					E-48-44-A-a
ấp Đông Vinh	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 45"	105° 34' 07"					E-48-44-A-a
ấp Hồng Hoa	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 23"	105° 34' 02"					E-48-44-A-a
ấp Lai Đông	DC	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 38"	105° 32' 32"					E-48-44-A-a
ấp Lạm	TV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 26' 44"	105° 35' 48"					E-48-44-A-a
ấp Lầy Sím	TV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 26' 48"	105° 35' 18"					E-48-44-A-a
ấp Ngân Sầu	TV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-A-a
ấp Nhà Dài	SV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 26' 29"	105° 35' 44"					E-48-44-A-a
ấp Ông Cùn	SV	xã Đức Dũng	H. Đức Thọ	18° 27' 49"	105° 35' 50"					E-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
Đông Lạc	DC	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 28' 38"	105° 33' 49"	18° 28' 38"	105° 33' 49"	18° 29' 01"	105° 34' 51"			E-48-44-A-a
Đức Lạc	KX	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 28' 32"	105° 33' 11"	18° 28' 32"	105° 33' 11"	18° 29' 41"	105° 34' 41"			E-48-44-A-a
Hoa Thái	DC	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 28' 38"	105° 33' 22"	18° 28' 38"	105° 33' 22"	18° 28' 51"	105° 34' 21"			E-48-44-A-a
Ngân Sầu	TV	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 29' 41"	105° 34' 41"	18° 29' 41"	105° 34' 41"	18° 29' 21"	105° 34' 26"			E-48-44-A-a
Nhân Thi	SV	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 29' 02"	105° 34' 43"	18° 29' 02"	105° 34' 43"	18° 29' 02"	105° 34' 43"			E-48-44-A-a
Thị Hoà	DC	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 29' 21"	105° 34' 26"	18° 29' 21"	105° 34' 26"	18° 29' 02"	105° 34' 43"			E-48-44-A-a
Thượng Tiến	DC	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 29' 02"	105° 34' 43"	18° 29' 02"	105° 34' 43"	18° 29' 02"	105° 34' 43"			E-48-44-A-a
Yên Cường	DC	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 29' 02"	105° 34' 43"	18° 29' 02"	105° 34' 43"	18° 29' 02"	105° 34' 43"			E-48-44-A-a
Yên Thắng	DC	xã Đức Lạc	H. Đức Thọ	18° 29' 02"	105° 34' 43"	18° 29' 02"	105° 34' 43"	18° 29' 02"	105° 34' 43"			E-48-44-A-a
lộ 8	KX	xã Đức Lâm	H. Đức Thọ	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
lộ 15	KX	xã Đức Lâm	H. Đức Thọ	18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d; E-48-44-A-b
lộ 19-5	TV	xã Đức Lâm	H. Đức Thọ	18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 30' 08"	105° 41' 34"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
Đông Thanh Lâm	DC	xã Đức Lâm	H. Đức Thọ	18° 30' 18"	105° 38' 19"	18° 30' 18"	105° 38' 19"	18° 30' 12"	105° 38' 05"			E-48-32-C-d
Đức Hương Quang	DC	xã Đức Lâm	H. Đức Thọ	18° 29' 49"	105° 36' 50"	18° 29' 49"	105° 36' 50"	18° 29' 52"	105° 37' 37"			E-48-44-A-a
Hoa ích Lâm	DC	xã Đức Lâm	H. Đức Thọ	18° 30' 24"	105° 36' 59"	18° 30' 24"	105° 36' 59"	18° 30' 24"	105° 36' 59"			E-48-44-A-b
Ngọc Lâm	DC	xã Đức Lâm	H. Đức Thọ	18° 25' 06"	105° 35' 48"	18° 25' 06"	105° 35' 48"	18° 25' 52"	105° 33' 02"			E-48-32-C-c
Trung Đại Lâm	KX	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 26' 20"	105° 33' 57"	18° 26' 20"	105° 33' 57"	18° 26' 20"	105° 33' 57"	18° 22' 48"	105° 29' 58"	E-48-44-A-a
lộ 552	SV	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 26' 29"	105° 35' 44"	18° 26' 29"	105° 35' 44"	18° 26' 29"	105° 35' 44"			E-48-44-A-a
Châu Sơn	DC	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 26' 15"	105° 33' 36"	18° 26' 15"	105° 33' 36"	18° 26' 15"	105° 33' 36"			E-48-44-A-a
Hà Cát	DC	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 25' 20"	105° 33' 57"	18° 25' 20"	105° 33' 57"	18° 25' 20"	105° 33' 57"			E-48-44-A-a
Minh Lạng	TV	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 26' 29"	105° 35' 44"	18° 26' 29"	105° 35' 44"	18° 26' 29"	105° 35' 44"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-A-a
Ngân Sầu	SV	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 26' 15"	105° 33' 36"	18° 26' 15"	105° 33' 36"	18° 26' 15"	105° 33' 36"			E-48-44-A-a
Nhà Dài	DC	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 25' 20"	105° 33' 57"	18° 25' 20"	105° 33' 57"	18° 25' 20"	105° 33' 57"			E-48-44-A-a
Sơn Quang	DC	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 25' 20"	105° 33' 57"	18° 25' 20"	105° 33' 57"	18° 25' 20"	105° 33' 57"			E-48-44-A-a
Tân Quang	DC	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 25' 20"	105° 33' 57"	18° 25' 20"	105° 33' 57"	18° 25' 20"	105° 33' 57"			E-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Tiến Lạng	DC	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 26' 41"	105° 33' 57"					E-48-44-A-a
thôn Vĩnh Yên	DC	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 25' 45"	105° 32' 37"					E-48-44-A-a
núi Vực Sơn	SV	xã Đức Lạng	H. Đức Thọ	18° 25' 01"	105° 34' 39"			17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-44-A-a
đường tỉnh 554	KX	xã Đức Lập	H. Đức Thọ							E-48-44-A-a
thôn Đồng Hoà	DC	xã Đức Lập	H. Đức Thọ	18° 29' 08"	105° 36' 13"					E-48-44-A-a
kênh Linh Cảm	TV	xã Đức Lập	H. Đức Thọ					18° 31' 50"	105° 33' 18"	E-48-44-A-a
núi Long Mã	SV	xã Đức Lập	H. Đức Thọ	18° 28' 27"	105° 35' 42"					E-48-44-A-a
núi Ông Cùng	SV	xã Đức Lập	H. Đức Thọ	18° 27' 49"	105° 35' 50"					E-48-44-A-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Đức Lập	H. Đức Thọ	18° 28' 39"	105° 36' 11"					E-48-44-A-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Đức Lập	H. Đức Thọ	18° 28' 57"	105° 35' 51"					E-48-44-A-a
thôn Tân Xuyên	DC	xã Đức Lập	H. Đức Thọ	18° 28' 51"	105° 36' 36"					E-48-44-A-a
thôn Trầm Bàng	DC	xã Đức Lập	H. Đức Thọ	18° 28' 36"	105° 35' 12"					E-48-44-A-a
Quốc lộ 8	KX	xã Đức Long	H. Đức Thọ					18° 31' 51"	105° 42' 17"	E-48-32-C-c
đường tỉnh 552	KX	xã Đức Long	H. Đức Thọ					18° 30' 57"	105° 34' 27"	E-48-32-C-c; E-48-44-A-a
đường tỉnh 554	KX	xã Đức Long	H. Đức Thọ					18° 31' 38"	105° 33' 24"	E-48-44-A-a; E-48-32-C-c
hói Cầu Đồi	TV	xã Đức Long	H. Đức Thọ					18° 29' 37"	105° 35' 38"	E-48-32-C-c; E-48-44-A-a
thôn Cầu Đồi	DC	xã Đức Long	H. Đức Thọ	18° 30' 54"	105° 35' 39"					E-48-32-C-c
thôn Đồng Vinh	DC	xã Đức Long	H. Đức Thọ	18° 29' 54"	105° 35' 51"					E-48-44-A-a
kênh Linh Cảm	TV	xã Đức Long	H. Đức Thọ					18° 31' 50"	105° 33' 18"	E-48-32-C-c; E-48-44-A-a
thôn Long Lập	DC	xã Đức Long	H. Đức Thọ	18° 30' 12"	105° 34' 58"					E-48-32-C-c
thôn Long Sơn	DC	xã Đức Long	H. Đức Thọ	18° 29' 02"	105° 35' 14"					E-48-44-A-a
thôn Lộc Phúc	DC	xã Đức Long	H. Đức Thọ	18° 29' 30"	105° 34' 59"					E-48-44-A-a
núi Nhân Thi	SV	xã Đức Long	H. Đức Thọ	18° 29' 41"	105° 34' 41"					E-48-44-A-a
hồ Phượng Thành	TV	xã Đức Long	H. Đức Thọ	18° 30' 07"	105° 34' 27"					E-48-32-C-c; E-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Thanh Trung	DC	xã Đức Thanh	H. Đức Thọ	18° 30' 28"	105° 39' 48"	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-d
Quốc lộ 8	KX	xã Đức Thịnh	H. Đức Thọ							E-48-32-C-d
Di tích Đền thờ Ngô Thị Ngọc Giao	KX	xã Đức Thịnh	H. Đức Thọ	18° 31' 55"	105° 40' 43"					E-48-32-C-d
thôn Đồng Cấn	DC	xã Đức Thịnh	H. Đức Thọ	18° 31' 52"	105° 40' 52"					E-48-32-C-d
thôn Gia Thịnh	DC	xã Đức Thịnh	H. Đức Thọ	18° 31' 43"	105° 40' 16"					E-48-32-C-d
kênh Nhà Lê	TV	xã Đức Thịnh	H. Đức Thọ			18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 28' 48"	105° 44' 44"	E-48-32-C-d
kênh Nhà Lê	TV	xã Đức Thịnh	H. Đức Thọ			18° 30' 36"	105° 38' 54"	18° 32' 12"	105° 40' 08"	E-48-32-C-d
thôn Quang Chiêm	DC	xã Đức Thịnh	H. Đức Thọ	18° 32' 08"	105° 39' 49"					E-48-32-C-d
thôn Quang Tiến	DC	xã Đức Thịnh	H. Đức Thọ	18° 31' 55"	105° 39' 20"					E-48-32-C-d
Quốc lộ 8	KX	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-d
kênh 19-5	TV	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ			18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 30' 08"	105° 41' 34"	E-48-32-C-d
thôn Hạ Thủy	DC	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ	18° 31' 29"	105° 38' 51"					E-48-32-C-d
thôn Hoà Bình	DC	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ	18° 31' 15"	105° 38' 35"					E-48-32-C-d
kênh Nhà Lê	TV	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ			18° 30' 36"	105° 38' 54"	18° 32' 12"	105° 40' 08"	E-48-32-C-d
thôn Trung Thành	DC	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ	18° 31' 20"	105° 38' 46"					E-48-32-C-d
thôn Tương Văn	DC	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ	18° 31' 06"	105° 38' 42"					E-48-32-C-d
thôn Văn Xá	DC	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ	18° 30' 38"	105° 38' 38"					E-48-32-C-d
đền Voi Mẹp	KX	xã Đức Thủy	H. Đức Thọ	18° 31' 04"	105° 38' 18"					E-48-32-C-d
hói Bãi Tùng	TV	xã Đức Tùng	H. Đức Thọ			18° 33' 00"	105° 35' 33"	18° 33' 06"	105° 36' 38"	E-48-32-C-c
Sông La	TV	xã Đức Tùng	H. Đức Thọ			18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 33' 45"	105° 37' 29"	E-48-32-C-c
thôn Tân An	DC	xã Đức Tùng	H. Đức Thọ	18° 33' 17"	105° 36' 24"					E-48-32-C-c
Hói Tàu	TV	xã Đức Tùng	H. Đức Thọ			18° 34' 01"	105° 35' 02"	18° 33' 03"	105° 35' 29"	E-48-32-C-c
thôn Thanh Kim	DC	xã Đức Tùng	H. Đức Thọ	18° 33' 57"	105° 35' 53"					E-48-32-C-c
thôn Thịnh Kim	DC	xã Đức Tùng	H. Đức Thọ	18° 33' 36"	105° 35' 54"					E-48-32-C-c
Hói Tùng	TV	xã Đức Tùng	H. Đức Thọ			18° 34' 35"	105° 35' 51"	18° 33' 05"	105° 36' 45"	E-48-32-C-c
thôn Văn Khang	DC	xã Đức Tùng	H. Đức Thọ	18° 33' 36"	105° 36' 33"					E-48-32-C-c
hói Cửa Đền	TV	xã Đức Vĩnh	H. Đức Thọ			18° 34' 17"	105° 38' 49"	18° 34' 28"	105° 39' 53"	E-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vi độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vi độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vi độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Xã Đức Vinh	TV	xã Đức Vinh	H. Đức Thọ	18° 32' 24"	105° 37' 06"	18° 34' 28"	105° 39' 53"	E-48-32-C-d		
Xã Đức Vĩnh	TV	xã Đức Vĩnh	H. Đức Thọ	18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-d		
Xã Đức Vinh	TV	xã Đức Vinh	H. Đức Thọ	18° 33' 49"	105° 38' 05"	18° 34' 27"	105° 39' 17"	E-48-32-C-d		
Xã Đức Vinh	DC	xã Đức Vinh	H. Đức Thọ	18° 34' 19"	105° 39' 30"			E-48-32-C-d		
Xã Đức Vinh	DC	xã Đức Vinh	H. Đức Thọ	18° 33' 39"	105° 39' 23"			E-48-32-C-d		
Xã Đức Vinh	DC	xã Đức Vinh	H. Đức Thọ	18° 34' 06"	105° 38' 59"			E-48-32-C-d		
Xã Đức Yên	KX	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-c		
Xã Đức Yên	TV	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 29' 37"	105° 35' 38"	18° 31' 32"	105° 35' 58"	E-48-32-C-c		
Xã Đức Yên	DC	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 59"	105° 35' 19"			E-48-32-C-c		
Xã Đức Yên	DC	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 43"	105° 35' 41"			E-48-32-C-c		
Xã Đức Yên	DC	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 32' 09"	105° 35' 18"			E-48-32-C-c		
Xã Đức Yên	DC	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 35"	105° 35' 51"			E-48-32-C-c		
Xã Đức Yên	TV	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 55"	105° 35' 36"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c		
Xã Đức Yên	DC	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 27"	105° 35' 09"			E-48-32-C-c		
Xã Đức Yên	KX	xã Đức Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 30' 08"	105° 41' 34"	E-48-32-C-c		
Xã Liên Minh	TV	xã Liên Minh	H. Đức Thọ	18° 33' 00"	105° 35' 33"	18° 33' 06"	105° 36' 38"	E-48-32-C-c		
Xã Liên Minh	TV	xã Liên Minh	H. Đức Thọ	18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 33' 45"	105° 37' 29"	E-48-32-C-c		
Xã Liên Minh	KX	xã Liên Minh	H. Đức Thọ	18° 32' 27"	105° 35' 48"			E-48-32-C-c		
Xã Liên Minh	TV	xã Liên Minh	H. Đức Thọ	18° 32' 12"	105° 35' 52"	18° 34' 01"	105° 35' 29"	E-48-32-C-c		
Xã Liên Minh	DC	xã Liên Minh	H. Đức Thọ	18° 32' 34"	105° 35' 28"			E-48-32-C-c		
Xã Liên Minh	DC	xã Liên Minh	H. Đức Thọ			18° 34' 35"	105° 36' 45"	E-48-32-C-c		
Xã Liên Minh	TV	xã Liên Minh	H. Đức Thọ	18° 32' 18"	105° 36' 36"			E-48-32-C-c		
Xã Liên Minh	DC	xã Liên Minh	H. Đức Thọ	18° 31' 54"	105° 36' 10"			E-48-32-C-c		
Xã Tân Hương	SV	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 27' 02"	105° 36' 08"			E-48-44-A-a		
Xã Tân Hương	SV	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 25' 06"	105° 35' 48"			E-48-44-A-a		
Xã Tân Hương	KX	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 26' 07"	105° 36' 21"			E-48-44-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Nhà Dài	SV	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 26' 29"	105° 35' 44"					E-48-44-A-a
thôn Tân Lộc	DC	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 25' 08"	105° 36' 32"					E-48-44-A-a
thôn Tân Nhân	DC	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 24' 27"	105° 37' 39"					E-48-44-A-b
thôn Tân Quang	DC	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 25' 50"	105° 36' 40"					E-48-44-A-a
thôn Tân Thành	DC	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 26' 18"	105° 35' 59"					E-48-44-A-a
Hồ Trúc	TV	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 25' 01"	105° 37' 07"					E-48-44-A-a
núi U Bò	SV	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 25' 54"	105° 37' 06"					E-48-44-A-a
Núi Xanh	SV	xã Tân Hương	H. Đức Thọ	18° 24' 18"	105° 36' 57"	18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 30' 08"	105° 41' 34"	E-48-44-A-a
kênh 19-5	TV	xã Thái Yên	H. Đức Thọ							E-48-32-C-d
thôn Bình Định	DC	xã Thái Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 30"	105° 39' 49"					E-48-32-C-d
thôn Bình Hà	DC	xã Thái Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 28"	105° 40' 02"					E-48-32-C-d
thôn Bình Tân	DC	xã Thái Yên	H. Đức Thọ	18° 30' 51"	105° 39' 49"					E-48-32-C-d
thôn Bình Tiến A	DC	xã Thái Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 18"	105° 40' 08"					E-48-32-C-d
thôn Bình Tiến B	DC	xã Thái Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 15"	105° 39' 59"					E-48-32-C-d
kênh Nhà Lê	TV	xã Thái Yên	H. Đức Thọ			18° 30' 36"	105° 38' 54"	18° 32' 12"	105° 40' 08"	E-48-32-C-d
đền Thái Yên	KX	xã Thái Yên	H. Đức Thọ	18° 31' 29"	105° 39' 42"					E-48-32-C-d
Quốc lộ 8	KX	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
quốc lộ 15	KX	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
kênh 19-5	TV	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ			18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 30' 08"	105° 41' 34"	E-48-32-C-c; E-48-32-C-d
Di tích Nhà thờ họ Lê	KX	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ	18° 30' 50"	105° 37' 37"					E-48-32-C-d
thôn Trung Bắc	DC	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ	18° 31' 04"	105° 37' 35"					E-48-32-C-d
thôn Trung Đông	DC	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ	18° 31' 04"	105° 37' 52"					E-48-32-C-d
thôn Trung Khánh	DC	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ	18° 30' 51"	105° 37' 35"					E-48-32-C-d
thôn Trung Nam	DC	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ	18° 30' 45"	105° 37' 46"					E-48-32-C-d
thôn Trung Tiên	DC	xã Trung Lễ	H. Đức Thọ	18° 30' 36"	105° 37' 34"					E-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
lộc lộ 15	KX	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 32' 53"	105° 34' 59"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-32-C-c		
ôn Bần Đền	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 32' 59"	105° 34' 24"					E-48-32-C-c		
ôn Bần Hào	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 32' 54"	105° 34' 47"					E-48-32-C-c		
ôn Bần Hén	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 32' 54"	105° 34' 08"					E-48-32-C-c		
ôn Châu Yên	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 33' 18"	105° 33' 10"					E-48-32-C-c		
ôn Kim Mã	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ			18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 33' 45"	105° 37' 29"	E-48-32-C-c		
ông La	TV	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c		
ông Ngân Phó	TV	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ							E-48-32-C-c		
ông Ngô Lối	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 33' 05"	105° 34' 44"					E-48-32-C-c		
ông Ninh Thái	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 32' 50"	105° 33' 19"					E-48-32-C-c		
ông Sâm Văn Hội	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 32' 52"	105° 35' 09"					E-48-32-C-c		
ông Thiên Nhiên	SV	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ			18° 36' 36"	105° 30' 12"	18° 32' 45"	105° 32' 57"	E-48-32-C-c		
ông Vạn Phúc	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 32' 49"	105° 33' 57"					E-48-32-C-c		
ông Vĩnh Khánh	DC	xã Trường Sơn	H. Đức Thọ	18° 32' 14"	105° 32' 57"					E-48-32-C-c		
lộc lộ 8	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-c		
lộc lộ 15	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-32-C-c		
lộc lộ 552	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ			18° 30' 57"	105° 34' 27"	18° 22' 48"	105° 29' 58"	E-48-32-C-c		
lộc lộ 554	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-32-C-c		
ông Châu Linh	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 38"	105° 33' 24"					E-48-32-C-c		
ông Châu Lĩnh	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 01"	105° 34' 23"					E-48-32-C-c		
ông Châu Nội	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 32' 18"	105° 34' 27"					E-48-32-C-c		
ông Châu Trình	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 32' 07"	105° 33' 47"					E-48-32-C-c		
ông Châu Tùng	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 57"	105° 33' 32"					E-48-32-C-c		
ông Dương Tượng	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 12"	105° 33' 58"					E-48-32-C-c		
ông Đình Lễ	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 25"	105° 33' 28"					E-48-32-C-c		
ông Đông Thái	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 32' 19"	105° 33' 59"					E-48-32-C-c		
ông Đình Khu lưu niệm Trần Phú	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 32' 04"	105° 33' 31"					E-48-32-C-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Sông La	TV	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 33' 45"	105° 37' 29"	E-48-32-C-c
Di tích Lăng mộ Trần Phú	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 50"	105° 33' 17"	18° 31' 50"	105° 33' 18"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-32-C-c
kênh Linh Cảm	TV	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 30' 53"	105° 34' 01"	18° 30' 53"	105° 34' 01"			E-48-32-C-c
Di tích Mộ Phan Đình Phùng	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 32' 19"	105° 34' 35"	18° 32' 19"	105° 34' 35"			E-48-32-C-c
Bàu Mới	TV	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c
sông Ngán Sầu	TV	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 32' 29"	105° 34' 04"	18° 32' 29"	105° 34' 04"			E-48-32-C-c
Di tích Nhà thờ Bùi Dương Lịch	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 25"	105° 33' 45"	18° 31' 25"	105° 33' 45"			E-48-32-C-c
Di tích Nhà thờ Lê Bôi	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 32' 22"	105° 33' 58"	18° 32' 22"	105° 33' 58"			E-48-32-C-c
Di tích Nhà thờ Phan Đình Phùng	KX	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 02"	105° 33' 41"	18° 31' 02"	105° 33' 41"			E-48-32-C-c
thôn Sơn Lễ	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 03"	105° 34' 09"	18° 31' 03"	105° 34' 09"			E-48-32-C-c
thôn Thạch Thành	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 21"	105° 33' 27"	18° 31' 21"	105° 33' 27"			E-48-32-C-c
thôn Thông Tự	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 30' 17"	105° 33' 59"	18° 30' 17"	105° 33' 59"			E-48-32-C-c
Núi Voi	SV	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 25"	105° 33' 36"	18° 31' 25"	105° 33' 36"			E-48-32-C-c
thôn Vọng Sơn	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 32' 25"	105° 34' 09"	18° 32' 25"	105° 34' 09"			E-48-32-C-c
thôn Yên Hội	DC	xã Tùng Anh	H. Đức Thọ	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-d
Quốc lộ 8	KX	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ	18° 32' 58"	105° 38' 49"	18° 32' 58"	105° 38' 49"			E-48-32-C-d
Di tích Đền thờ Nghĩa Vương Nguyễn Biểu	KX	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ	18° 32' 24"	105° 37' 06"	18° 32' 24"	105° 37' 06"	18° 34' 28"	105° 39' 53"	E-48-32-C-d
sông La Giang	TV	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ	18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 33' 49"	105° 39' 50"	18° 28' 48"	105° 44' 44"	E-48-32-C-d
kênh Nhà Lê	TV	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ	18° 33' 19"	105° 38' 32"	18° 33' 19"	105° 38' 32"			E-48-32-C-d
thôn Quy Vương	DC	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ	18° 32' 42"	105° 38' 27"	18° 32' 42"	105° 38' 27"			E-48-32-C-d
thôn Tiến Hoà	DC	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ	18° 33' 01"	105° 39' 05"	18° 33' 01"	105° 39' 05"			E-48-32-C-d
thôn Tiến Thọ	DC	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ	18° 33' 02"	105° 38' 29"	18° 33' 02"	105° 38' 29"			E-48-32-C-d
thôn Trung Hậu	DC	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ	18° 32' 54"	105° 40' 05"	18° 32' 54"	105° 40' 05"			E-48-32-C-d
thôn Trung Nam Hồng	DC	xã Yên Hồ	H. Đức Thọ							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Khe Nậy	TV	xã Hoà Hải	H. Hương Khê			18° 14' 15"	105° 36' 01"	18° 15' 25"	105° 37' 36"	E-48-44-C; E-48-44-A-d
Chợ Nổ	KX	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 15' 56"						E-48-44-A-c
Sông Nổ	TV	xã Hoà Hải	H. Hương Khê			18° 12' 03"	105° 28' 18"	18° 17' 22"	105° 38' 36"	E-48-44-A-c; E-48-44-A-d
thôn Tam Bảo	DC	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 16' 49"	105° 35' 49"					E-48-44-A-c
thôn Tân Hợp	DC	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 14' 47"	105° 36' 55"					E-48-44-A-c
thôn Tân Phú	DC	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 17' 35"	105° 35' 35"					E-48-44-A-c
thôn Tân Thành	DC	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 15' 17"	105° 36' 38"					E-48-44-A-c
thôn Tân Thượng	DC	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 15' 59"	105° 36' 55"					E-48-44-A-c
thôn Tân Trung	DC	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 16' 03"	105° 37' 08"					E-48-44-A-c
Khe Trà	TV	xã Hoà Hải	H. Hương Khê			18° 13' 39"	105° 33' 33"	18° 15' 47"	105° 35' 25"	E-48-44-C; E-48-44-A-c
núi Trục Cục	SV	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 14' 43"	105° 36' 13"					E-48-44-C
Núi Vang	SV	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 16' 28"	105° 30' 50"					E-48-44-A-c
thôn Vĩnh Hưng	DC	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 16' 11"	105° 36' 38"					E-48-44-A-c
thôn Yên Bình	DC	xã Hoà Hải	H. Hương Khê	18° 16' 20"	105° 35' 51"					E-48-44-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Hương Bình	H. Hương Khê					18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-C
núi Ba Rốc	SV	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 12' 03"	105° 36' 37"					E-48-44-C
thôn Bình Giang	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 13' 03"	105° 38' 58"					E-48-44-C
thôn Bình Hà	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 13' 25"	105° 38' 28"					E-48-44-C
thôn Bình Hải	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 12' 59"	105° 38' 46"					E-48-44-C
thôn Bình Hưng	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 14' 28"	105° 37' 46"					E-48-44-C
thôn Bình Minh	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 13' 40"	105° 38' 18"					E-48-44-C
thôn Bình Tân	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 12' 50"	105° 38' 14"					E-48-44-C
thôn Bình Thái	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 13' 54"	105° 38' 04"					E-48-44-C
thôn Bình Thành	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 14' 02"	105° 37' 41"					E-48-44-C
thôn Bình Trung	DC	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 14' 18"	105° 37' 45"					E-48-44-C
Núi Bông	SV	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 13' 48"	105° 39' 31"					E-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Toạ độ điểm cuối			Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		VT độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)						
Đập Khách	TV	xã Hương Bình	H. Hương Khê					18° 12' 07"	105° 38' 11"	18° 12' 49"	105° 39' 19"	E-48-44-C	
Đập Quan	TV	xã Hương Bình	H. Hương Khê					18° 11' 45"	105° 38' 10"	18° 12' 49"	105° 39' 19"	E-48-44-C	
Đình Tộ	SV	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 12' 19"	105° 31' 00"							E-48-44-C	
Động Chung	SV	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 13' 24"	105° 32' 55"							E-48-44-C	
Động Khót	SV	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 12' 47"	105° 37' 33"							E-48-44-C	
Đo Hào	TV	xã Hương Bình	H. Hương Khê					18° 12' 25"	105° 31' 55"	18° 16' 10"	105° 37' 10"	E-48-44-C	
Đông Hồ Chí Minh	KX	xã Hương Bình	H. Hương Khê					18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-C	
Đông Khê	SV	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 12' 36"	105° 34' 58"							E-48-44-C	
Đông Khê	SV	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 11' 37"	105° 37' 43"							E-48-44-C	
Đông Khê	TV	xã Hương Bình	H. Hương Khê					18° 14' 15"	105° 36' 01"	18° 15' 25"	105° 37' 36"	E-48-44-C	
Đông Khê	TV	xã Hương Bình	H. Hương Khê					18° 12' 49"	105° 39' 19"	18° 14' 45"	105° 38' 09"	E-48-44-C	
Đông Khê	SV	xã Hương Bình	H. Hương Khê	18° 13' 17"	105° 36' 16"							E-48-44-C	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 08' 44"	105° 45' 30"							E-48-44-D	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 08' 48"	105° 45' 16"							E-48-44-D	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 08' 41"	105° 44' 53"							E-48-44-C	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 08' 18"	105° 44' 04"							E-48-44-C	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 09' 14"	105° 43' 36"							E-48-44-D	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 09' 13"	105° 45' 04"							E-48-44-D	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 09' 03"	105° 44' 35"							E-48-44-C	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 09' 19"	105° 44' 13"							E-48-44-C	
Đông Khê	DC	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 09' 36"	105° 43' 47"							E-48-44-C	
Đông Khê	KX	xã Hương Đón	H. Hương Khê					18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-C; E-48-44-D	
Đông Khê	TV	xã Hương Đón	H. Hương Khê					18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 07' 53"	105° 43' 55"	E-48-44-C	
Đông Khê	SV	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 10' 37"	105° 46' 49"							E-48-44-D	
Đông Khê	KX	xã Hương Đón	H. Hương Khê	18° 09' 02"	105° 44' 33"							E-48-44-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hương Đô	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-C
Hồ Hóp	TV	xã Hương Đô	H. Hương Khê	18° 10' 28"	105° 44' 13"					E-48-44-C
hồ Khe Rượu	TV	xã Hương Đô	H. Hương Khê	18° 09' 34"	105° 45' 17"					E-48-44-D
khe Mía Leng	TV	xã Hương Đô	H. Hương Khê			18° 06' 11"	105° 44' 31"	18° 07' 53"	105° 43' 55"	E-48-44-C
khe Mỹ Hạ	TV	xã Hương Đô	H. Hương Khê			18° 05' 49"	105° 43' 25"	18° 07' 53"	105° 43' 55"	E-48-44-C
sông Ngân Sáu	TV	xã Hương Đô	H. Hương Khê			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-C; E-48-44-D
Thôn 1	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 12' 11"	105° 42' 49"					E-48-44-C
Thôn 2	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 12' 25"	105° 42' 47"					E-48-44-C
Thôn 3	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 12' 53"	105° 42' 47"					E-48-44-C
Thôn 4	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 12' 59"	105° 43' 12"					E-48-44-C
Thôn 5	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 13' 11"	105° 43' 21"					E-48-44-C
Thôn 6	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 13' 11"	105° 44' 12"					E-48-44-C
Thôn 7	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 13' 28"	105° 43' 45"					E-48-44-C
Thôn 8	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 13' 18"	105° 43' 24"					E-48-44-C
Thôn 9	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 13' 52"	105° 43' 18"					E-48-44-C
Thôn 10	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 14' 02"	105° 43' 09"					E-48-44-C
thôn 11	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 14' 17"	105° 42' 45"					E-48-44-C
thôn 12	DC	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 14' 13"	105° 42' 17"					E-48-44-C
Khe Cái	TV	xã Hương Giang	H. Hương Khê			18° 13' 00"	105° 43' 15"	18° 14' 22"	105° 41' 50"	E-48-44-C
Khe Con	TV	xã Hương Giang	H. Hương Khê			18° 13' 34"	105° 43' 08"	18° 13' 29"	105° 42' 37"	E-48-44-C
khe Đá Đen	TV	xã Hương Giang	H. Hương Khê			18° 12' 40"	105° 44' 49"	18° 13' 00"	105° 43' 15"	E-48-44-C
mũi Đình Trương	SV	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 15' 27"	105° 49' 39"					E-48-44-B-c
hồ Khe Con	TV	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 13' 48"	105° 43' 38"					E-48-44-C
hồ Khe Du	TV	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 14' 38"	105° 42' 43"					E-48-44-C; E-48-44-B-c;
Rào Nại	TV	xã Hương Giang	H. Hương Khê			18° 16' 37"	105° 46' 53"	18° 11' 08"	105° 43' 45"	E-48-44-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Toạ độ điểm cuối		Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)					
ng Ngàn Sâu	TV	xã Hương Giang	H. Hương Khê			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"		E-48-44-C; E-48-44-A-d	
ii Treo Chiêng Cây Mạ	SV	xã Hương Giang	H. Hương Khê	18° 15' 18"	105° 46' 01"						E-48-44-B-c	
he Vối	TV	xã Hương Giang	H. Hương Khê			18° 11' 55"	105° 44' 29"	18° 12' 59"	105° 43' 15"		E-48-44-C	
óm 1	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 04' 29"	105° 42' 38"						E-48-44-C	
óm 2	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 04' 46"	105° 42' 32"						E-48-44-C	
óm 3	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 04' 54"	105° 43' 11"						E-48-44-C	
óm 4	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 04' 57"	105° 42' 48"						E-48-44-C	
hòn 5	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 27"	105° 42' 09"						E-48-44-C	
óm 6	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 16"	105° 41' 32"						E-48-44-C	
óm 7	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 06"	105° 42' 27"						E-48-44-C	
óm 8	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 46"	105° 40' 49"						E-48-44-C	
óm 9	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 04' 18"	105° 41' 37"						E-48-44-C	
óm 10	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 06' 14"	105° 41' 30"						E-48-44-C	
óm 11	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 06' 16"	105° 40' 44"						E-48-44-C	
óm 12	DC	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 06' 46"	105° 40' 21"			18° 17' 47"	105° 54' 04"	105° 37' 22"	E-48-44-C	
ường tỉnh 553	KX	xã Hương Lâm	H. Hương Khê								E-48-44-C	
úi Bãi Cao	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 04' 12"	105° 37' 34"						E-48-44-C	
òn Biên phòng 575	KX	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 04' 51"	105° 37' 18"						E-48-44-C	
úi Bồng	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 03' 34"	105° 36' 42"						E-48-44-C	
úi Bui	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 06' 50"	105° 41' 18"						E-48-44-C	
úi Cúi	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 02' 38"	105° 35' 31"	18° 02' 28"	105° 36' 06"		E-48-44-C	
úi Cây Cối	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 03' 10"	105° 43' 15"						E-48-44-C	
úi Co Rò	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 48"	105° 37' 21"						E-48-44-C	
úi Con Trang	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 01' 40"	105° 40' 48"	18° 03' 21"	105° 41' 36"		E-48-44-C	
úi Con Trĩ	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 04' 34"	105° 39' 26"						E-48-44-C	
úi Cỏ	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 18"	105° 44' 05"						E-48-44-C	
he Chũ Lân	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 04' 28"	105° 39' 01"	18° 04' 19"	105° 41' 24"		E-48-44-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Cù Lân	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 01' 13"	105° 37' 01"					E-48-44-C
Phu Đò	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	17° 59' 35"	105° 37' 51"					E-48-56-A
Khe Giang	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 01' 27"	105° 40' 00"	18° 04' 06"	105° 41' 46"	E-48-44-C
suối Khe Bồng	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 03' 14"	105° 35' 09"	18° 04' 58"	105° 37' 23"	E-48-44-C
suối Khe Cái	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 01' 03"	105° 37' 00"	18° 01' 27"	105° 40' 00"	E-48-44-C
núi Khe Sơn	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 03' 14"	105° 41' 05"					E-48-44-C
Núi Khoai	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 01' 27"	105° 40' 37"					E-48-44-C
Suối Khoai	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 00' 53"	105° 40' 46"	18° 01' 44"	105° 42' 43"	E-48-44-C
núi Cu Tang	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 00' 04"	105° 37' 11"					E-48-44-C
suối Len Mèn	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 00' 32"	105° 35' 50"	18° 04' 58"	105° 37' 23"	E-48-44-C
Khe Lo	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 05' 13"	105° 39' 02"	18° 05' 35"	105° 41' 02"	E-48-44-C
Núi Lo	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 50"	105° 39' 56"					E-48-44-C
suối Mạ Chờ	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 06' 47"	105° 35' 44"	18° 04' 53"	105° 42' 35"	E-48-44-C
khe Mụ Hạ	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 05' 49"	105° 43' 25"	18° 07' 53"	105° 43' 55"	E-48-44-C
núi Mực Bài	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 07' 22"	105° 40' 17"					E-48-44-C
sông Ngàn Sầu	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-C
Núi Nhục	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 03' 53"	105° 42' 20"					E-48-44-C
Khe Nung	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 04' 29"	105° 40' 58"	18° 04' 19"	105° 41' 24"	E-48-44-C
Núi Nùng	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 06' 52"	105° 39' 59"					E-48-44-C
núi Ông Giao	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 00' 46"	105° 36' 43"					E-48-44-C
Núi Quyết	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 13"	105° 40' 33"					E-48-44-C
suối Rào Tre	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 01' 44"	105° 42' 43"	18° 04' 28"	105° 43' 01"	E-48-44-C
Núi Táng	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 02' 19"	105° 42' 08"					E-48-44-C
Núi Tia	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 29"	105° 43' 04"					E-48-44-C
núi Tiêu Ma	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 45"	105° 39' 08"					E-48-44-C
Núi Tim	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 01' 17"	105° 34' 55"					E-48-44-C
Núi Tro	SV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê	18° 05' 48"	105° 41' 19"					E-48-44-C
Suối Xôn	TV	xã Hương Lâm	H. Hương Khê			18° 04' 58"	105° 37' 23"	18° 03' 48"	105° 38' 50"	E-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Toạ độ điểm cuối		Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)					
m 1	DC	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 03' 47"	105° 43' 55"						E-48-44-C	
m 2	DC	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 04' 08"	105° 44' 20"						E-48-44-C	
m 3	DC	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 04' 13"	105° 44' 51"						E-48-44-C	
m 4	DC	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 04' 13"	105° 45' 41"						E-48-44-D	
m 5	DC	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 03' 50"	105° 45' 15"						E-48-44-D	
i Cây Choại	SV	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 02' 02"	105° 48' 32"						E-48-44-D	
i Cây Cơi	SV	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 03' 10"	105° 43' 15"						E-48-44-C	
i Cây Si	SV	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 01' 04"	105° 46' 31"						E-48-44-D	
i Cây Trôi	SV	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 04' 14"	105° 47' 12"						E-48-44-D	
le Chè	TV	xã Hương Liên	H. Hương Khê			18° 02' 43"	105° 44' 59"	18° 03' 12"	105° 45' 30"		E-48-44-C; E-48-44-D	
le Cỏ	TV	xã Hương Liên	H. Hương Khê			18° 02' 05"	105° 45' 29"	18° 03' 03"	105° 45' 48"		E-48-44-D	
i Cồn Nhọn	SV	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 02' 39"	105° 44' 09"						E-48-44-C	
le Đất	TV	xã Hương Liên	H. Hương Khê			18° 04' 03"	105° 46' 27"	18° 02' 56"	105° 47' 11"		E-48-44-D	
i Động Thờ	SV	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 04' 30"	105° 46' 14"						E-48-44-D	
i Khe Đất	SV	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 03' 39"	105° 46' 36"						E-48-44-D	
le Leo Veo	TV	xã Hương Liên	H. Hương Khê			18° 03' 41"	105° 46' 08"	18° 03' 24"	105° 44' 58"		E-48-44-C; E-48-44-D	
le Mụ Ván	TV	xã Hương Liên	H. Hương Khê			18° 03' 08"	105° 44' 01"	18° 03' 33"	105° 44' 12"		E-48-44-C	
ng Ngàn Sầu	TV	xã Hương Liên	H. Hương Khê			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"		E-48-44-C; E-48-44-D	
he Nong	TV	xã Hương Liên	H. Hương Khê			18° 01' 45"	105° 47' 43"	18° 02' 15"	105° 47' 17"		E-48-44-D	
n Rào Tre	DC	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 03' 33"	105° 44' 01"						E-48-44-C	
úi Táng	SV	xã Hương Liên	H. Hương Khê	18° 04' 29"	105° 45' 25"						E-48-44-D	
lôn 1	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 11' 30"	105° 39' 44"						E-48-44-C	
lôn 2	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 12' 01"	105° 39' 46"						E-48-44-C	
lôn 3	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 11' 46"	105° 38' 48"						E-48-44-C	
lôn 4	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 12' 15"	105° 39' 25"						E-48-44-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn 5	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 11' 34"	105° 40' 04"					E-48-44-C
Thôn 6	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 11' 47"	105° 40' 29"					E-48-44-C
Thôn 7	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 12' 00"	105° 40' 06"					E-48-44-C
Thôn 8	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 12' 23"	105° 39' 43"					E-48-44-C
Thôn 9	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 12' 38"	105° 40' 01"					E-48-44-C
Thôn 10	DC	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 11' 55"	105° 39' 21"					E-48-44-C
quốc lộ 15	KX	xã Hương Long	H. Hương Khê			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-C
khe Đập Khách	TV	xã Hương Long	H. Hương Khê			18° 12' 07"	105° 38' 11"	18° 12' 49"	105° 39' 19"	E-48-44-C
Đập Hộ	KX	xã Hương Long	H. Hương Khê	18° 11' 55"	105° 37' 54"					E-48-44-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hương Long	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-C
Thôn 1	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 13' 23"	105° 41' 48"					E-48-44-C
Thôn 2	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 13' 33"	105° 41' 23"					E-48-44-C
Thôn 3	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 13' 38"	105° 41' 15"					E-48-44-C
Thôn 4	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 13' 56"	105° 41' 02"					E-48-44-C
Thôn 5	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 14' 16"	105° 40' 43"					E-48-44-C
Thôn 6	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 14' 17"	105° 40' 27"					E-48-44-C
Thôn 7	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 14' 34"	105° 40' 24"					E-48-44-C
Thôn 8	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 14' 43"	105° 42' 03"					E-48-44-C
Thôn 9	DC	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 15' 44"	105° 40' 48"					E-48-44-A-d
quốc lộ 15	KX	xã Hương Thủy	H. Hương Khê			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-C; E-48-44-A-d
Núi Bồng	SV	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 13' 48"	105° 39' 31"					E-48-44-C
Khe Cái	TV	xã Hương Thủy	H. Hương Khê			18° 13' 00"	105° 43' 15"	18° 14' 22"	105° 41' 50"	E-48-44-C
hồ Khe Du	TV	xã Hương Thủy	H. Hương Khê	18° 14' 38"	105° 42' 43"					E-48-44-C
Khe Nác	TV	xã Hương Thủy	H. Hương Khê			18° 12' 41"	105° 40' 45"	18° 12' 52"	105° 42' 01"	E-48-44-C
sông Ngân Sáu	TV	xã Hương Thủy	H. Hương Khê			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-C; E-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
he Trường	TV	xã Hương Thủy	H. Hương Khê			18° 17' 14"	105° 46' 33"	18° 14' 43"	105° 41' 38"	E-48-44-C; E-48-44-B-c; E-48-44-A-d
ròng tỉnh 553	KX	xã Hương Trà	H. Hương Khê			18° 17' 47"	105° 54' 04"	18° 05' 00"	105° 37' 22"	E-48-44-D
he Ác	TV	xã Hương Trà	H. Hương Khê			18° 31' 58"	105° 36' 37"	18° 07' 53"	105° 43' 55"	E-48-44-C
ôn Bắc Trà	DC	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 09' 09"	105° 43' 12"					E-48-44-C
úi Bui	SV	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 06' 50"	105° 41' 18"					E-48-44-C
í nghiệp Chè 20-4	KX	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 08' 21"	105° 43' 05"					E-48-44-C
ie Đập Đình	TV	xã Hương Trà	H. Hương Khê			18° 08' 26"	105° 42' 55"	18° 09' 48"	105° 42' 51"	E-48-44-C
ôn Đông Trà	DC	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 08' 36"	105° 43' 28"					E-48-44-C
ròng Hồ Chú Minh	KX	xã Hương Trà	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-C
ie Ma Leng	TV	xã Hương Trà	H. Hương Khê			18° 06' 11"	105° 44' 31"	18° 07' 53"	105° 43' 55"	E-48-44-C
he Mụ Hẹ	TV	xã Hương Trà	H. Hương Khê			18° 05' 49"	105° 43' 25"	18° 07' 53"	105° 43' 55"	E-48-44-C
lon Nam Trà	DC	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 07' 46"	105° 43' 44"					E-48-44-C
lon Tân Hương	DC	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 08' 45"	105° 43' 01"					E-48-44-C
lon Tân Trà	DC	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 08' 35"	105° 43' 11"					E-48-44-C
lon Tây Trà	DC	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 07' 48"	105° 42' 50"					E-48-44-C
lon Tiên Phong	DC	xã Hương Trà	H. Hương Khê	18° 07' 58"	105° 43' 12"					E-48-44-C
uốc lộ 15	KX	xã Hương Trạch	H. Hương Khê			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-D
lon Bắc Lĩnh	DC	xã Hương Trạch	H. Hương Khê	18° 04' 54"	105° 48' 17"					E-48-44-D
úi Cây Trói	SV	xã Hương Trạch	H. Hương Khê	18° 04' 14"	105° 47' 12"					E-48-44-D
he Đập Đá	TV	xã Hương Trạch	H. Hương Khê			18° 05' 31"	105° 45' 46"	18° 07' 28"	105° 46' 34"	E-48-44-D
ị tích Địa điểm chứng ch chiến tranh trường cấp Hương Phúc	KX	xã Hương Trạch	H. Hương Khê	18° 06' 37"	105° 46' 38"					E-48-44-D
ập Đồng Lù	KX	xã Hương Trạch	H. Hương Khê	18° 05' 13"	105° 47' 36"					E-48-44-D
úi Động Rú	TV	xã Hương Trạch	H. Hương Khê			18° 07' 31"	105° 48' 06"	18° 07' 30"	105° 46' 53"	E-48-44-D
úi Động Thờ	SV	xã Hương Trạch	H. Hương Khê	18° 04' 30"	105° 46' 14"					E-48-44-D
tú Gối	SV	xã Hương Trạch	H. Hương Khê	18° 08' 50"	105° 48' 47"					E-48-44-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
n Giảng 2	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 05' 00"	105° 37' 09"	18° 06' 47"	105° 35' 44"	18° 04' 58"	105° 37' 23"		E-48-44-C	
n Giảng Mãn	SV	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 03' 46"	105° 34' 22"						E-48-44-C	
Đi Khe Bồng	TV	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê			18° 03' 14"	105° 35' 09"	18° 04' 58"	105° 37' 23"		E-48-44-C	
Đi Khe Hợp	SV	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 06' 29"	105° 34' 57"			18° 04' 53"	105° 42' 35"		E-48-44-C	
Đi Mạ Chớ	TV	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê								E-48-44-C	
Đi Ngọc Lau	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 10' 19"	105° 39' 36"						E-48-44-C	
Đi Ngọc Mỹ	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 10' 09"	105° 39' 25"						E-48-44-C	
Đi Núng	TV	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê			18° 08' 28"	105° 36' 38"	18° 09' 40"	105° 37' 35"		E-48-44-C	
Đi Núng Con	TV	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê			18° 07' 20"	105° 35' 52"	18° 08' 28"	105° 36' 38"		E-48-44-C	
Đi Thuận Trị	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 09' 45"	105° 38' 24"						E-48-44-C	
Đi Thuận Trì	TV	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê			18° 11' 27"	105° 36' 22"	18° 11' 09"	105° 42' 49"		E-48-44-C	
Đi Thuận Tuấn	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 09' 23"	105° 39' 28"						E-48-44-C	
Đi Thuận Tuấn	TV	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê			18° 07' 35"	105° 38' 11"	18° 10' 13"	105° 40' 40"		E-48-44-C	
Đi Thuận Đại	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 10' 21"	105° 39' 04"						E-48-44-C	
Đi Thuận Giang	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 10' 11"	105° 39' 00"						E-48-44-C	
Đi Thuận Hưng	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 10' 23"	105° 39' 55"						E-48-44-C	
Đi Thuận Hương	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 10' 16"	105° 39' 19"						E-48-44-C	
Đi Thuận Ngọc	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 09' 49"	105° 40' 19"						E-48-44-C	
Đi Thuận Phúc	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 10' 01"	105° 39' 13"						E-48-44-C	
Đi Thuận Thắng	DC	xã Hương Vĩnh	H. Hương Khê	18° 10' 09"	105° 39' 47"						E-48-44-C	
Đi Thuận Bui	SV	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 06' 50"	105° 41' 18"						E-48-44-C	
Đi Thuận Cơn Nhạ	SV	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 07' 45"	105° 41' 13"						E-48-44-C	
Đi Thuận Đình	TV	xã Hương Xuân	H. Hương Khê			18° 08' 26"	105° 42' 55"	18° 09' 48"	105° 42' 51"		E-48-44-C	
Đi Thuận Mới	TV	xã Hương Xuân	H. Hương Khê			18° 08' 24"	105° 42' 33"	18° 09' 33"	105° 42' 40"		E-48-44-C	
Đi Thuận Hồ Chí Minh	KX	xã Hương Xuân	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"		E-48-44-C	
Đi Thuận Hoà Xuân	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 09' 03"	105° 41' 15"						E-48-44-C	
Đi Thuận Mục Bài	KX	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 07' 51"	105° 40' 34"						E-48-44-C	
Đi Thuận Mục Bài	TV	xã Hương Xuân	H. Hương Khê			18° 08' 00"	105° 39' 08"	18° 08' 52"	105° 41' 47"		E-48-44-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Mực Bại	SV	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 07' 22"	105° 40' 17"					E-48-44-C
thôn Phú Hoà	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 09' 34"	105° 41' 49"					E-48-44-C
thôn Phú Hương 1	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 08' 44"	105° 42' 45"					E-48-44-C
thôn Phú Hương 2	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 08' 59"	105° 42' 30"					E-48-44-C
thôn Phú Yên	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 09' 55"	105° 41' 28"					E-48-44-C
thôn Tân Phú	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 07' 50"	105° 42' 44"	18° 11' 27"	105° 36' 22"	18° 11' 09"	105° 42' 49"	E-48-44-C
Sông Tiêm	TV	xã Hương Xuân	H. Hương Khê							E-48-44-C
thôn Trường Sơn	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 09' 00"	105° 41' 33"					E-48-44-C
Khe Tuần	TV	xã Hương Xuân	H. Hương Khê			18° 07' 35"	105° 38' 11"	18° 10' 13"	105° 40' 40"	E-48-44-C
thôn Vĩnh Hưng	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 09' 29"	105° 40' 32"					E-48-44-C
thôn Vĩnh Trường	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 09' 25"	105° 41' 09"					E-48-44-C
thôn Vĩnh Úc	DC	xã Hương Xuân	H. Hương Khê	18° 09' 56"	105° 40' 59"					E-48-44-C
quốc lộ 15	KX	xã Lộc Yên	H. Hương Khê			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-C; E-48-44-B-c; E-48-44-D
đường tỉnh 553	KX	xã Lộc Yên	H. Hương Khê			18° 17' 47"	105° 54' 04"	18° 05' 00"	105° 37' 22"	E-48-44-C; E-48-44-D
thôn Bình Phúc	DC	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 11' 16"	105° 42' 43"					E-48-44-C
núi Cà Oí	SV	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 10' 37"	105° 46' 49"					E-48-44-D
núi Cha Chạm	SV	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 11' 58"	105° 44' 00"					E-48-44-C
núi Đá Giảng	SV	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 13' 54"	105° 47' 27"					E-48-44-D
khe Đập Đình	TV	xã Lộc Yên	H. Hương Khê			18° 08' 26"	105° 42' 55"	18° 09' 48"	105° 42' 51"	E-48-44-C
núi Đình Trường	SV	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 15' 27"	105° 49' 39"					E-48-44-B-c
núi Động Chùa	SV	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 12' 52"	105° 49' 14"					E-48-44-D
Núi Đụn	SV	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 09' 05"	105° 50' 55"					E-48-44-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Lộc Yên	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-D
Hồ Hóp	TV	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 10' 28"	105° 44' 13"					E-48-44-C
thôn Hưng Bình	DC	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 10' 37"	105° 43' 21"					E-48-44-C
thôn Hương Đồng	DC	xã Lộc Yên	H. Hương Khê	18° 11' 00"	105° 43' 06"					E-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Đinh Tô	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 12' 19"	105° 31' 00"					E-48-44-C
Núi Giảng	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 08' 29"	105° 30' 06"					E-48-44-C
núi Giảng Mán	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 05' 00"	105° 32' 19"					E-48-44-C
Núi Giao	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 55"	105° 34' 57"					E-48-44-C
Suối Giữa	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 07' 56"	105° 31' 10"	18° 10' 37"	105° 34' 36"	E-48-44-C
Núi Hào	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 37"	105° 30' 14"					E-48-44-C
thôn Hoà Nhượng	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 36"	105° 39' 19"					E-48-44-C
núi Khe Hợp	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 06' 29"	105° 34' 57"					E-48-44-C
núi Khe Ná	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 09' 10"	105° 34' 35"					E-48-44-C
núi Khe Rầy	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 07' 28"	105° 35' 17"					E-48-44-C
suối Khe Tô	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 09' 40"	105° 31' 41"	18° 10' 46"	105° 32' 10"	E-48-44-C
núi Khe Trám	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 12' 36"	105° 34' 58"					E-48-44-C
núi Khoai Lang	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 27"	105° 33' 48"					E-48-44-C
Núi Lim	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 37"	105° 37' 43"					E-48-44-C
núi Man Ri	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 07' 27"	105° 32' 49"					E-48-44-C
Núi Nhé	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 09' 51"	105° 36' 08"					E-48-44-C
Rào Nùng	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 08' 28"	105° 36' 38"	18° 09' 40"	105° 37' 35"	E-48-44-C
khe Nùng Con	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 07' 20"	105° 35' 52"	18° 08' 28"	105° 36' 38"	E-48-44-C
thôn Phú Bình	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 35"	105° 38' 43"					E-48-44-C
thôn Phú Giang	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 47"	105° 38' 50"					E-48-44-C
thôn Phú Hồ	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 06"	105° 39' 50"					E-48-44-C
thôn Phú Hưng	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 55"	105° 39' 00"					E-48-44-C
thôn Phú Lâm	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 00"	105° 34' 56"					E-48-44-C
thôn Phú Thành	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 54"	105° 40' 23"					E-48-44-C
thôn Phú Vinh	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 59"	105° 39' 22"					E-48-44-C
thôn Phú Yên	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 57"	105° 39' 40"					E-48-44-C
thôn Quang Lộc	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 26"	105° 39' 04"					E-48-44-C
suối Rào Cam	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 11' 49"	105° 30' 52"	18° 10' 38"	105° 33' 15"	E-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Ái Rào Nùng	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 06' 53"	105° 35' 18"	18° 08' 28"	105° 36' 38"	E-48-44-C
Ái Rào Rải	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 12' 11"	105° 31' 34"	18° 11' 27"	105° 36' 22"	E-48-44-C
Ái Rào Trinh	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 05' 12"	105° 33' 34"	18° 07' 20"	105° 34' 16"	E-48-44-C
Ái Tao Đà	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 33"	105° 32' 45"					E-48-44-C
Ái Thạch Sơn Phòng	KX	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 52"	105° 39' 44"					E-48-44-C
Ái Tiên	TV	xã Phú Gia	H. Hương Khê			18° 11' 27"	105° 36' 22"	18° 11' 09"	105° 42' 49"	E-48-44-C
Ái Trần Lâm	KX	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 05"	105° 40' 04"					E-48-44-C
Ái Trung Hà	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 09"	105° 38' 44"					E-48-44-C
Ái Trường Sơn	DC	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 29"	105° 38' 08"					E-48-44-C
Ái Vụ Môn	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 11' 43"	105° 32' 19"					E-48-44-C
Ái Vụ Nậy	SV	xã Phú Gia	H. Hương Khê	18° 10' 46"	105° 35' 35"					E-48-44-C
Ái 1	DC	xã Phú Phong	H. Hương Khê	18° 10' 34"	105° 40' 47"					E-48-44-C
Ái 2	DC	xã Phú Phong	H. Hương Khê	18° 10' 33"	105° 41' 05"					E-48-44-C
Ái 3	DC	xã Phú Phong	H. Hương Khê	18° 10' 27"	105° 41' 27"					E-48-44-C
Ái 4	DC	xã Phú Phong	H. Hương Khê	18° 10' 24"	105° 41' 46"					E-48-44-C
Ái 5	DC	xã Phú Phong	H. Hương Khê	18° 10' 10"	105° 42' 01"					E-48-44-C
Ái 6	DC	xã Phú Phong	H. Hương Khê	18° 09' 56"	105° 42' 20"					E-48-44-C
Ái 7	DC	xã Phú Phong	H. Hương Khê	18° 09' 42"	105° 42' 36"					E-48-44-C
Ái Rừng Hồ Chí Minh	KX	xã Phú Phong	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-C
Ái Rừng Rộc Cón	KX	xã Phú Phong	H. Hương Khê	18° 10' 40"	105° 41' 06"					E-48-44-C
Ái Tiên	TV	xã Phú Phong	H. Hương Khê			18° 11' 27"	105° 36' 22"	18° 11' 09"	105° 42' 49"	E-48-44-C
Ái 1	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 16' 32"	105° 38' 59"					E-48-44-A-d
Ái 2	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 16' 21"	105° 39' 34"					E-48-44-A-d
Ái 3	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 15' 29"	105° 39' 38"					E-48-44-A-d
Ái 4	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 14' 52"	105° 39' 09"					E-48-44-C
Ái 5	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 14' 58"	105° 38' 25"					E-48-44-C
Ái 6	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 15' 25"	105° 39' 18"					E-48-44-A-d
Ái 7	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 15' 51"	105° 38' 41"					E-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Xóm 8	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 15' 58"	105° 38' 16"					E-48-44-A-d
Xóm 9	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 16' 14"	105° 37' 48"					E-48-44-A-d
Xóm 10	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 16' 13"	105° 37' 25"					E-48-44-A-c
xóm 11	DC	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 16' 41"	105° 37' 21"					E-48-44-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-C; E-48-44-A-d
núi Côn Mối	SV	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 16' 52"	105° 39' 01"					E-48-44-A-d
núi Động Lăng	SV	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 16' 25"	105° 40' 10"					E-48-44-A-d
núi Hà Mẹ	SV	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 17' 04"	105° 38' 44"					E-48-44-A-d
núi Hà Om	SV	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê	18° 17' 09"	105° 36' 43"					E-48-44-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-A-c; E-48-44-A-d
hói Líp-Con	TV	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê			18° 15' 25"	105° 37' 36"	18° 17' 06"	105° 38' 14"	E-48-44-A-d
Sông Nổ	TV	xã Phúc Đồng	H. Hương Khê			18° 12' 03"	105° 28' 18"	18° 17' 22"	105° 38' 36"	E-48-44-A-c; E-48-44-A-d
Xóm 1	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 06' 47"	105° 46' 15"					E-48-44-D
Xóm 2	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 07' 10"	105° 46' 28"					E-48-44-D
Xóm 3	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 07' 05"	105° 46' 15"					E-48-44-D
Xóm 4	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 07' 32"	105° 46' 02"					E-48-44-D
Xóm 5	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 07' 24"	105° 45' 47"					E-48-44-D
Xóm 6	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 07' 40"	105° 45' 52"					E-48-44-D
Xóm 7	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 07' 37"	105° 45' 39"					E-48-44-D
Xóm 8	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 07' 59"	105° 45' 27"					E-48-44-D
Xóm 9	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 08' 24"	105° 45' 45"					E-48-44-D
Xóm 10	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 08' 15"	105° 45' 24"					E-48-44-D
xóm 11	DC	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 08' 09"	105° 45' 02"					E-48-44-D
quốc lộ 15	KX	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê			18° 33' 35"	105° 33' 24"	18° 03' 48"	105° 49' 28"	E-48-44-C; E-48-44-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vi độ (Độ, phút, giây)	
				Vi độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vi độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vi độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
ie Bệ	TV	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê			18° 07' 39"	105° 45' 04"	18° 06' 36"	105° 45' 19"		E-48-44-C; E-48-44-D	
e Đập Đá	TV	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê			18° 05' 31"	105° 45' 46"	18° 07' 28"	105° 46' 34"		E-48-44-D	
úi Đông Rú	TV	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê			18° 07' 31"	105° 48' 06"	18° 07' 30"	105° 46' 53"		E-48-44-D	
ùng Hâu	SV	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 09' 05"	105° 47' 30"						E-48-44-D	
ùng Hồ Chí Minh	KX	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"		E-48-44-D	
Khe Trồi	TV	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 06' 31"	105° 45' 15"						E-48-44-C; E-48-44-D	
e Mía Leng	TV	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê			18° 06' 11"	105° 44' 31"	18° 07' 53"	105° 43' 55"		E-48-44-C	
ng Ngân Sáu	TV	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"		E-48-44-C; E-48-44-D	
Phúc Trạch	KX	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 06' 27"	105° 46' 18"						E-48-44-D	
úi Táng	SV	xã Phúc Trạch	H. Hương Khê	18° 05' 32"	105° 44' 43"						E-48-44-C	
lôn 1	DC	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 17' 16"	105° 37' 38"						E-48-44-A-d	
lôn 2	DC	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 17' 42"	105° 37' 14"						E-48-44-A-d	
lôn 3	DC	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 17' 37"	105° 37' 49"						E-48-44-A-d	
lôn 4	DC	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 18' 01"	105° 37' 47"						E-48-44-A-c	
lôn 5	DC	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 18' 19"	105° 37' 41"						E-48-44-A-d	
lôn 6	DC	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 18' 41"	105° 37' 50"						E-48-44-A-d	
úi Đá Bạc	SV	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 18' 27"	105° 37' 32"						E-48-44-A-d	
úi Hà Om	SV	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 17' 09"	105° 36' 43"						E-48-44-A-d	
ùng Hồ Chí Minh	KX	xã Phương Điền	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"		E-48-44-A-c; E-48-44-A-d	
ò Mưng	TV	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 17' 35"	105° 36' 55"						E-48-44-A-c	
ùng Ngân Sáu	TV	xã Phương Điền	H. Hương Khê			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"		E-48-44-A-d	
ùng Nỏ	TV	xã Phương Điền	H. Hương Khê			18° 12' 03"	105° 28' 18"	18° 17' 22"	105° 38' 36"		E-48-44-A-c; E-48-44-A-d	
à Thanh Luyện	KX	xã Phương Điền	H. Hương Khê	18° 17' 52"	105° 38' 04"						E-48-44-A-d	
lôn Áp Tiên	DC	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 20' 09"	105° 38' 48"						E-48-44-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Khe Bớt	TV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 19' 06"	105° 35' 21"	18° 19' 58"	105° 39' 22"	18° 20' 17"	105° 39' 08"	E-48-44-A-d
Hồi Bướm	TV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê			18° 19' 58"	105° 35' 49"		105° 34' 36"	E-48-44-A-c
Núi Bướm	SV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 19' 06"	105° 35' 21"					E-48-44-A-c
Khe Cú	TV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê			18° 22' 29"	105° 37' 30"	18° 21' 13"	105° 37' 15"	E-48-44-A-c; E-48-44-A-d
núi Đá Chông	SV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 22' 58"	105° 39' 02"					E-48-44-A-b
Khe Địa	TV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê			18° 17' 13"	105° 43' 11"	18° 20' 10"	105° 38' 55"	E-48-44-A-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-A-a; E-48-44-A-c; E-48-44-A-d
núi Lèo Hèo	SV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 19' 41"	105° 36' 58"					E-48-44-A-c
thôn Nam Hà	DC	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 20' 06"	105° 37' 58"					E-48-44-A-d
thôn Nam Trung	DC	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 18' 40"	105° 36' 55"					E-48-44-A-c
sông Ngàn Sáu	TV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê					18° 04' 20"	105° 41' 24"	E-48-44-A-d
núi Ông Chơ	SV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 19' 41"	105° 40' 02"					E-48-44-A-d
ga Phương Mỹ	KX	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 20' 25"	105° 37' 46"					E-48-44-A-d
thôn Tân Hạ	DC	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 20' 26"	105° 38' 42"					E-48-44-A-d
thôn Tân Thành	DC	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 21' 19"	105° 39' 40"					E-48-44-A-d
thôn Tân Trung	DC	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 20' 34"	105° 38' 51"					E-48-44-A-d
thôn Thượng Sơn	DC	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 20' 15"	105° 39' 28"					E-48-44-A-d
núi Trường Vát	SV	xã Phương Mỹ	H. Hương Khê	18° 22' 16"	105° 39' 45"					E-48-44-A-d
Khối phố 1	DC	TT. Phố Châu	H. Hương Sơn	18° 30' 40"	105° 25' 24"					E-48-31-D
Khối phố 2	DC	TT. Phố Châu	H. Hương Sơn	18° 30' 36"	105° 25' 16"					E-48-31-D
Khối phố 3	DC	TT. Phố Châu	H. Hương Sơn	18° 30' 55"	105° 25' 19"					E-48-31-D
Khối phố 4	DC	TT. Phố Châu	H. Hương Sơn	18° 30' 49"	105° 25' 26"					E-48-31-D
Khối phố 5	DC	TT. Phố Châu	H. Hương Sơn	18° 30' 57"	105° 25' 28"					E-48-31-D
Khối phố 6	DC	TT. Phố Châu	H. Hương Sơn	18° 31' 10"	105° 25' 35"					E-48-31-D
Khối phố 7	DC	TT. Phố Châu	H. Hương Sơn	18° 31' 03"	105° 25' 26"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
ôn 5	DC	xã Sơn Bình	H. Hương Sơn	18° 30' 13"	105° 30' 16"					E-48-32-C-c
ôn 6	DC	xã Sơn Bình	H. Hương Sơn	18° 30' 40"	105° 29' 50"					E-48-31-D
óc lộ 8	KX	xã Sơn Bình	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-31-D; E-48-32-C-c
tích Đền thờ Nguyễn	KX	xã Sơn Bình	H. Hương Sơn	18° 31' 23"	105° 30' 24"					E-48-32-C-c
u Hân	TV	xã Sơn Bình	H. Hương Sơn			18° 32' 15"	105° 30' 23"	18° 31' 02"	105° 31' 09"	E-48-32-C-c
i Mông Gà	SV	xã Sơn Bình	H. Hương Sơn	18° 30' 22"	105° 29' 29"					E-48-31-D
óc lộ 8	KX	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-31-D; E-48-32-C-c
in Bãi Trại	DC	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 30' 41"	105° 29' 23"					E-48-31-D
in Đông Trung	DC	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 32' 00"	105° 30' 06"					E-48-32-C-c
ôn Đình	DC	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 31' 30"	105° 29' 41"					E-48-31-D
u Hân	TV	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn			18° 32' 15"	105° 30' 23"	18° 31' 02"	105° 31' 09"	E-48-31-D
i Mông Gà	SV	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 30' 22"	105° 29' 29"					E-48-31-D
in Nam Đoài	DC	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 32' 01"	105° 30' 09"					E-48-32-C-c
ii Nầm	SV	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 30' 25"	105° 29' 06"					E-48-31-D
ng Ngân Phố	TV	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-31-D; E-48-32-C-c
in Sinh Cờ	DC	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 31' 01"	105° 29' 28"					E-48-31-D
in Tháp Sơn	DC	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 31' 25"	105° 29' 54"					E-48-31-D
u Treo Nầm	KX	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 31' 05"	105° 29' 02"					E-48-31-D
nh Tú Mỹ	KX	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 31' 38"	105° 29' 38"					E-48-31-D
in Yên Thịnh	DC	xã Sơn Châu	H. Hương Sơn	18° 31' 54"	105° 29' 52"					E-48-31-D
lôn 1	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 29' 10"	105° 21' 41"					E-48-43-B
lôn 2	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 30' 20"	105° 21' 51"					E-48-31-D
lôn 3	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 30' 13"	105° 22' 21"					E-48-31-D
lôn 4	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 30' 18"	105° 23' 21"					E-48-31-D
lôn 5	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 30' 30"	105° 23' 48"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)			
Thôn 6	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 30' 35"	105° 23' 54"							E-48-31-D
Thôn 7	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 30' 38"	105° 24' 09"							E-48-43-B
Thôn 8	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 30' 30"	105° 24' 43"							E-48-31-D
Quốc lộ 8	KX	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"			E-48-31-D; E-48-43-B
Thôn 9	DC	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 29' 58"	105° 24' 25"							E-48-43-B
hồ Cây Trường	TV	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 29' 22"	105° 23' 21"							E-48-43-B
núi Động Cao	SV	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 28' 27"	105° 22' 08"							E-48-43-B
núi Khe Nấp	SV	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn	18° 28' 24"	105° 21' 09"							E-48-43-B
sông Ngân Phố	TV	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"			E-48-31-D; E-48-43-B
Hói Phố	TV	xã Sơn Diệm	H. Hương Sơn			18° 29' 35"	105° 23' 39"	18° 30' 46"	105° 25' 07"			E-48-31-D; E-48-43-B
Thôn 1	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 30' 57"	105° 23' 58"							E-48-31-D
Thôn 2	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 30' 55"	105° 24' 51"							E-48-31-D
Thôn 3	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 30' 52"	105° 24' 59"							E-48-31-D
Thôn 4	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 31' 06"	105° 25' 17"							E-48-31-D
Thôn 5	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 31' 11"	105° 25' 17"							E-48-31-D
Thôn 6	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 31' 23"	105° 25' 30"							E-48-31-D
Thôn 7	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 31' 43"	105° 24' 43"							E-48-31-D
Thôn 8	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 31' 52"	105° 24' 26"							E-48-31-D
Thôn 9	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 31' 58"	105° 23' 56"							E-48-31-D
Thôn 10	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 32' 13"	105° 24' 43"							E-48-31-D
thôn 11	DC	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 31' 36"	105° 23' 59"							E-48-31-D
hồ Cao Thắng	TV	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 32' 24"	105° 25' 10"							E-48-31-D
núi Cột Cờ	SV	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 34' 36"	105° 23' 56"							E-48-31-D
núi Eo Đào	SV	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 32' 27"	105° 25' 38"							E-48-31-D
suối Hầm Hầm	TV	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn			18° 32' 02"	105° 23' 34"	18° 30' 47"	105° 24' 26"			E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"			E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Ngân Phố	TV	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-31-D
Xã Tượng Sơn	KX	xã Sơn Giang	H. Hương Sơn	18° 30' 52"	105° 24' 27"					E-48-31-D
Xã Bắc Hà	DC	xã Sơn Hà	H. Hương Sơn	18° 32' 22"	105° 30' 45"					E-48-32-C-c
Xã Đông Hà	DC	xã Sơn Hà	H. Hương Sơn	18° 31' 29"	105° 31' 26"					E-48-32-C-c
Xã Hân	TV	xã Sơn Hà	H. Hương Sơn			18° 32' 15"	105° 30' 23"	18° 31' 02"	105° 31' 09"	E-48-32-C-c
Xã Hồng Hà	DC	xã Sơn Hà	H. Hương Sơn	18° 31' 58"	105° 31' 05"					E-48-32-C-c
Xã Nam Hà	DC	xã Sơn Hà	H. Hương Sơn	18° 31' 41"	105° 30' 50"					E-48-32-C-c
Ngân Phố	TV	xã Sơn Hà	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c
Xã Tây Hà	DC	xã Sơn Hà	H. Hương Sơn	18° 32' 17"	105° 30' 39"					E-48-32-C-c
Xã Vàng	TV	xã Sơn Hà	H. Hương Sơn			18° 31' 37"	105° 32' 07"	18° 31' 28"	105° 33' 05"	E-48-43-B
Xã Anh Sơn	DC	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 29' 23"	105° 24' 20"					E-48-43-B
Xã Bình Sơn	DC	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 27' 55"	105° 24' 57"					E-48-43-B
Xã Cái	TV	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn			18° 28' 14"	105° 25' 49"	18° 30' 56"	105° 28' 48"	E-48-43-B
Xã Cây Du	SV	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 27' 39"	105° 22' 51"					E-48-43-B
Xã Cây Khé	SV	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 26' 52"	105° 23' 27"					E-48-43-B
Xã Động Cao	SV	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 28' 27"	105° 22' 08"					E-48-43-B
Xã Hàm Giang	DC	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 28' 54"	105° 25' 13"					E-48-43-B
Xã Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-43-B
Xã Hùng Sơn	DC	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 28' 33"	105° 25' 02"					E-48-43-B
Xã Khe Mờ	TV	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 28' 29"	105° 23' 14"					E-48-43-B
Xã Liên Sơn	DC	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 28' 14"	105° 24' 34"					E-48-43-B
Xã Mai Lĩnh	DC	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 29' 25"	105° 25' 24"					E-48-43-B
Xã Mờ	TV	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn			18° 28' 36"	105° 23' 28"	18° 30' 00"	105° 24' 36"	E-48-43-B
Xã Phụng Hoàng	DC	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 29' 21"	105° 25' 09"					E-48-43-B
Xã Trám Mây	SV	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 26' 46"	105° 24' 56"					E-48-43-B
Xã Tượng Sơn	DC	xã Sơn Hàm	H. Hương Sơn	18° 28' 51"	105° 24' 08"					E-48-43-B
Xã Bình Hoà	DC	xã Sơn Hoà	H. Hương Sơn	18° 32' 29"	105° 29' 41"					E-48-31-D
Xã Cây Đa	DC	xã Sơn Hoà	H. Hương Sơn	18° 32' 33"	105° 29' 26"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Toạ độ điểm cuối			Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)						
Đi Khe Bó	TV	xã Sơn Hồng	H. Hương Sơn			18° 32' 25"	105° 11' 28"	18° 34' 19"	105° 12' 57"			E-48-31-C	
Đi Lét	TV	xã Sơn Hồng	H. Hương Sơn			18° 33' 42"	105° 11' 24"	18° 34' 18"	105° 12' 43"			E-48-31-C	
Đi Sinh	TV	xã Sơn Hồng	H. Hương Sơn			18° 33' 41"	105° 08' 14"	18° 33' 05"	105° 09' 36"			E-48-31-C	
Đi Tóc Nạc Lọc	SV	xã Sơn Hồng	H. Hương Sơn	18° 36' 52"	105° 09' 28"							E-48-31-C	
Đi Trường Sơn	SV	xã Sơn Hồng	H. Hương Sơn			18° 36' 11"	105° 11' 11"	17° 59' 36"	105° 38' 30"			E-48-31-C	
Đi Từ Múa	TV	xã Sơn Hồng	H. Hương Sơn			18° 34' 59"	105° 19' 18"	18° 33' 06"	105° 19' 09"			E-48-31-D	
Đi Văn	TV	xã Sơn Hồng	H. Hương Sơn			18° 36' 22"	105° 09' 42"	18° 34' 36"	105° 09' 42"			E-48-31-C	
Đi Văn	TV	xã Sơn Hồng	H. Hương Sơn			18° 34' 13"	105° 08' 14"	18° 34' 36"	105° 09' 42"			E-48-31-C	
Đi Lạc 8	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 17"	105° 09' 27"			E-48-43-A; E-48-43-B	
Đi Lạc 15	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 30' 49"	105° 07' 17"	18° 30' 18"	105° 09' 42"			E-48-31-C	
Đi Lạc 16	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 30' 34"	105° 09' 31"	18° 29' 48"	105° 10' 05"			E-48-31-C; E-48-43-A	
Đi Biên phòng 563	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 26' 10"	105° 13' 15"							E-48-43-A	
Đi An Sứ	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 26' 44"	105° 17' 02"							E-48-43-B	
Đi An	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 16' 31"	105° 16' 24"	18° 25' 49"	105° 13' 12"			E-48-43-A; E-48-43-B	
Đi Ba Mụ	SV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 23' 13"	105° 11' 38"							E-48-31-C	
Đi Bà Mụ	SV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 31' 48"	103° 10' 58"							E-48-31-C	
Đi Bà Nang	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 28' 44"	105° 10' 41"	18° 29' 15"	105° 11' 33"			E-48-43-A	
Đi Bò Rạt	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 31' 17"	105° 07' 42"	18° 30' 34"	105° 09' 31"			E-48-31-C	
Đi Cầu Treo-Nậm	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 23' 19"	105° 09' 26"							E-48-43-A	
Đi Con Khi	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 30' 55"	105° 07' 00"	18° 30' 28"	105° 07' 03"			E-48-31-C	
Đi Công Thương	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 27' 09"	105° 17' 04"							E-48-43-B	
Đi Đá Liếp	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 28' 21"	105° 10' 46"	18° 28' 45"	105° 12' 31"			E-48-43-A	
Đi Giảng Mản	SV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 27' 32"	105° 10' 42"							E-48-43-A	
Đi Giao Bùn	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 20' 39"	105° 15' 25"	18° 24' 43"	105° 13' 15"			E-48-43-A; E-48-43-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hà Trai	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 26' 53"	105° 14' 49"	18° 27' 14"	105° 06' 25"	18° 26' 49"	105° 08' 54"	E-48-43-A
Khe Ke	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn							E-48-43-A
cầu Kẽm 1	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 24' 40"	105° 10' 52"					E-48-43-A
đèo Keo Neua	SV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 23' 17"	105° 09' 27"					E-48-43-A
thôn Khe 5	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 27' 58"	105° 16' 38"					E-48-43-B
thôn Khe Dầu	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 27' 17"	105° 15' 23"					E-48-43-B
núi Khe Trầy	SV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 27' 52"	105° 15' 58"					E-48-43-B
thôn Kim Cương 1	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 27' 02"	105° 15' 25"					E-48-43-B
thôn Kim Cương 2	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 27' 21"	105° 15' 52"					E-48-43-A
suối Nam Thuông	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 25' 31"	105° 07' 06"	18° 25' 31"	105° 07' 07"	E-48-43-A
suối Ngà Đồi	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 29' 48"	105° 10' 05"	18° 29' 15"	105° 11' 33"	E-48-43-A
Núi Ngam	SV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 19' 09"	105° 11' 30"					E-48-43-A
sông Ngân Phó	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-43-A; E-48-43-B
khe Nhà Ròng	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 28' 50"	105° 13' 48"	18° 27' 43"	105° 13' 52"	E-48-43-A
suối Nước Lạnh	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 30' 28"	105° 07' 03"	18° 26' 49"	105° 08' 54"	E-48-31-C; E-48-43-A
cầu Nước Sốt	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 26' 09"	105° 13' 09"					E-48-43-A
sông Nước Sốt	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 26' 44"	105° 14' 08"					E-48-43-A
cầu Rào Mác	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn							E-48-43-A
suối Rào Mác	TV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 24' 31"	105° 10' 21"			18° 26' 15"	105° 14' 21"	E-48-43-A
cầu Tàu 1	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 24' 30"	105° 10' 16"					E-48-43-A
cầu Tàu 2	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 24' 53"	105° 12' 01"					E-48-43-A
Cầu Trần	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 24' 33"	105° 10' 11"					E-48-43-A
Cầu Treo	KX	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 27' 28"	105° 17' 01"					E-48-43-B
Thôn Trung	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn			18° 36' 11"	105° 11' 11"	17° 59' 36"	105° 38' 30"	E-48-31-C; E-48-43-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn							E-48-43-B
thôn Vững Tròn	DC	xã Sơn Kim 1	H. Hương Sơn	18° 26' 03"	105° 15' 00"					E-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Toạ độ điểm cuối			Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)						
o An	TV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn			18° 16' 31"	105° 16' 24"	18° 25' 49"	105° 13' 12"			E-48-43-A; E-48-43-B	
Ché Biền	DC	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 26' 18"	105° 18' 12"							E-48-43-B	
ngiệp Chè Tây Sơn	KX	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 26' 10"	105° 18' 14"							E-48-43-B	
í Chi Lồi	TV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn			18° 22' 49"	105° 22' 56"	18° 28' 00"	105° 19' 30"			E-48-43-B	
í Giao Bùn	TV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn			18° 20' 39"	105° 15' 25"	18° 24' 43"	105° 13' 15"			E-48-43-A; E-48-43-B	
ìn Hạ Vàng	DC	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 25' 35"	105° 16' 57"							E-48-43-B	
ì Hồng Lều	SV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 15' 36"	105° 15' 16"							E-48-43-A	
ì Hồng Lền	SV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 17' 49"	105° 15' 16"							E-48-43-B	
í Khe Tre	TV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn			18° 16' 33"	105° 17' 32"	18° 21' 22"	105° 18' 29"			E-48-43-B	
ìn Kim Bình	DC	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 26' 51"	105° 17' 28"							E-48-43-B	
ìn Làng Chè	DC	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 25' 55"	105° 19' 10"							E-48-43-B	
ng Ngán Phố	TV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"			E-48-43-A; E-48-43-B	
ìn Quyết Thắng	DC	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 26' 09"	105° 16' 12"							E-48-43-B	
ìn Thanh Dũng	DC	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 26' 49"	105° 20' 19"							E-48-43-B	
ìn Thương Kim	DC	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 25' 24"	105° 18' 50"							E-48-43-B	
ìn Tiền Phong	DC	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 27' 34"	105° 19' 58"							E-48-43-B	
ie Tre	TV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn			18° 17' 47"	105° 16' 30"	18° 27' 30"	105° 19' 03"			E-48-43-B	
ì Trò Voi	SV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn	18° 26' 58"	105° 18' 11"							E-48-43-B	
ỳ Trường Sơn	SV	xã Sơn Kim 2	H. Hương Sơn			18° 36' 11"	105° 11' 11"	17° 59' 36"	105° 38' 30"			E-48-31-B	
ng Con	TV	xã Sơn Lâm	H. Hương Sơn			18° 32' 03"	105° 06' 58"	18° 30' 32"	105° 21' 36"			E-48-31-D	
ì Cồn Mộc	SV	xã Sơn Lâm	H. Hương Sơn	18° 34' 20"	105° 23' 20"							E-48-31-D	
ì Cột Cờ	SV	xã Sơn Lâm	H. Hương Sơn	18° 34' 36"	105° 23' 56"							E-48-31-D	
óí Hầm Hầm	TV	xã Sơn Lâm	H. Hương Sơn			18° 32' 02"	105° 23' 34"	18° 30' 47"	105° 24' 26"			E-48-31-D	
óí Khe Sắn	TV	xã Sơn Lâm	H. Hương Sơn			18° 34' 19"	105° 20' 28"	18° 32' 24"	105° 20' 42"			E-48-31-D	
ì Khe Sắn	SV	xã Sơn Lâm	H. Hương Sơn	18° 32' 01"	105° 22' 33"							E-48-31-D	
óí Khe Trám	TV	xã Sơn Lâm	H. Hương Sơn			18° 32' 49"	105° 22' 25"	18° 32' 02"	105° 23' 34"			E-48-31-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
hòn Lám Bình	DC	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 33' 24"	105° 21' 22"					E-48-31-D
hòn Lám Đông	DC	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 32' 28"	105° 23' 06"					E-48-31-D
hòn Lám Giang	DC	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 32' 40"	105° 20' 33"					E-48-31-D
hòn Lám Khê	DC	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 33' 50"	105° 20' 44"					E-48-31-D
hòn Lám Phúc	DC	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 33' 45"	105° 21' 46"					E-48-31-D
hòn Lám Thọ	DC	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 33' 18"	105° 20' 53"					E-48-31-D
hòn Lám Trung	DC	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 32' 42"	105° 22' 40"					E-48-31-D
suối Rộc Đá	TV	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn			18° 34' 03"	105° 23' 28"	18° 32' 49"	105° 22' 25"	E-48-31-D
núi Tam Bảo	SV	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 31' 34"	105° 23' 31"					E-48-31-D
Núi Thần	SV	xã Sơn Lám	H. Hương Sơn	18° 32' 36"	105° 21' 26"					E-48-31-D
thôn Bắc Sơn	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 44"	105° 27' 33"					E-48-31-D
thôn Cao Thắng	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 30"	105° 28' 18"					E-48-31-D
Thôn Chùa	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 29"	105° 28' 30"					E-48-31-D
núi Cồn Dài	SV	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 32' 00"	105° 26' 59"					E-48-31-D
núi Cột Cờ	SV	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 34' 56"	105° 23' 56"					E-48-31-D
Hói Động	TV	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn			18° 33' 00"	105° 27' 40"	18° 33' 09"	105° 31' 10"	E-48-31-D
núi Eo Đào	SV	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 32' 27"	105° 25' 38"					E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-31-D
hồ Khe Cò	TV	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 35' 05"	105° 25' 56"					E-48-31-D
thôn Khe Cò	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 34' 05"	105° 26' 35"					E-48-31-D
suối Khe Hồ	TV	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn			18° 32' 26"	105° 26' 32"	18° 33' 00"	105° 27' 40"	E-48-31-D
Núi Lừa	SV	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 32' 10"	105° 27' 28"					E-48-31-D
thôn Nam Sơn	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 32' 54"	105° 25' 42"					E-48-31-D
Di tích Nhà thờ Cao Thắng	KX	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 27"	105° 28' 30"					E-48-31-D
Di tích Nhà thờ Lê Hữu Tạo	KX	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 16"	105° 28' 09"					E-48-31-D
đập Nội Tranh Hạ	KX	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 27"	105° 26' 27"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
n Sơn Thủy	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 00"	105° 26' 50"					E-48-31-D
n Tây Sơn	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 42"	105° 26' 09"					E-48-31-D
n Thọ Lộc	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 14"	105° 28' 24"					E-48-31-D
n Trung Lễ	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 10"	105° 29' 06"					E-48-31-D
n Tuệ Sơn	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 32' 55"	105° 28' 24"					E-48-31-D
n Yên Đức	DC	xã Sơn Lễ	H. Hương Sơn	18° 33' 34"	105° 27' 19"					E-48-31-D
ôn 1	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 30' 29"	105° 19' 44"					E-48-31-D
ôn 2	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 31' 01"	105° 20' 00"					E-48-31-D
ôn 3	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 31' 21"	105° 20' 06"					E-48-31-D
ôn 4	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 31' 19"	105° 20' 38"					E-48-31-D
ôn 5	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 32' 04"	105° 20' 31"					E-48-31-D
ôn 6	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 32' 11"	105° 20' 04"					E-48-31-D
ôn 7	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 32' 25"	105° 20' 12"					E-48-31-D
ôn 8	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 32' 32"	105° 19' 57"					E-48-31-D
ôn 9	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 32' 47"	105° 19' 15"					E-48-31-D
ôn 10	DC	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 32' 35"	105° 19' 04"					E-48-31-D
ng Con	TV	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn			18° 32' 03"	105° 06' 58"	18° 30' 32"	105° 21' 36"	E-48-31-D
ị Khe Sắn	TV	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn			18° 34' 19"	105° 20' 28"	18° 32' 24"	105° 20' 42"	E-48-31-D
i Năm Chông	SV	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 33' 37"	105° 19' 34"					E-48-31-D
ng Ngân Phó	TV	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-31-D
ii Thần	SV	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn	18° 32' 36"	105° 21' 26"					E-48-31-D
í Tú Mưa	TV	xã Sơn Lĩnh	H. Hương Sơn			18° 34' 59"	105° 19' 18"	18° 33' 06"	105° 19' 09"	E-48-31-D
ôn 1	DC	xã Sơn Long	H. Hương Sơn	18° 31' 13"	105° 32' 53"					E-48-32-C-c
ôn 2	DC	xã Sơn Long	H. Hương Sơn	18° 30' 36"	105° 32' 50"					E-48-32-C-c
ôn 3	DC	xã Sơn Long	H. Hương Sơn	18° 30' 10"	105° 32' 06"					E-48-32-C-c
ôn 4	DC	xã Sơn Long	H. Hương Sơn	18° 30' 29"	105° 32' 06"					E-48-32-C-c
ôn 5	DC	xã Sơn Long	H. Hương Sơn	18° 29' 40"	105° 31' 54"					E-48-44-A-a
ốc lộ 8	KX	xã Sơn Long	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm				Toạ độ điểm đầu					Toạ độ điểm cuối	
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)		Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)
sông Ngân Phố	TV	xã Sơn Long	H. Hương Sơn	18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c		
sông Ngân Sâu	TV	xã Sơn Long	H. Hương Sơn		105° 41' 24"	18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c; E-48-44-A-a		
Hồi Vàng	TV	xã Sơn Long	H. Hương Sơn		105° 32' 07"	18° 31' 37"	105° 32' 07"	18° 31' 28"	105° 33' 05"	18° 31' 28"	105° 33' 05"	E-48-32-C-c		
Khe Cãi	TV	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn		105° 25' 49"	18° 28' 14"	105° 25' 49"	18° 30' 56"	105° 28' 48"	18° 30' 56"	105° 28' 48"	E-48-43-B		
suối Cây Trường	TV	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn		105° 28' 10"	18° 26' 31"	105° 28' 10"	18° 26' 10"	105° 28' 55"	18° 26' 10"	105° 28' 55"	E-48-43-B		
núi Cồn Chùa	SV	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 28' 15"	105° 26' 43"	18° 28' 15"	105° 26' 43"					E-48-43-B		
núi Cồn Gụ	SV	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 28' 49"	105° 28' 14"	18° 28' 49"	105° 28' 14"					E-48-43-B		
núi Đai De	SV	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 27' 28"	105° 27' 40"	18° 27' 28"	105° 27' 40"					E-48-43-B		
núi Động Cốc	SV	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 24' 38"	105° 28' 37"	18° 24' 38"	105° 28' 37"					E-48-43-B		
thôn Hội Sơn	DC	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 28' 29"	105° 27' 57"	18° 28' 29"	105° 27' 57"					E-48-43-B		
đập Khe Dè	KX	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 28' 18"	105° 27' 10"	18° 28' 18"	105° 27' 10"					E-48-43-B		
thôn Kim Lĩnh	DC	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 26' 28"	105° 28' 05"	18° 26' 28"	105° 28' 05"					E-48-43-B		
thôn Kim Lộc	DC	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 28' 57"	105° 27' 35"	18° 28' 57"	105° 27' 35"					E-48-43-B		
thôn Minh Giang	DC	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 29' 06"	105° 28' 18"	18° 29' 06"	105° 28' 18"					E-48-43-B		
thôn Tân Hoa	DC	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn	18° 25' 50"	105° 28' 28"	18° 25' 50"	105° 28' 28"					E-48-43-B		
Suối Tráy	TV	xã Sơn Mai	H. Hương Sơn		105° 28' 55"	18° 26' 10"	105° 28' 55"	18° 26' 35"	105° 32' 14"	18° 26' 35"	105° 32' 14"	E-48-43-B		
thôn Hồng Mỹ	DC	xã Sơn Mỹ	H. Hương Sơn	18° 32' 34"	105° 30' 46"	18° 32' 34"	105° 30' 46"					E-48-32-C-c		
thôn Mỹ Yên	DC	xã Sơn Mỹ	H. Hương Sơn	18° 32' 33"	105° 31' 19"	18° 32' 33"	105° 31' 19"					E-48-32-C-c		
sông Ngân Phố	TV	xã Sơn Mỹ	H. Hương Sơn		105° 13' 12"	18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c		
thôn Phú Mỹ	DC	xã Sơn Mỹ	H. Hương Sơn	18° 32' 44"	105° 31' 28"	18° 32' 44"	105° 31' 28"					E-48-32-C-c		
thôn Thuận Lý	DC	xã Sơn Mỹ	H. Hương Sơn	18° 32' 23"	105° 31' 28"	18° 32' 23"	105° 31' 28"					E-48-32-C-c		
thôn Thuận Mỹ	DC	xã Sơn Mỹ	H. Hương Sơn	18° 32' 22"	105° 31' 07"	18° 32' 22"	105° 31' 07"					E-48-32-C-c		
thôn Trung Thượng	DC	xã Sơn Mỹ	H. Hương Sơn	18° 33' 01"	105° 31' 19"	18° 33' 01"	105° 31' 19"					E-48-32-C-c		
thôn Dương Đình	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 36"	105° 28' 28"	18° 31' 36"	105° 28' 28"					E-48-31-D		
thôn Hương Hà	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 47"	105° 28' 32"	18° 31' 47"	105° 28' 32"					E-48-31-D		
thôn Kim Sơn	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 11"	105° 28' 49"	18° 31' 11"	105° 28' 49"					E-48-31-D		
Núi Lửa	SV	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 32' 10"	105° 27' 28"	18° 32' 10"	105° 27' 28"					E-48-31-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,gây)	Kinh độ (Độ,phút,gây)	Vĩ độ (Độ,phút,gây)	Kinh độ (Độ,phút,gây)	Vĩ độ (Độ,phút,gây)	Kinh độ (Độ,phút,gây)	
Ngân Phó	TV	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-31-D; E-48-32-C-c
Ngọc Tỉnh	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 28"	105° 28' 52"					E-48-31-D
tích Nhà thờ Nguyễn Văn Thiện	KX	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 56"	105° 29' 18"					E-48-31-D
in Ninh Xá	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 51"	105° 29' 08"					E-48-31-D
in Tân Bình	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 32' 14"	105° 29' 44"					E-48-31-D
in Thượng Tiến	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 58"	105° 27' 57"					E-48-31-D
in Trà Sơn	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 16"	105° 28' 59"					E-48-31-D
1 Treo Nham	KX	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 31' 05"	105° 29' 02"					E-48-31-D
in Trung Thị	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 32' 30"	105° 30' 31"					E-48-32-C-c
in Trường An	DC	xã Sơn Ninh	H. Hương Sơn	18° 32' 26"	105° 30' 02"					E-48-32-C-c
ốc lộ 8	KX	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-31-D; E-48-43-B
in An Phú	DC	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn	18° 29' 26"	105° 26' 24"			18° 28' 14"	105° 25' 49"	E-48-43-B
ve Cái	TV	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn							E-48-31-D
in Công Đăng	DC	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn	18° 30' 20"	105° 25' 60"					E-48-43-B
in Cửa Nương	DC	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn	18° 29' 42"	105° 25' 55"					E-48-31-D
in Đại Vương	DC	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn	18° 30' 43"	105° 26' 05"					E-48-31-D; E-48-43-B
rờng Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-43-B
ôn Hồ Trung	DC	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn	18° 29' 57"	105° 26' 41"					E-48-43-B
ôn Hồng Kỳ	DC	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn	18° 29' 38"	105° 26' 36"					E-48-43-B
ôn Tiên Sơn	DC	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn	18° 30' 24"	105° 26' 55"					E-48-31-D
ôn Vọng Sơn	DC	xã Sơn Phú	H. Hương Sơn	18° 30' 20"	105° 26' 30"					E-48-31-D
he Cái	TV	xã Sơn Phúc	H. Hương Sơn			18° 28' 14"	105° 25' 49"	18° 30' 56"	105° 28' 48"	E-48-31-D; E-48-43-B
ôn Cao Sơn	DC	xã Sơn Phúc	H. Hương Sơn	18° 28' 58"	105° 26' 48"					E-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Châu Sơn	DC	xã Sơn Phúc	H. Hương Sơn	18° 29' 38"	105° 27' 40"					E-48-43-B
thôn Kim Sơn	DC	xã Sơn Phúc	H. Hương Sơn	18° 30' 05"	105° 27' 32"					E-48-43-B
thôn Sơn Lâm	DC	xã Sơn Phúc	H. Hương Sơn	18° 29' 47"	105° 27' 56"					E-48-43-B
thôn Trà Sơn	DC	xã Sơn Phúc	H. Hương Sơn	18° 29' 19"	105° 27' 19"					E-48-43-B
thôn Triệu Lĩnh	DC	xã Sơn Phúc	H. Hương Sơn	18° 30' 07"	105° 27' 10"					E-48-31-D
thôn Trung Hoa	DC	xã Sơn Phúc	H. Hương Sơn	18° 30' 20"	105° 27' 51"					E-48-31-D
thôn Bảo Sơn	DC	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 31' 10"	105° 23' 22"					E-48-31-D
thôn Bảo Thượng	DC	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 30' 44"	105° 22' 03"					E-48-31-D
thôn Bảo Trung	DC	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 30' 32"	105° 22' 58"					E-48-31-D
Sông Con	TV	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn			18° 32' 03"	105° 06' 58"	18° 30' 32"	105° 21' 36"	E-48-31-D
thôn Đông Hà	DC	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 30' 36"	105° 23' 28"					E-48-31-D
thôn Đông Phó	DC	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 31' 02"	105° 23' 52"					E-48-31-D
núi Khe Sắn	SV	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 32' 01"	105° 22' 33"					E-48-31-D
sông Ngân Phố	TV	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-31-D
Di tích Nhà thờ Lê Hữu Trác	KX	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 30' 31"	105° 22' 22"					E-48-31-D
thôn Sông Con	DC	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 30' 56"	105° 21' 35"					E-48-31-D
núi Tam Bảo	SV	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 31' 34"	105° 23' 31"					E-48-31-D
Núi Thần	SV	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 32' 36"	105° 21' 26"					E-48-31-D
hồ Trảng Riềng	TV	xã Sơn Quang	H. Hương Sơn	18° 30' 59"	105° 21' 43"					E-48-32-C-c
thôn Tân Hồ	DC	xã Sơn Tân	H. Hương Sơn	18° 32' 38"	105° 32' 13"					E-48-32-C-c
thôn Tân Thắng	DC	xã Sơn Tân	H. Hương Sơn	18° 32' 53"	105° 31' 59"					E-48-32-C-c
thôn Tân Thủy	DC	xã Sơn Tân	H. Hương Sơn	18° 32' 14"	105° 32' 36"					E-48-32-C-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Sơn Tân	H. Hương Sơn	18° 33' 07"	105° 31' 40"					E-48-32-C-c
sông Ngân Phố	TV	xã Sơn Tân	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c
Hội Vàng	TV	xã Sơn Tân	H. Hương Sơn			18° 31' 37"	105° 32' 07"	18° 31' 28"	105° 33' 05"	E-48-32-C-c
Quốc lộ 8	KX	xã Sơn Tây	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-31-D; E-48-43-B
núi Bà Mụ	SV	xã Sơn Tây	H. Hương Sơn	18° 31' 48"	105° 11' 38"					E-48-31-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn An Thịnh	DC	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn	18° 32' 54"	105° 31' 09"					E-48-32-C-c
dền Bạch Ván	KX	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn	18° 32' 52"	105° 30' 24"					E-48-32-C-c
thôn Đại Thịnh	DC	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn	18° 18' 21"	105° 22' 37"					E-48-32-C-c
Hói Động	TV	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn			18° 33' 00"	105° 27' 40"	18° 33' 09"	105° 31' 10"	E-48-32-C-c
thôn Đức Thịnh	DC	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn	18° 32' 53"	105° 30' 23"					E-48-32-C-c
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn	18° 33' 05"	105° 30' 31"					E-48-32-C-c
sông Ngán Phố	TV	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-32-C-c
thôn Phúc Thịnh	DC	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn	18° 32' 51"	105° 30' 49"					E-48-32-C-c
thôn Tân Thịnh	DC	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn	18° 34' 05"	105° 31' 04"					E-48-32-C-c
dãy Thiên Nhãn	SV	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn			18° 36' 36"	105° 30' 12"	18° 32' 45"	105° 32' 57"	E-48-32-C-c
thôn Tiến Thịnh	DC	xã Sơn Thịnh	H. Hương Sơn	18° 32' 38"	105° 30' 23"					E-48-32-C-c
Quốc lộ 8	KX	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-31-D; E-48-43-B; E-48-32-C-c
thôn Am Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 29' 54"	105° 28' 31"					E-48-43-B
thôn Bình Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 30' 00"	105° 29' 15"					E-48-43-B
Khe Cái	TV	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn			18° 28' 14"	105° 25' 49"	18° 30' 56"	105° 28' 48"	E-48-31-D; E-48-43-B
sông Cây Trường	TV	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn			18° 26' 31"	105° 28' 10"	18° 26' 10"	105° 28' 55"	E-48-43-B
thôn Hồng Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 28' 47"	105° 28' 51"					E-48-43-B
thôn Hương Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 28' 32"	105° 29' 15"					E-48-43-B
thôn Kim Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 30' 26"	105° 28' 46"					E-48-31-D
thôn Long Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 27' 09"	105° 28' 55"					E-48-43-B
thôn Minh Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 29' 27"	105° 29' 16"					E-48-43-B
núi Mông Gà	SV	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 30' 22"	105° 29' 29"					E-48-31-D
Núi Năm	SV	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 30' 25"	105° 29' 06"					E-48-31-D
sông Ngán Phố	TV	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-31-D; E-48-43-B; E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Đài Trưng	TV	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn			18° 29' 28"	105° 30' 15"	18° 28' 55"	105° 29' 26"	E-48-43-B; E-48-44-A-a
Đài Tráng	TV	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn			18° 26' 10"	105° 28' 55"	18° 26' 35"	105° 32' 14"	E-48-43-B; E-48-44-A-a
Đài Trại	TV	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn			18° 28' 55"	105° 29' 26"	18° 27' 56"	105° 29' 18"	E-48-43-B
Đài Trưng Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 29' 16"	105° 28' 40"					E-48-43-B
Đài Trường Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 29' 20"	105° 29' 48"					E-48-43-B
Đài Xuân Thủy	DC	xã Sơn Thủy	H. Hương Sơn	18° 29' 30"	105° 28' 31"					E-48-43-B
Đài Ao Tròn	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 35' 24"	105° 27' 55"					E-48-31-D
Đài Bát	SV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 36' 36"	105° 30' 12"					E-48-32-C-c
Đài Cón Sơn	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 35' 21"	105° 29' 05"					E-48-31-D
Đài Động	TV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn			18° 33' 00"	105° 27' 40"	18° 33' 09"	105° 31' 10"	E-48-31-D; E-48-32-C-c
Đài Động Eo	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 44"	105° 28' 17"					E-48-31-D
Đài Hấp	TV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 35' 06"	105° 28' 03"					E-48-31-D
Đài Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn							E-48-31-D
Đài Hoà Tiến	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 55"	105° 26' 47"					E-48-31-D
Đài Hùng Sơn	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 36' 07"	105° 27' 60"					E-48-31-D
Đài Hùng Tiến	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 35"	105° 29' 17"					E-48-31-D
Đài Khe Cò	TV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 35' 05"	105° 25' 56"					E-48-31-D
Đài Khe Nhảy	TV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 35' 59"	105° 28' 16"					E-48-31-D
Đài Khe Sầu	SV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 35' 55"	105° 30' 54"					E-48-32-C-c
Đài Lệ Định	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 01"	105° 28' 48"					E-48-31-D
Đài Ngọc Sơn	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 16"	105° 28' 25"					E-48-31-D
Đài Phương Hoàng	SV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 36' 38"	105° 29' 01"					E-48-31-D
Đài Tân Tiến	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 24"	105° 29' 59"					E-48-31-D
Đài Thiên Nhân	SV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn			18° 36' 36"	105° 30' 12"	18° 32' 45"	105° 32' 57"	E-48-32-C-c
Đài Thiên Nhân	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 37"	105° 30' 34"					E-48-32-C-c
Đài Thịnh Tiến	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 35"	105° 27' 09"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Trung Tiến	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 34' 37"	105° 29' 15"					E-48-31-D
hồ Vực Rồng	TV	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 35' 14"	105° 30' 21"					E-48-31-D; E-48-32-C-c
thôn Vực Rồng	DC	xã Sơn Tiến	H. Hương Sơn	18° 35' 14"	105° 29' 49"					E-48-31-D
Thôn 1	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 48"	105° 31' 07"					E-48-32-C-c
Thôn 2	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 34"	105° 31' 21"					E-48-32-C-c
Thôn 3	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 32"	105° 31' 54"					E-48-32-C-c
Thôn 4	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 07"	105° 31' 39"					E-48-32-C-c
Thôn 5	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 11"	105° 31' 08"					E-48-32-C-c
Quốc lộ 8	KX	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-32-C-c
Bàu Cốc	TV	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 39"	105° 31' 40"					E-48-32-C-c
Bàu Đá	TV	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 28"	105° 31' 48"					E-48-32-C-c
Hói Vàng	TV	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn			18° 31' 37"	105° 32' 07"	18° 31' 28"	105° 33' 05"	E-48-32-C-c
Quốc lộ 8	KX	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 23' 16"	105° 09' 27"	E-48-31-D
núi Cồn Dài	SV	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 32' 00"	105° 26' 59"					E-48-31-D
núi Eo Đào	SV	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 32' 27"	105° 25' 38"					E-48-31-D
thôn Hà Trảng	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 31' 02"	105° 26' 05"					E-48-31-D
thôn Hải Thượng	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 31' 51"	105° 25' 54"					E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-31-D
thôn Hồ Sơn	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 48"	105° 26' 19"					E-48-31-D
thôn Lâm Thành	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 54"	105° 26' 34"					E-48-31-D
thôn Long Đình	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 30' 46"	105° 26' 36"					E-48-31-D
Núi Lửa	SV	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 32' 10"	105° 27' 28"					E-48-31-D
thôn Mai Hà	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 31' 19"	105° 25' 43"					E-48-31-D
Di tích Mộ Lê Hữu Trác	KX	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 31' 50"	105° 25' 56"					E-48-31-D
thôn Mỹ Sơn	DC	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 31' 41"	105° 26' 25"					E-48-31-D
cầu Ngân Phố	KX	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn	18° 31' 38"	105° 25' 48"					E-48-31-D
sông Ngân Phố	TV	xã Sơn Trà	H. Hương Sơn			18° 25' 49"	105° 13' 12"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
in Tân Trảng	DC	xã Sơn Trung	H. Hương Sơn	18° 31' 08"	105° 26' 08"					E-48-31-D
in Tiên Long	DC	xã Sơn Trung	H. Hương Sơn	18° 30' 42"	105° 26' 59"					E-48-31-D
in Trung Thịnh	DC	xã Sơn Trung	H. Hương Sơn	18° 30' 60"	105° 27' 01"					E-48-31-D
in Yên Sơn	DC	xã Sơn Trung	H. Hương Sơn	18° 31' 53"	105° 27' 31"					E-48-31-D
lôn 1	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 29' 08"	105° 25' 43"					E-48-43-B
lôn 2	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 28' 37"	105° 26' 14"					E-48-43-B
lôn 3	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 28' 03"	105° 26' 20"					E-48-43-B
lôn 4	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 27' 53"	105° 25' 35"					E-48-43-B
lôn 5	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 27' 07"	105° 25' 60"					E-48-43-B
lôn 6	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 26' 50"	105° 26' 39"					E-48-43-B
lôn 7	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 26' 06"	105° 26' 32"					E-48-43-B
lôn 8	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 26' 22"	105° 27' 16"					E-48-43-B
lôn 9	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 27' 01"	105° 26' 58"					E-48-43-B
lôn 10	DC	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 27' 35"	105° 26' 40"					E-48-43-B
le Cối	TV	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn			18° 28' 14"	105° 25' 49"	18° 30' 56"	105° 28' 48"	E-48-43-B
li Cồn Chua	SV	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 28' 15"	105° 26' 43"					E-48-43-B
lờng Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-43-B
li Tràm Mây	SV	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn	18° 26' 46"	105° 24' 56"					E-48-43-B
le Vàng Dành	TV	xã Sơn Trường	H. Hương Sơn			18° 26' 23"	105° 27' 09"	18° 28' 36"	105° 25' 38"	E-48-43-B
lốc lợ 1	KX	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-D-c
hu phố 1	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 04' 41"	106° 17' 05"					E-48-45-D-c
hu phố 2	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 04' 55"	106° 17' 18"					E-48-45-D-c
hu phố 3	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 04' 27"	106° 17' 26"					E-48-45-D-c
lốc lợ 12C	KX	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh			18° 06' 47"	106° 24' 28"	17° 55' 21"	106° 08' 01"	E-48-45-D-c
hu phố Châu Phó	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 04' 56"	106° 17' 11"					E-48-45-D-c
hu phố Hưng Bình	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 03' 36"	106° 18' 31"					E-48-45-D-c
hu phố Hưng Hoà	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 03' 56"	106° 17' 52"					E-48-45-D-c
hu phố Hưng Lợi	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 04' 05"	106° 17' 43"					E-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu phố Hưng Thịnh	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 03' 49"	106° 18' 14"					E-48-45-D-c
Cầu Trĩ	KX	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 04' 21"	106° 17' 25"					E-48-45-D-c
Sông Trĩ	TV	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh			18° 03' 31"	106° 17' 06"	18° 05' 02"	106° 20' 07"	E-48-45-D-c
khu phố Trung Thượng	DC	TT. Kỳ Anh	H. Kỳ Anh	18° 04' 22"	106° 17' 42"					E-48-45-D-c
quốc lộ 15B	KX	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-45-A-d; E-48-45-C-b
đập Ba Khe	KX	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 13' 09"	106° 09' 06"					E-48-45-C-b
hồ Ba Khe	TV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 13' 19"	106° 08' 49"					E-48-45-C-b
Khe Còi	TV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh			18° 13' 43"	106° 10' 03"	18° 14' 05"	106° 10' 25"	E-48-45-C-b
Rú Cửa	SV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 15' 15"	106° 08' 44"					E-48-45-A-d
Rú Dung	SV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 14' 14"	106° 07' 52"					E-48-45-C-b
khe Đập Đông	TV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh			18° 13' 09"	106° 09' 06"	18° 11' 38"	106° 12' 19"	E-48-45-C-b
núi Động Cưa	SV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 13' 32"	106° 10' 16"					E-48-45-C-b
thôn Đông Tiến	DC	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 12' 59"	106° 10' 38"					E-48-45-C-b
Núi Giông	SV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 13' 46"	106° 07' 26"					E-48-45-C-a
đập Hoà Dục	KX	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 14' 15"	106° 08' 09"					E-48-45-C-b
thôn Hợp Tiến	DC	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 12' 16"	106° 10' 06"					E-48-45-C-b
thôn Kim Sơn	DC	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 12' 35"	106° 10' 01"					E-48-45-C-b
thôn Lạc Tiến	DC	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 12' 27"	106° 09' 50"					E-48-45-C-b
kênh N1-1	TV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh			18° 10' 54"	106° 15' 58"	18° 10' 43"	106° 09' 26"	E-48-45-C-b
thôn Nam Tiến	DC	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 12' 02"	106° 10' 26"					E-48-45-C-b
đền Phương Giai	KX	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 12' 06"	106° 10' 32"					E-48-45-C-b
thôn Phương Giai	DC	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 12' 37"	106° 09' 39"					E-48-45-C-b
khe Thặng Lặng	TV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh			18° 12' 38"	106° 09' 20"	18° 11' 32"	106° 10' 36"	E-48-45-C-b
Núi Vàng	SV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 14' 21"	106° 09' 35"					E-48-45-C-b
Núi Voi	SV	xã Kỳ Bắc	H. Kỳ Anh	18° 13' 08"	106° 07' 51"					E-48-45-C-b
đường tỉnh 555	KX	xã Kỳ Châu	H. Kỳ Anh			18° 07' 46"	106° 19' 52"	18° 00' 49"	106° 16' 37"	E-48-45-D-c
thôn Bắc Châu	DC	xã Kỳ Châu	H. Kỳ Anh	18° 05' 18"	106° 17' 31"					E-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Ấn Châu Long	DC	xã Kỳ Châu	H. Kỳ Anh	18° 04' 47"	106° 17' 46"					E-48-45-D-c
Ấn Hiếu Châu	DC	xã Kỳ Châu	H. Kỳ Anh	18° 05' 00"	106° 18' 22"					E-48-45-D-c
Ấn Thuận Châu	DC	xã Kỳ Châu	H. Kỳ Anh	18° 04' 54"	106° 17' 51"					E-48-45-D-c
Ấn Thuận Châu	TV	xã Kỳ Châu	H. Kỳ Anh			18° 03' 31"	106° 17' 06"	18° 05' 02"	106° 20' 07"	E-48-45-D-c
Ấn Lộc 1	KX	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a
Ấn Ba Cup	SV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 09' 36"	106° 14' 11"					E-48-45-C-b
Ấn Đặng	TV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh			18° 09' 11"	106° 13' 39"	18° 10' 32"	106° 13' 28"	E-48-45-C-b
Ấn Đồng Phú	DC	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 10' 09"	106° 14' 03"					E-48-45-C-b
Ấn Đồng Tiến	DC	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 11' 04"	106° 14' 04"					E-48-45-C-b
Ấn Đồng Trụ Đông	DC	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 09' 42"	106° 14' 33"					E-48-45-C-b
Ấn Đồng Trụ Tây	DC	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 09' 54"	106° 14' 13"					E-48-45-C-b
Ấn Hải Vân	DC	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 10' 25"	106° 14' 19"					E-48-45-C-b
Ấn Hồ Văn Giang	DC	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 10' 53"	106° 14' 59"					E-48-45-C-b
Ấn Hương	SV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 10' 46"	106° 14' 45"					E-48-45-C-b
Ấn Lợn	SV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 09' 19"	106° 13' 20"					E-48-45-C-b
Ấn Mợn	SV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 11' 11"	106° 13' 59"					E-48-45-C-b
Ấn N2	TV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh			18° 09' 44"	106° 14' 26"	18° 05' 35"	106° 16' 52"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a
Ấn N3	TV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh			18° 07' 30"	106° 19' 36"	18° 09' 46"	106° 14' 59"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a
Ấn Nhà Lê	TV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh			18° 12' 25"	106° 06' 50"	18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a
Ấn chính Sông Rác	TV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh							E-48-45-C-b
Ấn Tầu	SV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 09' 07"	106° 13' 32"					E-48-45-C-b
Ấn Trai	TV	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh			18° 11' 37"	106° 14' 40"	18° 11' 01"	106° 15' 12"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a
Ấn Yên Sơn	DC	xã Kỳ Đồng	H. Kỳ Anh	18° 10' 01"	106° 14' 33"					E-48-45-C-b
Ấn Lộc 1	KX	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng												Phiên biểu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm			Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối						
				VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
khe Con Trái	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 08' 53"	106° 12' 46"	18° 09' 05"	106° 12' 22"			18° 09' 05"	106° 12' 22"	E-48-45-C-b		
Khe Deng	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 09' 11"	106° 13' 39"	18° 10' 32"	106° 13' 28"			18° 10' 32"	106° 13' 28"	E-48-45-C-b		
khe Đập Đông	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 13' 09"	106° 09' 06"	18° 11' 38"	106° 12' 19"			18° 11' 38"	106° 12' 19"	E-48-45-C-b		
núi Đé Cày	SV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 13' 03"	106° 13' 12"									E-48-45-C-b		
Núi Lợn	SV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 09' 19"	106° 13' 20"									E-48-45-C-b		
hồ Mạc Khê	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 09' 34"	106° 12' 12"									E-48-45-C-b		
kênh NI-1	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 10' 54"	106° 15' 58"	18° 10' 43"	106° 09' 26"			18° 10' 43"	106° 09' 26"	E-48-45-C-b		
núi Ngăn Dym	SV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 12' 40"	106° 13' 27"									E-48-45-C-b		
Khe Ngang	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 09' 12"	106° 13' 07"	18° 09' 30"	106° 12' 45"			18° 09' 30"	106° 12' 45"	E-48-45-C-b		
kênh Nhà Lê	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 12' 25"	106° 06' 50"	18° 06' 53"	106° 18' 19"			18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-C-b		
Khe Níc	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 09' 46"	106° 12' 14"	18° 11' 08"	106° 13' 05"			18° 11' 08"	106° 13' 05"	E-48-45-C-b		
kênh chính Sông Rác	TV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh			18° 10' 26"	106° 05' 47"	18° 09' 44"	106° 14' 26"			18° 09' 44"	106° 14' 26"	E-48-45-C-b		
thôn Tân Đình	DC	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 10' 15"	106° 12' 26"									E-48-45-C-b		
thôn Tân Giang	DC	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 10' 15"	106° 13' 04"									E-48-45-C-b		
thôn Tân Khê	DC	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 10' 17"	106° 12' 35"									E-48-45-C-b		
thôn Tân Phan	DC	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 11' 05"	106° 13' 16"									E-48-45-C-b		
thôn Tân Phong	DC	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 12' 14"	106° 12' 42"									E-48-45-C-b		
thôn Tân Thắng	DC	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 09' 56"	106° 11' 52"									E-48-45-C-b		
thôn Tân Thành	DC	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 12' 16"	106° 13' 04"									E-48-45-C-b		
Núi Trạm	SV	xã Kỳ Giang	H. Kỳ Anh	18° 11' 00"	106° 13' 13"									E-48-45-C-b		
đường tỉnh 555	KX	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh	18° 05' 54"	106° 20' 17"			18° 07' 46"	106° 19' 52"			18° 00' 49"	106° 16' 37"	E-48-45-D-c		
thôn Bác Hà	DC	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh			18° 05' 53"	106° 22' 07"	18° 06' 09"	106° 20' 57"			18° 06' 09"	106° 20' 57"	E-48-45-D-c		
khe Chàng Cày	TV	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh											E-48-45-D-c		
thôn Đông Hà	DC	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh	18° 05' 40"	106° 20' 11"									E-48-45-D-c		
thôn Hải Hà	DC	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh	18° 05' 32"	106° 20' 17"									E-48-45-D-c		
thôn Nam Hà	DC	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh	18° 05' 31"	106° 19' 39"									E-48-45-D-c		
núi Ngà Voi	SV	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh	18° 05' 02"	106° 20' 47"									E-48-45-D-c		
Sông Quyền	TV	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh			18° 03' 51"	106° 25' 42"	18° 06' 37"	106° 21' 31"			18° 06' 37"	106° 21' 31"	E-48-45-D-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
n Tây Hà	DC	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh	18° 06' 09"	106° 19' 18"	18° 03' 31"	106° 17' 06"	18° 05' 02"	106° 20' 07"	E-48-45-D-c		
ng Trì	TV	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh			18° 06' 53"	106° 18' 19"	18° 06' 32"	106° 21' 03"	E-48-45-D-c		
ng Vịnh	TV	xã Kỳ Hà	H. Kỳ Anh			18° 07' 46"	106° 19' 52"	18° 00' 49"	106° 16' 37"	E-48-45-D-c		
ng tỉnh 555	KX	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh							E-48-45-D-c		
n Bắc Hải	DC	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh	18° 06' 19"	106° 17' 55"					E-48-45-D-c		
n Bắc Sơn Hải	DC	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh	18° 06' 25"	106° 18' 10"					E-48-45-D-c		
ng Cái	TV	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh			18° 05' 32"	106° 14' 29"	18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-D-c		
n Nam Hải	DC	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh	18° 05' 29"	106° 18' 25"					E-48-45-D-c		
n Thượng Hải	DC	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh	18° 05' 51"	106° 18' 00"					E-48-45-D-c		
ng Trì	TV	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh			18° 03' 31"	106° 17' 06"	18° 05' 02"	106° 20' 07"	E-48-45-D-c		
n Trung Hải	DC	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh	18° 06' 12"	106° 19' 05"					E-48-45-D-c		
ng Vịnh	TV	xã Kỳ Hải	H. Kỳ Anh			18° 06' 53"	106° 18' 19"	18° 06' 32"	106° 21' 03"	E-48-45-D-c		
ng tỉnh 555	KX	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 07' 46"	106° 19' 52"	18° 00' 49"	106° 16' 37"	E-48-45-D-c		
ng Anh Mộ	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 02' 15"	106° 17' 46"	18° 02' 33"	106° 16' 54"	E-48-45-D-c		
ng Ba Lò	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			17° 59' 08"	106° 17' 00"	17° 57' 26"	106° 15' 43"	E-48-57-B-a		
ng Cây Khế	SV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	17° 59' 15"	106° 15' 13"					E-48-57-B-a		
ng Cây Mít	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			17° 59' 59"	106° 15' 31"	17° 57' 52"	106° 13' 41"	E-48-57-B-a		
ng Chân Gà	SV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 01' 53"	106° 15' 31"					E-48-45-D-c		
ng Châu Hác	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 00' 54"	106° 17' 59"	18° 02' 12"	106° 16' 48"	E-48-45-D-c		
ng Chóp Mào	SV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 01' 07"	106° 17' 18"					E-48-45-D-c		
ng Cồn Giũa	SV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 02' 24"	106° 15' 49"					E-48-45-D-c		
ng Đất	SV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 03' 00"	106° 15' 59"					E-48-45-D-c		
ng Đông Nặng	SV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	17° 58' 17"	106° 16' 47"					E-48-57-B-a		
ng Hoa Đông	DC	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 04' 16"	106° 17' 10"					E-48-45-D-c		
ng Hoa Sơn	DC	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 00' 59"	106° 16' 41"					E-48-45-D-c		
ng Hoa Tân	DC	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 03' 40"	106° 16' 29"					E-48-45-D-c		
ng Hoa Tháng	DC	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 03' 21"	106° 16' 43"					E-48-45-D-c		
ng Hoa Tiên	DC	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 01' 49"	106° 16' 34"					E-48-45-D-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Hoa Trung	DC	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 04' 00"	106° 16' 53"					E-48-45-D-c
Khe Hố	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 00' 50"	106° 17' 01"	18° 02' 01"	106° 16' 50"	E-48-45-D-c
núi Khe Lược	SV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 00' 56"	106° 16' 16"					E-48-45-D-c
hồ Kim Sơn	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 00' 22"	106° 16' 25"					E-48-45-D-c; E-48-57-B-a
Khe Lau	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 01' 23"	106° 15' 52"	18° 03' 31"	106° 17' 06"	E-48-45-D-c
Khe Lược	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 00' 44"	106° 16' 03"	18° 01' 23"	106° 15' 52"	E-48-45-D-c
khe Mũi Thuyền	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 00' 01"	106° 15' 42"	18° 01' 06"	106° 15' 35"	E-48-45-D-c
Khe Rào	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 02' 20"	106° 12' 55"	18° 01' 23"	106° 15' 52"	E-48-45-D-c
đập Sông Trí	KX	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh	18° 03' 42"	106° 17' 17"					E-48-45-D-c
Sông Trí	TV	xã Kỳ Hoa	H. Kỳ Anh			18° 03' 31"	106° 17' 06"	18° 05' 02"	106° 20' 07"	E-48-45-D-c
quốc lộ 12C	KX	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh			18° 06' 47"	106° 24' 28"	17° 55' 21"	106° 08' 01"	E-48-45-C-d
Khe Cầu	TV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh			18° 04' 12"	106° 12' 11"	18° 02' 20"	106° 12' 55"	E-48-45-C-d
núi Cây Trường	SV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh	18° 04' 47"	106° 13' 22"					E-48-45-C-d
núi Đá Nện	SV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh	18° 02' 26"	106° 11' 18"					E-48-45-C-d
núi Đá Ó	SV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh	18° 01' 02"	106° 12' 26"					E-48-45-C-d
khe Lạnh Nganh	TV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh			18° 03' 36"	106° 10' 34"	18° 03' 01"	106° 11' 49"	E-48-45-C-d
khe Lười Dưa	TV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh			18° 03' 47"	106° 10' 37"	18° 03' 42"	106° 11' 28"	E-48-45-C-d
khe Ma Rén	TV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh			18° 04' 06"	106° 11' 48"	18° 00' 37"	106° 11' 19"	E-48-45-C-d
thôn Minh Châu	DC	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh	18° 01' 42"	106° 12' 13"					E-48-45-C-d
thôn Minh Tân	DC	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh	18° 02' 52"	106° 11' 41"					E-48-45-C-d
Khe Rào	TV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh			18° 02' 20"	106° 12' 55"	18° 01' 23"	106° 15' 52"	E-48-45-C-d
thôn Tân Cầu	DC	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh	18° 03' 22"	106° 12' 24"					E-48-45-C-d
thôn Trường Xuân	DC	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh	18° 03' 40"	106° 11' 49"					E-48-45-C-d
khe Tùng Bông	TV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh			18° 04' 12"	106° 12' 22"	18° 03' 36"	106° 12' 13"	E-48-45-C-d
khe Tùng Lau	TV	xã Kỳ Hợp	H. Kỳ Anh			18° 04' 41"	106° 13' 39"	18° 02' 20"	106° 12' 55"	E-48-45-C-d
khe Anh Mỏ	TV	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh			18° 02' 15"	106° 17' 46"	18° 02' 33"	106° 16' 54"	E-48-45-D-c
khe Châu Hác	TV	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh			18° 00' 54"	106° 17' 59"	18° 02' 12"	106° 16' 48"	E-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Toạ độ điểm cuối			Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)						
Đông Trèo	SV	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh	18° 01' 54"	106° 17' 47"	18° 01' 55"	106° 18' 15"	18° 03' 42"	106° 20' 18"			E-48-45-D-c	
Đông Trèo	TV	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh									E-48-45-D-c	
Hưng Phú	DC	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh	18° 05' 08"	106° 18' 36"							E-48-45-D-c	
Hưng Phú	DC	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh	18° 04' 31"	106° 17' 57"							E-48-45-D-c	
Hưng Phú	DC	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh	18° 04' 47"	106° 18' 02"							E-48-45-D-c	
Hưng Phú	DC	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh	18° 05' 07"	106° 18' 15"							E-48-45-D-c	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Hưng	H. Kỳ Anh			18° 03' 31"	106° 17' 06"	18° 05' 02"	106° 20' 07"			E-48-45-D-c	
Hưng Phú	KX	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"			E-48-45-C-b; E-48-45-D-a	
Hưng Phú	KX	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"			E-48-45-D-a	
Hưng Phú	SV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 07' 52"	106° 14' 32"							E-48-45-C-b	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 08' 38"	106° 13' 10"	18° 08' 44"	106° 14' 08"			E-48-45-C-b	
Hưng Phú	SV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 07' 45"	106° 14' 45"							E-48-45-C-b	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 09' 36"	106° 18' 03"							E-48-45-D-a	
Hưng Phú	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 09' 03"	106° 15' 44"							E-48-45-D-a	
Hưng Phú	SV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 09' 11"	106° 17' 29"							E-48-45-D-a	
Hưng Phú	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 09' 52"	106° 15' 38"							E-48-45-D-a	
Hưng Phú	KX	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 09' 54"	106° 17' 36"							E-48-45-D-a	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 09' 05"	106° 17' 02"	18° 08' 22"	106° 17' 02"			E-48-45-D-a	
Hưng Phú	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 08' 34"	106° 15' 07"							E-48-45-D-a	
Hưng Phú	KX	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 08' 28"	106° 14' 57"							E-48-45-C-b	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 08' 37"	106° 14' 18"							E-48-45-C-b	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 09' 44"	106° 14' 26"	18° 05' 35"	106° 16' 52"			E-48-45-C-b; E-48-45-D-a	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 07' 30"	106° 19' 36"	18° 09' 46"	106° 14' 59"			E-48-45-C-b; E-48-45-D-a	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 12' 25"	106° 06' 50"	18° 06' 53"	106° 18' 19"			E-48-45-C-b; E-48-45-D-a	
Hưng Phú	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 09' 13"	106° 18' 05"	18° 09' 24"	106° 18' 14"			E-48-45-D-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Phú Thượng	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 08' 21"	106° 16' 30"					E-48-45-D-a
thôn Quảng Ích	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 08' 40"	106° 14' 45"					E-48-45-C-b
thôn Sơn Hải	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 10' 07"	106° 16' 39"					E-48-45-D-a
Suối Su	TV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh			18° 09' 02"	106° 17' 17"	18° 08' 09"	106° 17' 22"	E-48-45-D-a
Núi Tàu	SV	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 09' 07"	106° 13' 32"					E-48-45-C-b
thôn Tiến Thành	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 10' 32"	106° 16' 15"					E-48-45-D-a
thôn Trung Tân	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 10' 35"	106° 16' 53"					E-48-45-D-a
thôn Trung Tiến	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 10' 15"	106° 17' 08"					E-48-45-D-a
thôn Vĩnh Long	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 09' 13"	106° 16' 00"					E-48-45-D-a
thôn Vĩnh Phú	DC	xã Kỳ Khang	H. Kỳ Anh	18° 09' 28"	106° 15' 39"					E-48-45-D-a
đường tỉnh 554	KX	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-57-A; E-48-57-B-a
khe Ba Lát	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 55' 18"	106° 14' 54"	17° 55' 45"	106° 13' 54"	E-48-57-A
khe Ba Lồi	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 59' 08"	106° 17' 00"	17° 57' 26"	106° 15' 43"	E-48-57-B-a
khe Cây Gạo	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 59' 26"	106° 19' 00"	17° 57' 26"	106° 15' 43"	E-48-57-B-a
núi Cây Khế	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 59' 15"	106° 15' 13"					E-48-57-B-a
khe Cây Mít	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 59' 59"	106° 15' 31"	17° 57' 52"	106° 13' 41"	E-48-57-A; E-48-57-B-a
núi Cây Ngút	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 55' 01"	106° 09' 49"					E-48-57-A
khe Cây Sông	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 58' 30"	106° 15' 10"	17° 57' 34"	106° 15' 13"	E-48-57-B-a
núi Cờ Tây	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 55' 04"	106° 15' 25"					E-48-57-B-a
Khe Con	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 58' 16"	106° 10' 00"	17° 58' 26"	106° 11' 30"	E-48-57-A
núi Cu Cu	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 58' 43"	106° 14' 56"					E-48-57-A
núi Đá Bạc	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 55' 50"	106° 13' 15"					E-48-57-A
núi Đá Đen	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 55' 22"	106° 11' 31"					E-48-57-A
núi Đông Nặng	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 58' 17"	106° 16' 47"					E-48-57-B-a
Khe Gát	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 56' 15"	106° 15' 34"	17° 55' 54"	106° 13' 55"	E-48-57-A; E-48-57-B-a
núi Hòn Ai	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 59' 14"	106° 13' 18"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Hòn De	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 57' 50"	106° 09' 57"					E-48-57-A
Hòn Mới	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 55' 20"	106° 12' 09"					E-48-57-A
e Khê	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 55' 00"	106° 16' 42"	17° 56' 15"	106° 15' 34"	E-48-57-B-a
ả Lanh Anh	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 55' 48"	106° 12' 51"	17° 56' 59"	106° 13' 37"	E-48-57-A
in Lạc Sơn	DC	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 58' 23"	106° 12' 51"					E-48-57-A
in Lạc Thăng	DC	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 56' 59"	106° 16' 14"					E-48-57-B-a
in Lạc Thanh	DC	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 57' 07"	106° 14' 16"					E-48-57-A
in Lạc Tiến	DC	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 58' 41"	106° 12' 06"					E-48-57-A
in Lạc Trung	DC	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 58' 11"	106° 13' 35"					E-48-57-A
in Lạc Vinh	DC	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 57' 45"	106° 14' 18"					E-48-57-A
in Lạc Xuân	DC	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 58' 13"	106° 12' 14"					E-48-57-A
ne Lớ	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 58' 19"	106° 14' 54"	17° 57' 21"	106° 14' 49"	E-48-57-A
òi Ngòi	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 57' 13"	106° 17' 45"					E-48-57-B-a
ne Tắt	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 56' 35"	106° 16' 50"	17° 56' 15"	106° 15' 34"	E-48-57-B-a
ne Trại Tàu	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 55' 41"	106° 11' 29"	17° 58' 02"	106° 12' 47"	E-48-57-A
ời Trại Tranh	SV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh	17° 56' 29"	106° 12' 04"					E-48-57-A
ười Trỏ	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			18° 03' 11"	106° 05' 56"	17° 55' 46"	106° 13' 48"	E-48-57-A
ười Trỏ	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 55' 09"	106° 10' 07"	17° 57' 56"	106° 12' 36"	E-48-57-A
ne Vong	TV	xã Kỳ Lạc	H. Kỳ Anh			17° 57' 26"	106° 15' 43"	17° 57' 32"	106° 13' 50"	E-48-57-A; E-48-57-B-a
ốc lộ 12C	KX	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh			18° 06' 47"	106° 24' 28"	17° 55' 21"	106° 08' 01"	E-48-45-C-d; E-48-45-D-c
ờng tỉnh 554	KX	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"	E-48-57-A; E-48-45-C-d
ời Ba Hơi	SV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 00' 38"	106° 14' 07"					E-48-45-C-d
ôn Bắc Hà	DC	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 01' 20"	106° 08' 50"					E-48-45-C-d
hợ Bò	KX	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 00' 25"	106° 10' 35"					E-48-45-C-d
he Cây	TV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh			18° 01' 50"	106° 08' 52"	18° 01' 22"	106° 08' 31"	E-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên biểu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
khe Cây Mít	TV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh			17° 59' 59"	106° 15' 31"	17° 57' 52"	106° 13' 41"	E-48-57-A; E-48-57-B-a		
núi Đá Ó	SV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 01' 02"	106° 12' 26"					E-48-45-C-d		
thôn Đông Hà	DC	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 00' 24"	106° 11' 10"					E-48-45-C-d		
thôn Hải Hà	DC	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 00' 46"	106° 10' 28"					E-48-45-C-d		
núi Hòn Ái	SV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	17° 59' 14"	106° 13' 18"					E-48-57-A		
thôn Kim Hà	DC	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 00' 46"	106° 09' 56"					E-48-45-C-d		
núi Lồi Có Uốn	SV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 02' 46"	106° 10' 26"					E-48-45-C-d		
khe Ma Rền	TV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh			18° 04' 06"	106° 11' 48"	18° 00' 37"	106° 11' 19"	E-48-45-C-d		
thôn Nam Hà	DC	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 01' 04"	106° 09' 18"					E-48-45-C-d		
núi Nền Trại	SV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 02' 09"	106° 08' 58"					E-48-45-C-d		
núi Nuốm Vàng	SV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 01' 54"	106° 10' 28"					E-48-45-C-d		
Khe Sung	TV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh			18° 04' 10"	106° 08' 22"	18° 00' 11"	106° 11' 14"	E-48-45-C-d		
thôn Tân Hà	DC	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 01' 06"	106° 09' 51"					E-48-45-C-d		
Rào Trỏ	TV	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh			18° 03' 11"	106° 05' 56"	17° 55' 46"	106° 13' 48"	E-48-57-A; E-48-45-C-d		
thôn Trung Hà	DC	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	18° 01' 10"	106° 10' 15"					E-48-45-C-d		
thôn Xuân Hà	DC	xã Kỳ Lâm	H. Kỳ Anh	17° 59' 44"	106° 12' 56"					E-48-57-A		
Quốc lộ 1	KX	xã Kỳ Liên	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-D-d+b; E-48-57-B-b		
Khe Cạn	TV	xã Kỳ Liên	H. Kỳ Anh			17° 59' 17"	106° 25' 02"	18° 00' 14"	106° 24' 04"	E-48-45-D-d+b; E-48-57-B-b		
thôn Hoành Nam	DC	xã Kỳ Liên	H. Kỳ Anh	18° 01' 00"	106° 24' 41"					E-48-45-D-d+b		
Khe Lau	TV	xã Kỳ Liên	H. Kỳ Anh			18° 00' 14"	106° 24' 04"	18° 01' 33"	106° 24' 06"	E-48-45-D-d+b		
thôn Lê Lợi	DC	xã Kỳ Liên	H. Kỳ Anh	18° 00' 51"	106° 24' 21"					E-48-45-D-d+b		
thôn Liên Phú	DC	xã Kỳ Liên	H. Kỳ Anh	18° 01' 19"	106° 23' 54"					E-48-45-D-d+b		
thôn Liên Sơn	DC	xã Kỳ Liên	H. Kỳ Anh	18° 01' 02"	106° 24' 32"					E-48-45-D-d+b		
núi U Bò	SV	xã Kỳ Liên	H. Kỳ Anh	17° 58' 25"	106° 24' 30"					E-48-58-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Động Cách	SV	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh	17° 59' 17"	106° 22' 09"				E-48-57-B-a	
thôn Hợp Tiến	DC	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh	18° 01' 25"	106° 23' 25"				E-48-45-D-d+b	
thôn Liên Giang	DC	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh	18° 01' 30"	106° 23' 56"				E-48-45-D-d+b	
thôn Liên Minh	DC	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh	18° 01' 05"	106° 23' 11"				E-48-45-D-d+b	
thôn Long Hải	DC	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh	18° 02' 05"	106° 22' 54"				E-48-45-D-d+b	
thôn Long Sơn	DC	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh	18° 02' 11"	106° 23' 18"				E-48-45-D-d+b	
thôn Long Thành	DC	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh	18° 01' 49"	106° 23' 40"				E-48-45-D-d+b	
suối Sùng Máy	TV	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh			18° 00' 29"	106° 20' 30"	18° 01' 16"	106° 22' 37"	
thôn Tân Long	DC	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh	18° 01' 37"	106° 22' 49"				E-48-45-D-d+b	
Sông Trên	TV	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh			18° 02' 32"	106° 22' 26"	18° 03' 18"	106° 24' 10"	
khe Truong Máy	TV	xã Kỳ Long	H. Kỳ Anh			17° 59' 41"	106° 21' 21"	18° 01' 38"	106° 23' 04"	
Quốc lộ 1	KX	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	
sông Con Bò	TV	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh			17° 57' 54"	106° 28' 12"	17° 57' 59"	106° 29' 34"	
Mũi Đao	TV	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 59' 24"	106° 28' 50"				E-48-57-B-b	
Mũi Đọc	TV	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 57' 39"	106° 30' 31"				E-48-58-A	
thôn Đông Yên	DC	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 59' 35"	106° 28' 07"				E-48-57-B-b	
đập Khe Bò	KX	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 57' 48"	106° 28' 03"				E-48-57-B-b	
thôn Minh Đức	DC	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 58' 00"	106° 29' 11"				E-48-57-B-b	
thôn Minh Huệ	DC	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 58' 49"	106° 28' 36"				E-48-57-B-b	
thôn Minh Quý	DC	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 58' 34"	106° 28' 12"				E-48-57-B-b	
thôn Minh Tân	DC	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 58' 15"	106° 27' 49"				E-48-57-B-b	
thôn Minh Thành	DC	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 58' 15"	106° 28' 03"				E-48-57-B-b	
thôn Minh Tiến	DC	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 58' 24"	106° 28' 05"				E-48-57-B-b	
Cồn Voi	SV	xã Kỳ Nam	H. Kỳ Anh	17° 59' 55"	106° 28' 15"				E-48-57-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Toạ độ điểm cuối		Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)					
Độc lộ 15B	KX	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"		E-48-45-D-a; E-48-45-D-c	
Đường tỉnh 555	KX	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 07' 46"	106° 19' 52"	18° 00' 49"	106° 16' 37"		E-48-45-D-a; E-48-45-D-c	
Đồn Bàn Hải	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 08' 33"	106° 18' 59"						E-48-45-D-a	
Đồn Chàng Cây	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 05' 53"	106° 22' 07"	18° 06' 09"	106° 20' 57"		E-48-45-D-c	
Đồn Đá To	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 09' 13"	106° 18' 31"						E-48-45-D-a	
Đồn Đền thờ Nguyễn Thị Bích Châu	KX	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 06' 54"	106° 20' 45"						E-48-45-D-c	
Đồn Đọ	SV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 09' 11"	106° 17' 29"						E-48-45-D-a	
Đồn Hải Hà	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 07' 17"	106° 19' 48"						E-48-45-D-c	
Đồn Khe Khẩu	KX	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 06' 38"	106° 21' 31"						E-48-45-D-c	
Đồn Nh 3	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 07' 30"	106° 19' 36"	18° 09' 46"	106° 14' 59"		E-48-45-D-a	
Đồn Nhà Lê	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 12' 25"	106° 06' 50"	18° 06' 53"	106° 18' 19"		E-48-45-D-a; E-48-45-D-c	
Đồn Nước	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 09' 13"	106° 18' 05"	18° 09' 24"	106° 18' 14"		E-48-45-D-a	
Đồn Quỳnh	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 06' 19"	106° 22' 03"	18° 06' 37"	106° 21' 31"		E-48-45-D-c	
Đồn Sĩ Sang	SV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh								E-48-45-D-c	
Đồn Sỏi Sán	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 09' 04"	106° 17' 28"	18° 08' 22"	106° 18' 06"		E-48-45-D-a	
Đồn Sỏi Su	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 09' 02"	106° 17' 17"	18° 08' 09"	106° 17' 22"		E-48-45-D-a	
Đồn Tam Hải 1	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 07' 16"	106° 20' 27"						E-48-45-D-c	
Đồn Tam Hải 2	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 07' 05"	106° 20' 48"						E-48-45-D-c	
Đồn Tân Thắng	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 06' 55"	106° 19' 21"						E-48-45-D-c	
Đồn Tân Thành	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 08' 09"	106° 17' 16"						E-48-45-D-a	
Đồn Tân Tiến	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 08' 13"	106° 19' 25"						E-48-45-D-a	
Đồn Thuận	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 08' 55"	106° 18' 05"	18° 08' 12"	106° 18' 01"		E-48-45-D-a	
Đồn Tiến Thắng	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 07' 51"	106° 19' 45"						E-48-45-D-a	
Đồn Vĩnh Thịnh	TV	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh			18° 06' 53"	106° 18' 19"	18° 06' 32"	106° 21' 03"		E-48-45-D-c	
Đồn Vĩnh Thuận	DC	xã Kỳ Ninh	H. Kỳ Anh	18° 07' 50"	106° 19' 05"						E-48-45-D-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Quốc lộ 1	KX	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-a; E-48-45-C-b
thôn Bắc Sơn	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 11' 41"	106° 10' 02"					E-48-45-C-b
Núi Cây	SV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 09' 39"	106° 08' 15"					E-48-45-C-b
thôn Đông Sơn	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 11' 36"	106° 10' 11"					E-48-45-C-b
thôn Đông Thịnh	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 11' 59"	106° 10' 04"					E-48-45-C-b
thôn Hà Phong	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 10' 34"	106° 08' 21"					E-48-45-C-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 12' 10"	106° 09' 53"					E-48-45-C-b
núi Lãi Sơn	SV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 09' 30"	106° 08' 43"			18° 10' 54"	106° 15' 58"	E-48-45-C-b
kênh N1-1	TV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 11' 05"	106° 09' 49"					E-48-45-C-b
thôn Nam Phong	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh			18° 12' 25"	106° 06' 50"	18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-C-a; E-48-45-C-b
kênh Nhà Lê	TV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh							E-48-45-C-b
hồ Sông Rác	TV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 09' 29"	106° 07' 05"					E-48-45-C-a; E-48-45-C-b
kênh chính Sông Rác	TV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh					18° 10' 26"	106° 05' 47"	E-48-45-C-a; E-48-45-C-b
thôn Tân Phong	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 12' 26"	106° 08' 54"					E-48-45-C-b
khe Thặng Lặng	TV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh			18° 12' 38"	106° 09' 20"	18° 11' 32"	106° 10' 36"	E-48-45-C-b
thôn Thượng Phong	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 10' 51"	106° 08' 44"					E-48-45-C-b
thôn Trung Phong	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 11' 58"	106° 09' 24"					E-48-45-C-b
núi Tù Và	SV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 09' 48"	106° 09' 14"					E-48-45-C-b
thôn Tuấn Tượng	DC	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 12' 11"	106° 09' 35"					E-48-45-C-b
Núi Voi	SV	xã Kỳ Phong	H. Kỳ Anh	18° 13' 08"	106° 07' 51"					E-48-45-C-b
quốc lộ 15B	KX	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a
núi Đẻ Cây	SV	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 13' 03"	106° 13' 12"					E-48-45-C-b
kênh N1-1	TV	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh			18° 10' 54"	106° 15' 58"	18° 10' 43"	106° 09' 26"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Ngàn Dạn	SV	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 12' 40"	106° 13' 27"	18° 12' 25"	106° 06' 50"	18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-C-b
nh Nhà Lê	TV	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh							E-48-45-C-b; E-48-45-D-a
3n Phú Hải	DC	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 11' 39"	106° 16' 01"					E-48-45-D-a
3n Phú Lợi	DC	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 11' 06"	106° 16' 22"					E-48-45-D-a
3n Phú Long	DC	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 12' 28"	106° 15' 00"					E-48-45-D-a
3n Phú Minh	DC	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 11' 10"	106° 15' 53"					E-48-45-D-a
3n Phú Sơn	DC	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 12' 33"	106° 14' 14"					E-48-45-C-b
3n Phú Tân	DC	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 12' 12"	106° 13' 44"					E-48-45-C-b
3n Phú Thượng	DC	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 11' 43"	106° 15' 24"					E-48-45-D-a
3n Phú Trung	DC	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 11' 28"	106° 15' 40"					E-48-45-D-a
3n Phú Lân	SV	xã Kỳ Phú	H. Kỳ Anh	18° 12' 56"	106° 14' 23"					E-48-45-C-b
uốc lộ 1	KX	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-D-d+b; E-48-57-B-b
ôn Ba Đồng	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 00' 17"	106° 27' 26"					E-48-45-D-d+b
he Cạn	TV	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh			17° 59' 17"	106° 25' 02"	18° 00' 14"	106° 24' 04"	E-48-45-D-d+b; E-48-57-B-b
ị tích Đền thờ Lê Quảng	KX	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 01' 30"	106° 26' 39"					E-48-45-D-d+b
, Lê Quảng Chí										E-48-57-B-b
ôn Đông Yên	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	17° 59' 58"	106° 27' 37"					E-48-45-D-d+b
ôn Hồng Hải 1	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 00' 07"	106° 25' 29"					E-48-57-B-b
ôn Hồng Hải 2	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 00' 06"	106° 25' 41"					E-48-45-D-d+b
ôn Hồng Sơn	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 00' 55"	106° 25' 20"					E-48-45-D-d+b; E-48-57-B-b
he Luỹ	TV	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh			17° 58' 40"	106° 26' 42"	18° 00' 26"	106° 27' 12"	E-48-45-D-d+b
ôn Nhân Hoà	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 00' 25"	106° 25' 48"					E-48-45-D-d+b
ôn Nhân Thắng	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 00' 46"	106° 26' 16"					E-48-45-D-d+b
ôn Quyết Tiến	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 00' 04"	106° 26' 02"					E-48-45-D-d+b
ôn Thắng Lợi	DC	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	18° 00' 40"	106° 26' 49"					E-48-45-D-d+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khe Thấu Dầu	TV	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh			17° 58' 19"	106° 25' 14"	18° 00' 58"	106° 21' 32"	E-48-45-D-d+b; E-48-57-B-b
núi U Bò	SV	xã Kỳ Phương	H. Kỳ Anh	17° 58' 25"	106° 24' 30"					E-48-58-A-a
quốc lộ 12C	KX	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			18° 06' 47"	106° 24' 28"	17° 55' 21"	106° 08' 01"	E-48-45-C-c; E-48-57-A; E-48-45-C-d
khe Cây Hương	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			17° 56' 38"	106° 04' 08"	17° 57' 21"	106° 04' 16"	E-48-57-A
Khe Chè	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			17° 59' 08"	106° 06' 11"	17° 59' 29"	106° 06' 50"	E-48-57-A
núi Chúp Cờ	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 57' 08"	106° 09' 10"					E-48-57-A
Khe Con	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh					17° 58' 16"	106° 11' 30"	E-48-57-A
núi Đồng Nậy	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 58' 10"	106° 06' 03"					E-48-57-A
Núi Giảng	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 55' 02"	106° 09' 21"					E-48-57-A
hồ Gò Đá	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	18° 00' 41"	106° 06' 57"					E-48-45-C-c
khe Hồ Chàng	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			17° 58' 27"	106° 07' 27"	17° 58' 58"	106° 08' 27"	E-48-57-A
núi Hòn De	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 57' 50"	106° 09' 57"					E-48-57-A
núi Lô Đò	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 55' 58"	106° 05' 33"					E-48-57-A
khe Mía Ka	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			17° 57' 57"	106° 07' 28"	17° 58' 30"	106° 08' 43"	E-48-57-A
Rào Mọn	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			17° 57' 10"	106° 03' 22"	18° 00' 15"	106° 10' 39"	E-48-57-A
Núi Móc	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 56' 01"	106° 04' 35"					E-48-57-A
núi Muồng Coong	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 55' 57"	106° 07' 07"					E-48-57-A
thôn Mỹ Lạc	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	18° 00' 11"	106° 09' 47"					E-48-45-C-d
thôn Mỹ Lợi	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 59' 54"	106° 09' 43"					E-48-57-A
thôn Mỹ Tân	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	18° 00' 20"	106° 10' 15"					E-48-45-C-d
thôn Mỹ Thuận	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 59' 26"	106° 09' 58"					E-48-57-A
Khe Nhạ	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			18° 00' 17"	106° 07' 48"	18° 00' 56"	106° 08' 00"	E-48-45-C-c; E-48-45-C-d
Khe Nhoi	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			17° 57' 58"	106° 06' 58"	18° 01' 08"	106° 08' 33"	E-48-57-A; E-48-45-C-d
núi Ra Đa	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 58' 32"	106° 05' 30"					E-48-57-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiện mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
e Rạng	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	18° 00' 12"	106° 07' 53"	17° 56' 04"	106° 06' 09"	17° 57' 04"	106° 06' 32"		E-48-57-A	
in Sơn Bình 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	18° 00' 35"	106° 08' 07"						E-48-45-C-d	
in Sơn Bình 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	18° 00' 45"	106° 09' 03"						E-48-45-C-d	
in Sơn Bình 3	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 59' 58"	106° 08' 34"						E-48-57-A	
in Sơn Trung 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 59' 56"	106° 09' 07"						E-48-57-A	
in Sơn Trung 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh	17° 55' 12"	106° 08' 12"						E-48-57-A	
i Trại Sém	SV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh								E-48-57-A	
o Trỏ	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			18° 03' 11"	106° 05' 56"	17° 55' 46"	106° 13' 48"		E-48-57-A; E-48-45-C-d	
ie Xai	TV	xã Kỳ Sơn	H. Kỳ Anh			17° 56' 37"	106° 09' 10"	17° 57' 18"	106° 08' 09"		E-48-57-A	
ốc lộ 1	KX	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"		E-48-45-D-c	
ốc lộ 12C	KX	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 06' 47"	106° 24' 28"	17° 55' 21"	106° 08' 01"		E-48-45-C-d; E-48-45-D-c	
ờng tỉnh 555	KX	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 07' 46"	106° 19' 52"	18° 00' 49"	106° 16' 37"		E-48-45-D-c	
i Ba Hơi	SV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 00' 38"	106° 14' 07"						E-48-45-C-d	
e Cầu Đá	TV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 02' 40"	106° 14' 29"	18° 03' 22"	106° 15' 31"		E-48-45-C-d; E-48-45-D-c	
i Cây Trường	SV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 04' 47"	106° 13' 22"						E-48-45-C-d	
i Chấn Gà	SV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 01' 53"	106° 15' 31"						E-48-45-D-c	
ie Chù	TV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 02' 07"	106° 13' 59"	18° 01' 26"	106° 14' 13"		E-48-45-C-d	
i Cồn Giũa	SV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 02' 24"	106° 15' 49"						E-48-45-D-c	
i Cúp Cờ	SV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 04' 29"	106° 14' 18"						E-48-45-C-d; E-48-45-D-c	
Đá Cát	TV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 03' 38"	106° 15' 21"						E-48-45-C-d	
i Đá Ó	SV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 01' 02"	106° 12' 26"						E-48-45-D-c	
ii Đất	SV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 03' 00"	106° 15' 59"						E-48-45-D-c	
ôn Đống Ván	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 04' 47"	106° 16' 40"						E-48-45-D-c	
nh N2	TV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 09' 44"	106° 14' 26"	18° 05' 35"	106° 16' 52"		E-48-45-D-c	
ôn Nam Xuân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 01' 34"	106° 14' 21"						E-48-45-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Khe Rào	TV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 02' 20"	106° 12' 55"	18° 01' 23"	106° 15' 52"	E-48-45-C-d; E-48-45-D-c
khe Tả Ninh	TV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 05' 07"	106° 16' 00"	18° 05' 35"	106° 16' 52"	E-48-45-D-c
thôn Tả Tấn	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 03' 34"	106° 16' 11"					E-48-45-D-c
thôn Tân Thắng	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 03' 54"	106° 16' 04"					E-48-45-D-c
thôn Trung Đức	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 04' 22"	106° 16' 10"					E-48-45-D-c
thôn Trung Thượng	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 04' 25"	106° 16' 32"					E-48-45-D-c
thôn Trường Lạc	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 03' 57"	106° 16' 20"					E-48-45-D-c
khe Tùng Lau	TV	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh			18° 04' 41"	106° 13' 39"	18° 02' 20"	106° 12' 55"	E-48-45-C-d
thôn Xuân Dục	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 04' 44"	106° 16' 22"					E-48-45-D-c
thôn Xuân Thọ	DC	xã Kỳ Tân	H. Kỳ Anh	18° 04' 54"	106° 16' 57"					E-48-45-D-c
thôn Bắc Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 06' 33"	106° 08' 53"					E-48-45-C-d
suối Cây Chay	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 05' 00"	106° 13' 12"	18° 06' 25"	106° 11' 35"	E-48-45-C-d
khe Cây Đa	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 04' 10"	106° 08' 22"	18° 04' 30"	106° 07' 58"	E-48-45-C-d
núi Cây Trường	SV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh							E-48-45-C-d
Khe Đá	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 04' 47"	106° 13' 22"					E-48-45-C-d
khe Đá Mai	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 06' 14"	106° 12' 26"	18° 06' 25"	106° 11' 35"	E-48-45-C-d
suối Đá Trông	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 06' 33"	106° 08' 41"	18° 07' 13"	106° 08' 51"	E-48-45-C-d
thôn Đông Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 05' 39"	106° 09' 43"	18° 07' 15"	106° 10' 01"	E-48-45-C-d
núi Động Trèo	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh							E-48-45-C-d
núi Động Giang	SV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 06' 09"	106° 10' 41"					E-48-45-C-d
núi Động Trèo	SV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 05' 51"	106° 07' 54"					E-48-45-C-c
núi Hòn Dọc	SV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 06' 44"	106° 07' 24"					E-48-45-C-d
khe Hồ Hồ	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 06' 32"	106° 09' 18"			18° 04' 58"	106° 12' 25"	E-48-45-C-d
thôn Hồng Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 05' 11"	106° 09' 28"					E-48-45-C-d
khe Lạnh Ngạnh	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 03' 36"	106° 10' 34"	18° 03' 01"	106° 11' 49"	E-48-45-C-d
núi Lê Lê	SV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 02' 58"	106° 07' 33"					E-48-45-C-d
núi Lò Cò Ướm	SV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 02' 46"	106° 10' 26"					E-48-45-C-d
khe Lưỡi Dưa	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 03' 47"	106° 10' 37"	18° 03' 42"	106° 11' 28"	E-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Minh Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 05' 51"	106° 10' 24"	18° 03' 05"	106° 10' 17"	18° 04' 10"	106° 08' 22"	E-48-45-C-d
Mua Cua	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh							E-48-45-C-d
Nam Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 04' 10"	106° 08' 30"					E-48-45-C-d
Nhạ	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 04' 57"	106° 08' 31"	18° 04' 30"	106° 07' 58"	E-48-45-C-d
Ông Cầu	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 04' 09"	106° 09' 13"	18° 04' 56"	106° 08' 31"	E-48-45-C-d
Ốc	SV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 06' 56"	106° 06' 25"					E-48-45-C-c
Rào Ngộp	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 04' 30"	106° 07' 58"	18° 04' 33"	106° 06' 18"	E-48-45-C-c; E-48-45-C-d
Sông Rác	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 09' 29"	106° 07' 05"					E-48-45-C-a; E-48-45-C-b; E-48-45-C-d
Sung	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 04' 10"	106° 08' 22"	18° 00' 11"	106° 11' 14"	E-48-45-C-d
Tân Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 05' 38"	106° 07' 49"					E-48-45-C-d
Tây Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 05' 25"	106° 09' 02"					E-48-45-C-d
Tréo	SV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 04' 15"	106° 10' 02"					E-48-45-C-d
Trong	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 06' 50"	106° 10' 50"	18° 07' 30"	106° 10' 03"	E-48-45-C-b; E-48-45-C-d
Trung Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 05' 32"	106° 09' 41"					E-48-45-C-d
Trường Xuân	DC	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh	18° 04' 20"	106° 10' 36"					E-48-45-C-d
Tùng Lau	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 06' 09"	106° 07' 51"	18° 06' 33"	106° 08' 41"	E-48-45-C-d
Vụng Máng	TV	xã Kỳ Tây	H. Kỳ Anh			18° 06' 57"	106° 07' 28"	18° 06' 33"	106° 08' 41"	E-48-45-C-c; E-48-45-C-d
lộ 1	KX	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-D-c; E-48-45-D-d
lộ 12C	KX	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			18° 06' 47"	106° 24' 28"	17° 55' 21"	106° 08' 01"	E-48-45-D-c; E-48-45-D-d
Bác Phong	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 03' 22"	106° 22' 41"					E-48-45-D-d+b
Bầu Càn	SV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 05' 15"	106° 23' 22"					E-48-45-D-d+b
Cánh Trường	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 03' 43"	106° 23' 46"					E-48-45-D-d+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Cây Tré	TV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			17° 59' 47"	106° 20' 25"	18° 00' 59"	106° 21' 06"	E-48-45-D-c; E-48-57-B-a
thôn Đông Phong	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 03' 20"	106° 23' 04"					E-48-45-D-d+b
thôn Đỗ Gỗ	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 02' 30"	106° 22' 46"					E-48-45-D-d+b
núi Động Cách	SV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	17° 59' 17"	106° 22' 09"					E-48-57-B-a
núi Học Sim	SV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	17° 59' 25"	106° 20' 47"					E-48-57-B-a
thôn Nam Phong	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 02' 51"	106° 22' 44"					E-48-45-D-d+b
Sông Quyền	TV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			18° 03' 51"	106° 25' 42"	18° 06' 37"	106° 21' 31"	E-48-45-D-c; E-48-45-D-d
suối Sùng Mây	TV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			18° 00' 29"	106° 20' 30"	18° 01' 16"	106° 22' 37"	E-48-45-D-c; E-48-45-D-d
thôn Tân Phong	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 02' 56"	106° 21' 48"					E-48-45-D-c
hồ Tàu Voi	TV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 02' 32"	106° 22' 04"					E-48-45-D-c
cầu Tây Yên	KX	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 04' 27"	106° 22' 28"					E-48-45-D-c
thôn Tây Yên	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 04' 45"	106° 22' 36"					E-48-45-D-d+b
Suối Thông	TV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			18° 03' 18"	106° 24' 10"	18° 04' 20"	106° 25' 27"	E-48-45-D-d
Sông Trên	TV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			18° 02' 32"	106° 22' 26"	18° 03' 18"	106° 24' 10"	E-48-45-D-c; E-48-45-D-d
khe Truong Léc	TV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			17° 59' 38"	106° 20' 54"	18° 01' 14"	106° 22' 06"	E-48-45-D-c; E-48-57-B-a
khe Truong Mây	TV	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh			17° 59' 41"	106° 21' 21"	18° 01' 38"	106° 23' 04"	E-48-45-D-c; E-48-45-D-d; E-48-57-B-a
thôn Truong Phú	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 04' 04"	106° 23' 59"					E-48-45-D-d+b
thôn Truong Sơn	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 02' 13"	106° 22' 33"					E-48-45-D-d+b
thôn Truong Yên	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 04' 22"	106° 23' 51"					E-48-45-D-d+b
thôn Yên Thịnh	DC	xã Kỳ Thịnh	H. Kỳ Anh	18° 04' 12"	106° 22' 12"					E-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
ốc lộ 1	KX	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a; E-48-45-D-c		
ng Bươm Bướm	SV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 07' 52"	106° 14' 32"					E-48-45-C-b		
ng Cái	TV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 05' 32"	106° 14' 29"	18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-C-d; E-48-45-D-c		
ị Chảo	SV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 07' 45"	106° 14' 45"					E-48-45-C-b		
ề Chua Me	TV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 07' 34"	106° 14' 19"	18° 07' 03"	106° 14' 55"	E-48-45-C-b; E-48-45-C-d		
ị Đa	SV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 07' 04"	106° 18' 05"					E-48-45-D-c		
ị Hùm	SV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 07' 38"	106° 18' 05"					E-48-45-D-a		
nh N2	TV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 09' 44"	106° 14' 26"	18° 05' 35"	106° 16' 52"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a; E-48-45-D-c		
nh N2-3	TV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 07' 17"	106° 17' 56"	18° 07' 24"	106° 15' 38"	E-48-45-D-c		
nh Nhà Lê	TV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 12' 25"	106° 06' 50"	18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-C-b; E-48-45-D-a; E-48-45-D-c		
p Nước Mắm	SV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 06' 54"	106° 15' 56"					E-48-45-D-c		
ìn Sơn Bắc	DC	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 07' 30"	106° 18' 01"					E-48-45-D-c		
ìn Sơn Nam	DC	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 06' 58"	106° 17' 57"					E-48-45-D-c		
ìn Sơn Tây	DC	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 07' 25"	106° 16' 50"					E-48-45-D-c		
ìn Tân Sơn	DC	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 07' 56"	106° 15' 24"					E-48-45-D-a		
ìn Tân Thọ	DC	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 07' 28"	106° 15' 33"					E-48-45-D-c		
ìn Vĩnh Thọ	DC	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 06' 45"	106° 17' 11"					E-48-45-D-c		
ng Vực Ràn	TV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 06' 48"	106° 15' 21"	18° 06' 33"	106° 16' 56"	E-48-45-D-c		
ốc lộ 1	KX	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-D-c		
ng Cái	TV	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh			18° 05' 32"	106° 14' 29"	18° 06' 53"	106° 18' 19"	E-48-45-D-c		
òn Đan Trung	DC	xã Kỳ Thọ	H. Kỳ Anh	18° 05' 52"	106° 17' 24"					E-48-45-D-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
hòn Hoà Bình	DC	xã Kỳ Thư	H. Kỳ Anh	18° 06' 04"	106° 17' 12"							E-48-45-D-c
hòn Liên Miếu	DC	xã Kỳ Thư	H. Kỳ Anh	18° 05' 56"	106° 17' 09"							E-48-45-D-c
đèo N2	TV	xã Kỳ Thư	H. Kỳ Anh			18° 09' 44"	106° 14' 26"	18° 05' 35"	106° 16' 52"			E-48-45-D-c
đèo Tả Ninh	TV	xã Kỳ Thư	H. Kỳ Anh			18° 05' 07"	106° 16' 00"	18° 05' 35"	106° 16' 52"			E-48-45-D-c
hòn Thanh Hoà	DC	xã Kỳ Thư	H. Kỳ Anh	18° 05' 41"	106° 16' 43"							E-48-45-D-c
hòn Trung Giang	DC	xã Kỳ Thư	H. Kỳ Anh	18° 05' 39"	106° 17' 11"							E-48-45-D-c
hòn Trường Thanh	DC	xã Kỳ Thư	H. Kỳ Anh	18° 07' 05"	106° 15' 38"							E-48-45-D-c
hướng tỉnh 554	KX	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 31' 38"	105° 33' 24"	17° 56' 39"	106° 17' 17"			E-48-45-C-c; E-48-45-C-d
hòn Bắc Tiến	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 54"	106° 07' 44"							E-48-45-C-d
đèo Bầu Hóp	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 39"	106° 05' 49"							E-48-45-C-c
đèo Bù Sốt	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 05' 57"	106° 01' 38"	18° 04' 41"	106° 02' 25"			E-48-45-C-c
đèo Cối	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 04' 53"	106° 01' 22"	18° 04' 16"	106° 04' 30"			E-48-45-C-c
đèo Cây	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 01' 50"	106° 08' 52"	18° 01' 22"	106° 08' 31"			E-48-45-C-d
đèo Cây Hương	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			17° 56' 38"	106° 04' 08"	17° 57' 21"	106° 04' 16"			E-48-57-A
đèo Chà Mè	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 01' 56"	106° 04' 08"	18° 03' 19"	106° 04' 55"			E-48-45-C-c
đèo Chín Xai	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 01' 38"	106° 02' 21"	18° 04' 43"	106° 01' 54"			E-48-45-C-c
đèo Cửa Ai	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	17° 58' 10"	106° 03' 02"							E-48-57-A
đèo Đà Đen	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 02' 04"	106° 03' 49"							E-48-45-C-c
đèo Đà Hàng	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 00' 33"	106° 05' 43"	18° 01' 51"	106° 07' 25"			E-48-45-C-c
đèo Đà Trông	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	17° 59' 19"	106° 04' 34"							E-48-57-A
đèo Gò Đá	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 00' 41"	106° 06' 57"							E-48-45-C-c
đèo Kè Đò	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 40"	106° 04' 22"							E-48-45-C-c
đèo Lê Lê	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 02' 58"	106° 07' 33"							E-48-45-C-d
đèo Mọn	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			17° 57' 10"	106° 03' 22"	18° 00' 15"	106° 10' 39"			E-48-57-A
đèo Ngóp	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 04' 16"	106° 04' 30"	18° 03' 11"	106° 05' 56"			E-48-45-C-c
đèo Nhạ	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 00' 17"	106° 07' 48"	18° 00' 56"	106° 08' 00"			E-48-45-C-c; E-48-45-C-d
đèo Nhời	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			17° 57' 58"	106° 06' 58"	18° 01' 08"	106° 08' 33"			E-48-45-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
; Nỗ	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 06' 56"	106° 06' 25"	18° 06' 34"	106° 06' 17"	18° 04' 16"	106° 04' 30"		E-48-45-C-c	
Óc	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 54"	106° 06' 30"						E-48-45-C-c	
1 Phức Độ	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 02' 30"	106° 05' 12"						E-48-45-C-c	
1 Phức Lập	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 49"	106° 06' 06"						E-48-45-C-c	
1 Phức Món	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 02' 48"	106° 05' 47"						E-48-45-C-c	
1 Phức Sơn	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 02' 12"	106° 06' 44"						E-48-45-C-c	
1 Phức Thành 1	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 03' 04"	106° 06' 32"						E-48-45-C-c	
1 Phức Thành 2	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	17° 58' 32"	106° 05' 30"						E-48-45-C-c	
Ra Đa	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 01' 30"	106° 03' 07"	18° 03' 21"	106° 05' 11"		E-48-57-A	
; Rai	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 30"	106° 07' 52"						E-48-45-C-c	
1 Tân Tiến	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 00' 16"	106° 04' 43"	18° 03' 11"	106° 05' 56"		E-48-45-C-d	
; Thờ	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 02"	106° 07' 52"						E-48-45-C-c	
1 Tiến Quang	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 39"	106° 07' 17"						E-48-45-C-d	
1 Tiến Thượng	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 05"	106° 07' 21"						E-48-45-C-c	
1 Tiến Vinh	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 04' 33"	106° 06' 18"	18° 03' 43"	106° 05' 04"		E-48-45-C-c	
1 Trám	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 03' 11"	106° 05' 56"	17° 55' 46"	106° 13' 48"		E-48-45-C-c; E-48-45-C-d	
1 Trỏ	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh								E-48-57-A	
Trốc Rào	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	17° 56' 58"	106° 03' 48"						E-48-45-C-d	
1 Trung Tiến	DC	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 06"	106° 07' 37"						E-48-45-C-c	
Trường Cốt	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 06' 04"	106° 05' 27"						E-48-45-C-c	
; Vượn	TV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh			18° 01' 40"	106° 05' 50"	18° 01' 55"	106° 07' 18"		E-48-45-C-c	
Xai Tiên	SV	xã Kỳ Thượng	H. Kỳ Anh	18° 01' 33"	106° 02' 27"						E-48-45-C-c	
ốc lộ 1	KX	xã Kỳ Tiên	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"		E-48-45-C-b	
Bầu Bang	TV	xã Kỳ Tiên	H. Kỳ Anh	18° 12' 12"	106° 11' 20"	18° 13' 32"	106° 10' 52"	18° 11' 59"	106° 11' 59"		E-48-45-C-b	
1 Bình Lợi	DC	xã Kỳ Tiên	H. Kỳ Anh								E-48-45-C-b	
Đập Đông	TV	xã Kỳ Tiên	H. Kỳ Anh			18° 13' 09"	106° 09' 06"	18° 11' 38"	106° 12' 19"		E-48-45-C-b	
1 Hoàng Diệu	DC	xã Kỳ Tiên	H. Kỳ Anh	18° 12' 13"	106° 12' 02"						E-48-45-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)		
hòn Hồ Hải	DC	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh	18° 11' 55"	106° 10' 43"					E-48-45-C-b	
hòn Hưng Phú	DC	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh	18° 11' 56"	106° 11' 25"					E-48-45-C-b	
hòn Kim Nam Tiến	DC	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh	18° 12' 22"	106° 11' 21"					E-48-45-C-b	
hòn Minh Tiến	DC	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh	18° 10' 37"	106° 11' 33"					E-48-45-C-b	
hòn N1-1	TV	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh					18° 10' 54"	106° 15' 58"	106° 09' 26"	E-48-45-C-b
hòn Nhà Lê	TV	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh					18° 12' 25"	106° 06' 50"	106° 18' 19"	E-48-45-C-b
hòn Sơn Thịnh	DC	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh	18° 11' 37"	106° 10' 45"						E-48-45-C-b
hòn chính Sông Rác	TV	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh					18° 10' 26"	106° 05' 47"	106° 14' 26"	E-48-45-C-b
hòn Tân An	DC	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh	18° 10' 48"	106° 11' 01"						E-48-45-C-b
hòn Thạch Lặng	TV	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh					18° 12' 38"	106° 09' 20"	106° 10' 36"	E-48-45-C-b
hòn Trại An	KX	xã Kỳ Tiến	H. Kỳ Anh	18° 12' 42"	106° 12' 31"						E-48-45-C-b
Đuốc lộ 1	KX	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh					18° 38' 51"	105° 42' 24"	106° 27' 47"	E-48-45-D-c
Đuốc lộ 12C	KX	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh					18° 06' 47"	106° 24' 28"	106° 08' 01"	E-48-45-D-c
Đồi Cao Vọng	SV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 05' 08"	106° 21' 41"						E-48-45-D-c
Đồi Cây Tré	TV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh					17° 59' 47"	106° 20' 25"	106° 21' 06"	E-48-45-D-c; E-48-45-D-d; E-48-57-B-a
Đồi Chằng	TV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh					18° 01' 21"	106° 20' 22"	106° 19' 49"	E-48-45-D-c
Đồi Côn Đình	DC	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 03' 18"	106° 19' 11"						E-48-45-D-c
Đồi Cụt Bạc	TV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh					18° 02' 35"	106° 19' 49"	106° 19' 47"	E-48-45-D-c
Đồi Đa Bàn	KX	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 03' 04"	106° 19' 14"						E-48-45-D-c
Đồi Đa Mài	TV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh					17° 59' 54"	106° 20' 07"	106° 20' 46"	E-48-45-D-c
Đồi Đông Trinh	DC	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 02' 56"	106° 20' 43"						E-48-45-D-c
Đồi Giang	TV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh					18° 01' 55"	106° 18' 15"	106° 20' 18"	E-48-45-D-c
Đồi Hoà Lộc	DC	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 04' 28"	106° 20' 31"						E-48-45-D-c
Đồi Lôi Đông	TV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 04' 59"	106° 21' 56"						E-48-45-D-c
Đồi Mộc Hương	TV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 02' 21"	106° 19' 16"						E-48-45-D-c
Đồi Ngà Voi	SV	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 05' 02"	106° 20' 47"						E-48-45-D-c
Đồi Ngậy	KX	xã Kỳ Trình	H. Kỳ Anh	18° 03' 09"	106° 19' 03"						E-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
Đồi Ngoai	TV	xã Kỳ Trung	H. Kỳ Anh	18° 07' 07"	106° 13' 49"	18° 07' 44"	106° 11' 49"	18° 07' 54"	106° 10' 59"		E-48-45-C-b	
ò Sóng Rác	TV	xã Kỳ Trung	H. Kỳ Anh	18° 09' 29"	106° 07' 05"						E-48-45-C-b; E-48-45-C-d	
Đồi Treo	SV	xã Kỳ Trung	H. Kỳ Anh	18° 06' 41"	106° 13' 22"						E-48-45-C-d	
Đồi Trong	TV	xã Kỳ Trung	H. Kỳ Anh			18° 06' 50"	106° 10' 50"	18° 07' 30"	106° 10' 03"		E-48-45-C-b; E-48-45-C-d	
Đồi Trường Sơn	DC	xã Kỳ Trung	H. Kỳ Anh	18° 07' 07"	106° 13' 49"						E-48-45-C-d	
Đồi lộ 1	KX	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"		E-48-45-D-c	
Đồi Cái	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 05' 32"	106° 14' 29"	18° 06' 53"	106° 18' 19"		E-48-45-C-d; E-48-45-D-c	
Đồi Cây Chay	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 05' 00"	106° 13' 12"	18° 06' 25"	106° 11' 35"		E-48-45-C-d	
Đồi Cây Trường	SV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 04' 47"	106° 13' 22"						E-48-45-C-d	
Đồi Cồn	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 05' 21"	106° 16' 12"	18° 05' 47"	106° 16' 22"		E-48-45-D-c	
Đồi Cửa	KX	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 06' 43"	106° 15' 52"						E-48-45-D-c	
Đồi Cụt Cờ	SV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 04' 29"	106° 14' 18"						E-48-45-C-d	
Đồi Đá Bàn	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 05' 33"	106° 13' 12"	18° 06' 14"	106° 12' 26"		E-48-45-C-d	
Đồi Đại Đồng	DC	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 06' 33"	106° 15' 29"						E-48-45-D-c	
Đồi Động Chùa	SV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 05' 22"	106° 13' 20"						E-48-45-C-d	
Đồi Động Nài	SV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 05' 20"	106° 13' 00"						E-48-45-C-d	
Đồi Hoà Hợp	DC	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 04' 59"	106° 14' 45"						E-48-45-C-d	
Đồi Liên Sơn	DC	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 06' 03"	106° 14' 34"						E-48-45-C-d	
Đồi Mỹ Liên	DC	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 05' 56"	106° 14' 55"						E-48-45-C-d	
Đồi N2	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 09' 44"	106° 14' 26"	18° 05' 35"	106° 16' 52"		E-48-45-D-c	
Đồi Nam Mỹ Lợi	DC	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 05' 15"	106° 15' 00"						E-48-45-D-c	
Đồi Quang Hậu	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 04' 50"	106° 15' 57"	18° 05' 06"	106° 16' 14"		E-48-45-D-c	
Đồi Sa Xá	DC	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 05' 02"	106° 15' 48"						E-48-45-D-c	
Đồi Tả Ninh	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 05' 07"	106° 16' 00"	18° 05' 35"	106° 16' 52"		E-48-45-D-c	
Đồi Thanh Sơn	DC	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 05' 19"	106° 16' 31"						E-48-45-D-c	
Đồi Treo	SV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 06' 41"	106° 13' 22"						E-48-45-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
1 Văn Lạc	DC	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 06' 11"	106° 14' 53"					E-48-45-D-c
Văn Võ	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh	18° 06' 35"	106° 15' 02"					E-48-45-C-d; E-48-45-D-c
g Vực Ràn	TV	xã Kỳ Văn	H. Kỳ Anh			18° 06' 48"	106° 15' 21"	18° 06' 33"	106° 16' 56"	E-48-45-D-c
c lộ 15B	KX	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-45-A-d; E-48-45-C-b
Bầu Bang	TV	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh			18° 13' 32"	106° 10' 52"	18° 11' 59"	106° 11' 59"	E-48-45-C-b
1 Cao Thắng	DC	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 14' 27"	106° 11' 16"					E-48-45-C-b
; Còi	TV	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh			18° 13' 43"	106° 10' 03"	18° 14' 05"	106° 10' 25"	E-48-45-C-b
Đế Cây	SV	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 13' 03"	106° 13' 12"					E-48-45-C-b
Động Bùn	SV	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 14' 30"	106° 11' 39"					E-48-45-C-b
Động Dầu	SV	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 14' 11"	106° 11' 13"					E-48-45-C-b
Khe Còi	KX	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 14' 24"	106° 10' 45"					E-48-45-C-b
1 Lê Lợi	DC	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 15' 06"	106° 10' 36"					E-48-45-A-d
Mụ Trản	SV	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 13' 33"	106° 12' 10"					E-48-45-C-b
h N1-1	TV	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh			18° 10' 54"	106° 15' 58"	18° 10' 43"	106° 09' 26"	E-48-45-C-b
1 Nguyễn Huệ	DC	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 13' 53"	106° 12' 43"					E-48-45-C-b
1 Quang Trung	DC	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 13' 39"	106° 11' 10"					E-48-45-C-b
ị Tây	KX	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 13' 32"	106° 10' 52"					E-48-45-C-b
1 Trần Phú	DC	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 12' 44"	106° 11' 52"					E-48-45-C-b
Vàng	SV	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 14' 21"	106° 09' 35"					E-48-45-C-b
1 Xuân Phú	DC	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 14' 11"	106° 11' 59"					E-48-45-C-b
1 Xuân Thắng	DC	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 14' 53"	106° 10' 48"					E-48-45-C-b
1 Xuân Tiến	DC	xã Kỳ Xuân	H. Kỳ Anh	18° 13' 38"	106° 12' 37"					E-48-45-C-b
ng tỉnh 547	KX	xã An Lộc	H. Lộc Hà			18° 38' 27"	105° 46' 09"	18° 25' 31"	105° 53' 05"	E-48-44-B-a
Bằng Sơn	SV	xã An Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 25"	105° 53' 22"					E-48-44-B-b+45-A-a
1 Bình Nguyễn	DC	xã An Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 32"	105° 52' 41"					E-48-44-B-b+45-A-a
1 Chấn Thành	DC	xã An Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 57"	105° 51' 59"					E-48-44-B-a
1 Quyết Thắng	DC	xã An Lộc	H. Lộc Hà	18° 29' 06"	105° 52' 04"					E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
hòn Thống Nhất	DC	xã An Lộc	H. Lộc Hà	18° 29' 17"	105° 52' 04"							E-48-44-B-a
hòn Xuân Triều	DC	xã An Lộc	H. Lộc Hà	18° 29' 40"	105° 52' 00"							E-48-44-B-a
lường tỉnh 547	KX	xã Bình Lộc	H. Lộc Hà			18° 38' 27"	105° 46' 09"	18° 25' 31"	105° 53' 05"			E-48-44-B-a
Thôn 1	DC	xã Bình Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 38"	105° 51' 46"							E-48-44-B-a
Thôn 2	DC	xã Bình Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 26"	105° 51' 44"							E-48-44-B-a
Thôn 3	DC	xã Bình Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 19"	105° 51' 39"							E-48-44-B-a
Thôn 4	DC	xã Bình Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 16"	105° 51' 56"							E-48-44-B-a
Thôn 5	DC	xã Bình Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 22"	105° 52' 15"							E-48-44-B-a
Thôn 6	DC	xã Bình Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 07"	105° 52' 17"							E-48-44-B-a
quốc lộ 15B	KX	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"			E-48-44-B-b+45-A-a
lường tỉnh 549	KX	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà			18° 22' 18"	105° 53' 37"	18° 27' 20"	105° 55' 04"			E-48-44-B-b+45-A-a
kênh C2	TV	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà			18° 25' 00"	105° 53' 14"	18° 25' 06"	105° 54' 49"			E-48-44-B-b+45-A-a
đồng Cây	TV	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà			18° 20' 50"	105° 51' 45"	18° 23' 58"	105° 52' 44"			E-48-44-B-a; E-48-44-B-b+45-A-a
đồng Cửa Sốt	TV	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà			18° 23' 58"	105° 52' 44"	18° 27' 40"	105° 55' 43"			E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Đồng Xuân	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 24' 51"	105° 53' 32"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Hộ Độ	KX	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 23' 53"	105° 53' 07"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Liên Xuân	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 24' 47"	105° 54' 08"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Nam Hà	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 23' 41"	105° 52' 40"							E-48-44-B-b+45-A-a
đồng Nghèn	TV	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"			E-48-44-B-a; E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Tân Quý	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 24' 27"	105° 52' 55"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Trung Châu	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 24' 26"	105° 53' 54"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Vĩnh Phong	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 24' 21"	105° 53' 24"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Vĩnh Phú	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 24' 04"	105° 53' 07"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Xuân Tây	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 24' 60"	105° 53' 30"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Yên Thọ	DC	xã Hộ Độ	H. Lộc Hà	18° 24' 32"	105° 53' 29"							E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Biên Sơn	KX	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 33"	105° 50' 11"							E-48-44-B-a
đồng Cầu Trù	TV	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà			18° 28' 14"	105° 49' 19"	18° 26' 02"	105° 50' 57"			E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Đại Lự	DC	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 18"	105° 50' 44"					E-48-44-B-a
Đông Thịnh	DC	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 52"	105° 50' 17"					E-48-44-B-a
Đông Hàn	SV	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 29' 15"	105° 49' 03"					E-48-44-B-a
Đông Giữa	TV	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà			18° 29' 41"	105° 50' 36"	18° 27' 37"	105° 43' 15"	E-48-44-B-a
Khe Cáy	KX	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 30' 36"	105° 48' 56"					E-48-44-B-a
núi Hồng	SV	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà			18° 37' 55"	105° 42' 33"	18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-32-D-c+d
Ong	SV	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 39"	105° 49' 21"					E-48-44-B-a
Quan Nam	DC	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 29' 26"	105° 50' 00"					E-48-44-B-a
Thượng Phú	DC	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 57"	105° 50' 03"					E-48-44-B-a
Trung Sơn	DC	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 41"	105° 50' 12"					E-48-44-B-a
Trường An	DC	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 53"	105° 49' 13"					E-48-44-B-a
Yến Giang	DC	xã Hồng Lộc	H. Lộc Hà	18° 27' 57"	105° 50' 14"					E-48-44-B-a
ng tỉnh 548	KX	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà			18° 28' 03"	105° 52' 07"	18° 24' 27"	105° 43' 34"	E-48-44-B-a
Bắc Kinh	DC	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà	18° 26' 11"	105° 49' 44"					E-48-44-B-a
Cá	KX	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà	18° 26' 16"	105° 50' 02"					E-48-44-B-a
Cầu Trù	TV	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà			18° 28' 14"	105° 49' 19"	18° 26' 02"	105° 50' 57"	E-48-44-B-a
Đập Bù	TV	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà			18° 27' 48"	105° 49' 27"	18° 26' 16"	105° 49' 18"	E-48-44-B-a
ch Đền thờ Nguyễn Giai	KX	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà	18° 27' 22"	105° 49' 56"					E-48-44-B-a
Ích Mỹ	DC	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà	18° 27' 16"	105° 50' 05"					E-48-44-B-a
Lương Trung	DC	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà	18° 26' 59"	105° 50' 07"					E-48-44-B-a
Ngành	TV	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-B-a
Phù Ích	DC	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà	18° 26' 25"	105° 50' 08"					E-48-44-B-a
Thông Nhất	DC	xã Ích Hậu	H. Lộc Hà	18° 27' 03"	105° 50' 19"					E-48-44-B-a
ng tỉnh 547	KX	xã Mai Phụ	H. Lộc Hà			18° 38' 27"	105° 46' 09"	18° 25' 31"	105° 53' 05"	E-48-44-B-b+45-A-a
ng tỉnh 549	KX	xã Mai Phụ	H. Lộc Hà	18° 22' 18"	105° 53' 37"			18° 27' 20"	105° 55' 04"	E-48-44-B-b+45-A-a
C2	TV	xã Mai Phụ	H. Lộc Hà	18° 25' 00"	105° 53' 14"			18° 25' 06"	105° 54' 49"	E-48-44-B-b+45-A-a
Cửa Sót	TV	xã Mai Phụ	H. Lộc Hà	18° 23' 58"	105° 52' 44"			18° 27' 40"	105° 55' 43"	E-48-44-B-b+45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VT độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
Tân Trung	DC	xã Tân Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 30"	105° 50' 41"	18° 22' 18"	105° 53' 37"	18° 27' 20"	105° 55' 04"		E-48-44-B-a	
ng tỉnh 549	KX	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 28' 25"	105° 53' 22"						E-48-44-B-b+45-A-a	
Bằng Sơn	SV	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà								E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Cửa Sốt	TV	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà			18° 23' 58"	105° 52' 44"	18° 27' 40"	105° 55' 43"		E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Khánh Yên	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 00"	105° 53' 08"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Kim Dung	KX	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 28' 19"	105° 53' 31"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Phú Đông	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 14"	105° 53' 08"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Phú Mậu	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 31"	105° 54' 30"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Phú Nghĩa	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 19"	105° 54' 10"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Phú Xuân	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 38"	105° 54' 24"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Trung Nghĩa	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 21"	105° 54' 24"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Xuân Hải	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 59"	105° 54' 18"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Xuân Hoà	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 26' 57"	105° 54' 11"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Xuân Khánh	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 03"	105° 53' 23"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Yên Bình	DC	xã Thạch Bằng	H. Lộc Hà	18° 27' 27"	105° 52' 38"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ng tỉnh 547	KX	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà			18° 38' 27"	105° 46' 09"	18° 25' 31"	105° 53' 05"		E-48-44-B-b+45-A-a	
ng tỉnh 549	KX	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà			18° 22' 18"	105° 53' 37"	18° 27' 20"	105° 55' 04"		E-48-44-B-b+45-A-a	
ị An Lộc	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 48"	105° 53' 41"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Bằng Châu	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 44"	105° 52' 45"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Châu Hạ	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 34"	105° 54' 00"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Cửa Sốt	TV	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà			18° 23' 58"	105° 52' 44"	18° 27' 40"	105° 55' 43"		E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Đức Châu	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 12"	105° 53' 06"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Hồng Lạc	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 20"	105° 53' 17"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Kim Ngọc	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 25' 53"	105° 53' 44"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Lâm Châu	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 19"	105° 54' 16"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Minh Quý	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 49"	105° 53' 15"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Nhà thờ họ Phan	KX	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 25' 48"	105° 53' 33"						E-48-44-B-b+45-A-a	
ị Quang Phú	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 08"	105° 53' 35"						E-48-44-B-b+45-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
thôn Thanh Tân	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 25' 56"	105° 53' 30"	18° 22' 18"	105° 53' 37"	18° 27' 20"	105° 55' 04"		E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Tiến Châu	DC	xã Thạch Châu	H. Lộc Hà	18° 26' 21"	105° 52' 46"						E-48-44-B-b+45-A-a	
đường tỉnh 549	KX	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà			18° 23' 58"	105° 52' 44"	18° 27' 40"	105° 55' 43"		E-48-44-B-b+45-A-a	
sông Cửa Sốt	TV	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà								E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Giang Hà	DC	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà	18° 27' 30"	105° 54' 44"						E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Hoa Thành	DC	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà	18° 27' 31"	105° 54' 52"						E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Liên Tân	DC	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà	18° 27' 39"	105° 55' 49"						E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Long Hải	DC	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà	18° 27' 43"	105° 54' 48"						E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Sơn Bằng	DC	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà	18° 27' 43"	105° 54' 42"						E-48-44-B-b+45-A-a	
Cửa Sốt	TV	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà	18° 27' 40"	105° 55' 43"						E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Xuân Phương	DC	xã Thạch Kim	H. Lộc Hà	18° 27' 28"	105° 54' 59"						E-48-44-B-b+45-A-a	
đường tỉnh 547	KX	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà			18° 38' 27"	105° 46' 09"	18° 25' 31"	105° 53' 05"		E-48-44-B-a; E-48-44-B-b+45-A-a	
đường tỉnh 549	KX	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà			18° 22' 18"	105° 53' 37"	18° 27' 20"	105° 55' 04"		E-48-44-B-b+45-A-a	
núi Bằng Sơn	SV	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 28' 25"	105° 53' 22"						E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Bảo An	DC	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 27' 36"	105° 52' 20"						E-48-44-B-a	
thôn Đại Yên	DC	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 27' 01"	105° 52' 23"						E-48-44-B-a	
thôn Hà An	DC	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 26' 43"	105° 52' 05"						E-48-44-B-a	
thôn Hữu Ninh	DC	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 26' 18"	105° 52' 28"						E-48-44-B-a	
thôn Liên Giang	DC	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 24' 53"	105° 52' 27"						E-48-44-B-b+45-A-a	
Sông Nghèn	TV	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"		E-48-44-B-a; E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Phú Mỹ	DC	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 25' 53"	105° 52' 43"						E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Tân Phú	DC	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 25' 40"	105° 52' 46"						E-48-44-B-b+45-A-a	
thôn Tây Giang	DC	xã Thạch Mỹ	H. Lộc Hà	18° 25' 49"	105° 52' 09"						E-48-44-B-a	
đồi 37	SV	xã Thịnh Lộc	H. Lộc Hà	18° 31' 43"	105° 50' 47"						E-48-32-D-c+d	
đường tỉnh 547	KX	xã Thịnh Lộc	H. Lộc Hà			18° 38' 27"	105° 46' 09"	18° 25' 31"	105° 53' 05"		E-48-32-D-c+d	
núi Bằng Sơn	SV	xã Thịnh Lộc	H. Lộc Hà	18° 28' 25"	105° 53' 22"						E-48-44-B-b+45-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
tổ dân phố 8B	DC	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân	18° 38' 47"	105° 43' 33"	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 41' 06"	105° 46' 10"	E-48-32-C-b		
Quốc lộ 8B	KX	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân							E-48-32-C-d; E-48-32-C-b		
Tổ dân phố 9	DC	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân	18° 38' 37"	105° 43' 46"					E-48-32-C-b		
Tổ dân phố 10	DC	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân	18° 38' 44"	105° 43' 50"					E-48-32-C-b		
tổ dân phố 11	DC	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân	18° 39' 05"	105° 44' 10"					E-48-32-C-b		
tổ dân phố 12	DC	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân	18° 39' 00"	105° 44' 13"					E-48-32-C-b		
đường tỉnh 546	KX	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân			18° 38' 31"	105° 43' 12"	18° 45' 01"	105° 46' 36"	E-48-32-C-b		
cầu Bến Thủy	KX	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân	18° 38' 51"	105° 42' 24"					E-48-32-C-b		
Núi Giăng	SV	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân	18° 37' 55"	105° 42' 33"					E-48-32-C-b		
Sông Lam	TV	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân			18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-d; E-48-32-C-b		
kênh Lam Hồng	TV	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân			18° 37' 37"	105° 43' 06"	18° 34' 35"	105° 40' 43"	E-48-32-C-d; E-48-32-C-b		
núi Nam Ban	SV	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân	18° 37' 20"	105° 43' 46"			18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-32-C-d		
Đầy núi Hồng	SV	TT. Xuân An	H. Nghi Xuân			18° 37' 55"	105° 42' 33"			E-48-32-C-b; E-48-32-C-d		
Thôn 1	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 35' 34"	105° 46' 36"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 2	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 35' 35"	105° 47' 26"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 3	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 27"	105° 48' 03"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 4	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 12"	105° 48' 14"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 5	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 08"	105° 48' 37"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 6	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 22"	105° 48' 32"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 7	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 36"	105° 48' 31"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 8	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 47"	105° 48' 28"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 9	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 56"	105° 48' 19"					E-48-32-D-c+d		
Thôn 10	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 37' 13"	105° 48' 28"					E-48-32-D-c+d		
thôn 11	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 37' 13"	105° 48' 41"					E-48-32-D-c+d		
thôn 12	DC	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 53"	105° 48' 51"					E-48-32-D-c+d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Xã Cổ Đạm	KX	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 36' 59"	105° 48' 29"	18° 38' 27"	105° 46' 09"	18° 25' 31"	105° 53' 05"	E-48-32-D-c+d
Xã Cổ Đạm	KX	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân							E-48-32-D-c+d
Xã Cổ Đạm	TV	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân							E-48-32-D-c+d
Xã Cổ Đạm	SV	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân							E-48-32-D-c+d
Xã Cổ Đạm	SV	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 32' 45"	105° 47' 17"					E-48-32-D-c+d
Xã Cổ Đạm	TV	xã Cổ Đạm	H. Nghi Xuân	18° 34' 25"	105° 47' 11"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	SV	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 31' 43"	105° 50' 47"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	KX	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân			18° 38' 27"	105° 46' 09"	18° 25' 31"	105° 53' 05"	E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	TV	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 32' 20"	105° 50' 45"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 46"	105° 49' 54"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 35"	105° 49' 38"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 15"	105° 50' 06"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 32' 56"	105° 50' 56"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	KX	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 32' 03"	105° 50' 60"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 18"	105° 50' 04"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	TV	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 33' 27"	105° 49' 45"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	TV	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân					18° 36' 32"	105° 45' 05"	E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 09"	105° 50' 16"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 04"	105° 50' 01"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 31"	105° 50' 02"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 26"	105° 50' 05"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 37"	105° 49' 60"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 22"	105° 50' 06"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 33' 43"	105° 50' 25"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 32' 04"	105° 51' 00"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 41"	105° 49' 57"					E-48-32-D-c+d
Xã Cương Gián	DC	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 23"	105° 49' 53"					E-48-32-D-c+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
hồ Xanh Nước	TV	xã Cương Gián	H. Nghi Xuân	18° 34' 23"	105° 48' 40"	18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 41' 06"	105° 46' 10"	E-48-32-D-c-d		
Quốc lộ 8B	KX	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân			18° 38' 31"	105° 43' 12"	18° 45' 01"	105° 46' 36"	E-48-32-D-a		
đường tỉnh 546	KX	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân							E-48-32-D-a		
thôn An Mỹ	DC	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 39' 21"	105° 45' 50"					E-48-32-D-a		
thôn Hoà Thuận	DC	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 39' 36"	105° 45' 37"					E-48-32-D-a		
thôn Hồng Lam	DC	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 39' 54"	105° 46' 00"					E-48-32-D-a		
Sông Lam	TV	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân			18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-D-a		
thôn Lam Thủy	DC	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 39' 60"	105° 46' 09"					E-48-32-D-a		
thôn Minh Quang	DC	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 39' 38"	105° 46' 10"					E-48-32-D-a		
Khu lưu niệm Nguyễn Du	KX	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 39' 55"	105° 45' 55"					E-48-32-D-a		
mộ Nguyễn Du	KX	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 39' 11"	105° 46' 07"					E-48-32-D-a		
thôn Phong Giang	DC	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 40' 01"	105° 46' 10"					E-48-32-D-a		
thôn Thanh Chương	DC	xã Tiên Điền	H. Nghi Xuân	18° 39' 24"	105° 46' 18"					E-48-32-D-a		
đường tỉnh 546	KX	xã Xuân Đan	H. Nghi Xuân			18° 38' 31"	105° 43' 12"	18° 45' 01"	105° 46' 36"	E-48-32-D-a		
thôn Bình Phúc	DC	xã Xuân Đan	H. Nghi Xuân	18° 42' 29"	105° 46' 40"					E-48-32-D-a		
thôn Kiều Thăng Lợi	DC	xã Xuân Đan	H. Nghi Xuân	18° 43' 08"	105° 46' 36"					E-48-32-D-a		
Sông Lam	TV	xã Xuân Đan	H. Nghi Xuân			18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-D-a		
thôn Lĩnh Thành	DC	xã Xuân Đan	H. Nghi Xuân	18° 42' 44"	105° 46' 22"					E-48-32-D-a		
thôn Lương Ninh	DC	xã Xuân Đan	H. Nghi Xuân	18° 42' 54"	105° 46' 38"					E-48-32-D-a		
thôn Song Giang	DC	xã Xuân Đan	H. Nghi Xuân	18° 42' 30"	105° 46' 09"					E-48-32-D-a		
Quốc lộ 8B	KX	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 41' 06"	105° 46' 10"	E-48-32-C-b; E-48-32-D-a		
đường tỉnh 546	KX	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân			18° 38' 31"	105° 43' 12"	18° 45' 01"	105° 46' 36"	E-48-32-D-a		
thôn An Tiên	DC	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân	18° 39' 21"	105° 44' 37"					E-48-32-C-b		
Di tích Đền thờ Nguyễn Công Trứ	KX	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân	18° 39' 35"	105° 45' 20"					E-48-32-D-a		
thôn Hồng Khánh	DC	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân	18° 38' 43"	105° 45' 12"					E-48-32-D-a		
thôn Hồng Lam	DC	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân	18° 39' 51"	105° 43' 58"					E-48-32-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Đôn Hồng Nhất	DC	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân	18° 39' 32"	105° 44' 35"					E-48-32-C-b
Đôn Hồng Thịnh	DC	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân	18° 39' 03"	105° 45' 40"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Tiến	DC	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân	18° 39' 09"	105° 45' 06"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Lam	TV	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân			18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b; E-48-32-D-a
Đôn Hồng Lam Thủy	DC	xã Xuân Giang	H. Nghi Xuân	18° 39' 28"	105° 45' 11"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Lạc	KX	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 41' 06"	105° 46' 10"	E-48-32-D-a
Đôn Hồng Phòng	KX	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân			18° 38' 31"	105° 43' 12"	18° 45' 01"	105° 46' 36"	E-48-32-D-a
Đôn Hồng Dương	DC	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân	18° 40' 43"	105° 46' 58"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Biên	DC	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân	18° 41' 04"	105° 47' 07"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hải Lạc	DC	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân	18° 40' 27"	105° 46' 42"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Thủy	DC	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân	18° 40' 36"	105° 46' 15"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Lam	TV	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân			18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-D-a
Đôn Hồng Lam Long	DC	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân	18° 41' 11"	105° 46' 08"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Trung Vân	DC	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân	18° 40' 54"	105° 46' 53"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Trương Lam	DC	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân	18° 40' 22"	105° 46' 10"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Xuân Hải	KX	xã Xuân Hải	H. Nghi Xuân	18° 41' 03"	105° 46' 05"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng tỉnh 546	KX	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân			18° 38' 31"	105° 43' 12"	18° 45' 01"	105° 46' 36"	E-48-32-C-b; E-48-32-D-a
Đôn Hồng An Toàn	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 40"	105° 46' 36"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Long	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 37"	105° 46' 41"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Minh	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 35"	105° 46' 35"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Phú	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 34"	105° 46' 09"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Quý	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 30"	105° 46' 21"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Thái	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 28"	105° 46' 43"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Thành 1	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 19"	105° 46' 42"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Thành 2	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 10"	105° 46' 42"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Thông	KX	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 34"	105° 46' 07"					E-48-32-D-a
Đôn Hồng Hội Thủy	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 45' 09"	105° 45' 44"					E-48-32-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hội Tiến	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 45' 07"	105° 46' 20"					E-48-32-B-c
Sông Lam	TV	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân			18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b; E-48-32-B-c; E-48-32-D-a
thôn Tân Ninh Châu	DC	xã Xuân Hội	H. Nghi Xuân	18° 44' 49"	105° 46' 30"					E-48-32-D-a
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-32-C-d; E-48-32-C-b
Thôn 1	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 36' 32"	105° 41' 27"					E-48-32-C-d
Thôn 2	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 36' 17"	105° 41' 25"					E-48-32-C-d
Thôn 3	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 36' 10"	105° 41' 49"					E-48-32-C-d
Thôn 4	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 35' 52"	105° 42' 51"					E-48-32-C-d
Thôn 5	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 36' 26"	105° 43' 28"					E-48-32-C-d
Thôn 6	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 36' 46"	105° 43' 12"					E-48-32-C-d
Thôn 7	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 37' 27"	105° 43' 02"					E-48-32-C-d
Thôn 8	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 37' 24"	105° 42' 32"					E-48-32-C-d
Thôn 9	DC	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 37' 39"	105° 42' 12"					E-48-32-C-b
đền Chợ Cùi	KX	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 36' 20"	105° 41' 22"					E-48-32-C-d
Hói Giảng	TV	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân			18° 36' 19"	105° 42' 55"	18° 37' 28"	105° 42' 06"	E-48-32-C-d
Núi Giảng	SV	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 37' 55"	105° 42' 33"					E-48-32-C-b
đập Khe Lim	KX	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 35' 46"	105° 43' 26"					E-48-32-C-d
Sông Lam	TV	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân			18° 34' 46"	105° 36' 51"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-d; E-48-32-C-b
kênh Lam Hồng	TV	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân			18° 37' 37"	105° 43' 06"	18° 34' 35"	105° 40' 43"	E-48-32-C-d; E-48-32-C-b
núi Nam Ban	SV	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 37' 20"	105° 43' 46"					E-48-32-C-d
Hói Rong	TV	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân			18° 36' 21"	105° 42' 07"	18° 35' 39"	105° 41' 21"	E-48-32-C-d
núi Yên Sừ	SV	xã Xuân Hồng	H. Nghi Xuân	18° 36' 21"	105° 43' 51"					E-48-32-C-d
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Lam	H. Nghi Xuân			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-32-C-d
Thôn 1	DC	xã Xuân Lam	H. Nghi Xuân	18° 34' 18"	105° 41' 05"					E-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Trường Quý	DC	xã Xuân Trường	H. Nghi Xuân	18° 43' 32"	105° 46' 18"					E-48-32-D-a
thôn Trường Thanh	DC	xã Xuân Trường	H. Nghi Xuân	18° 43' 30"	105° 46' 44"					E-48-32-D-a
thôn Trường Thủy	DC	xã Xuân Trường	H. Nghi Xuân	18° 43' 32"	105° 46' 54"					E-48-32-D-a
thôn Trường Tinh	DC	xã Xuân Trường	H. Nghi Xuân	18° 43' 40"	105° 46' 03"					E-48-32-D-a
thôn Trường Vinh	DC	xã Xuân Trường	H. Nghi Xuân	18° 43' 47"	105° 46' 48"					E-48-32-D-a
Quốc lộ 8B	KX	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân			18° 31' 51"	105° 42' 17"	18° 41' 06"	105° 46' 10"	E-48-32-C-d; E-48-32-C-b
đường tỉnh 546	KX	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân			18° 38' 31"	105° 43' 12"	18° 45' 01"	105° 46' 36"	E-48-32-C-b; E-48-32-D-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 36' 38"	105° 44' 39"					E-48-32-C-d
thôn Cát Thủy	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 37' 56"	105° 45' 03"					E-48-32-C-b
Khe Chò	TV	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân			18° 33' 08"	105° 45' 11"	18° 34' 59"	105° 44' 14"	E-48-32-C-d; E-48-32-D-c+d
đập Đông Trày	KX	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 35' 29"	105° 44' 55"					E-48-32-C-d
thôn Gia Phú	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 38' 04"	105° 44' 44"					E-48-32-C-b
thôn Khang Thịnh	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 38' 05"	105° 44' 53"					E-48-32-C-b
Di tích Khảo cổ Phôi Phôi-Bãi Cọi	KX	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 36' 57"	105° 45' 02"					E-48-32-D-c+d
rào Mỹ Dương	TV	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân			18° 36' 32"	105° 45' 05"	18° 32' 17"	105° 51' 29"	E-48-32-D-c+d
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 37' 50"	105° 44' 39"					E-48-32-C-b
núi Nam Ban	SV	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 37' 20"	105° 43' 46"					E-48-32-C-d
thôn Nam Sơn	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 35' 17"	105° 44' 46"					E-48-32-C-d
Dãy núi Hồng	SV	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân			18° 37' 55"	105° 42' 33"	18° 32' 45"	105° 47' 17"	E-48-32-C-b; E-48-32-C-d; E-48-32-D-c+d
thôn Phúc Tuy	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 37' 53"	105° 45' 12"					E-48-32-D-a
khe Trạng Vung	TV	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân			18° 33' 30"	105° 45' 38"	18° 35' 15"	105° 45' 04"	E-48-32-D-c+d
thôn Trung Sơn	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 36' 12"	105° 44' 37"					E-48-32-C-d
Núi Vực	SV	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 36' 43"	105° 45' 30"					E-48-32-D-c+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
in Xuân Áng	DC	xã Xuân Viên	H. Nghi Xuân	18° 38' 16"	105° 45' 07"							E-48-32-C-b
in Hợp Giáp	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 40' 05"	105° 46' 48"							E-48-32-D-a
in Trung Lộc	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 39' 55"	105° 47' 12"							E-48-32-D-a
in Yên Hải	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 39' 37"	105° 47' 46"							E-48-32-D-a
in Yên Khánh	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 39' 44"	105° 47' 12"							E-48-32-D-a
in Yên Liêu	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 40' 00"	105° 47' 24"							E-48-32-D-a
in Yên Lợi	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 39' 36"	105° 47' 53"							E-48-32-D-a
in Yên Nam	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 38' 58"	105° 47' 02"							E-48-32-D-a
in Yên Ngọc	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 39' 25"	105° 46' 48"							E-48-32-D-a
in Yên Ngr	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 40' 04"	105° 47' 48"							E-48-32-D-a
in Yên Thông	DC	xã Xuân Yên	H. Nghi Xuân	18° 39' 20"	105° 47' 08"							E-48-32-D-a
ốc lộ 1	KX	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"			E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
dân phố 1	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 20' 48"	105° 51' 08"							E-48-44-B-c
dân phố 2	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 21' 01"	105° 51' 40"							E-48-44-B-c
dân phố 3	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 21' 40"	105° 51' 56"							E-48-44-B-c
dân phố 4	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 21' 48"	105° 51' 48"							E-48-44-B-c
dân phố 5	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 22' 12"	105° 51' 40"							E-48-44-B-c
dân phố 6	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 22' 10"	105° 51' 29"							E-48-44-B-c
dân phố 7	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 22' 20"	105° 51' 33"							E-48-44-B-c
dân phố 8	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 22' 26"	105° 51' 45"							E-48-44-B-c
dân phố 9	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 22' 44"	105° 51' 02"							E-48-44-B-a
dân phố 10	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 22' 42"	105° 51' 32"							E-48-44-B-a
dân phố 11	DC	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà	18° 23' 05"	105° 52' 03"							E-48-44-B-a
ng Cây	TV	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà			18° 20' 50"	105° 51' 45"	18° 23' 58"	105° 52' 44"			E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
th NI-12	TV	TT. Thạch Hà	H. Thạch Hà			18° 21' 27"	105° 51' 49"	18° 20' 37"	105° 48' 27"			E-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
sông Vách Nam	TV	T.T. Thạch Hà	H. Thạch Hà			18° 23' 43"	105° 44' 39"	18° 23' 33"	105° 52' 25"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
đường tỉnh 550	KX	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 18' 06"	105° 49' 27"	18° 20' 10"	105° 45' 07"	E-48-44-B-c
Đập Bán	KX	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 17' 27"	105° 48' 52"			E-48-44-B-c
núi Cửa Voi	SV	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 19' 27"	105° 48' 42"			E-48-44-B-c
thôn Đồng Vĩnh	DC	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 19' 16"	105° 48' 04"			E-48-44-B-c
thôn Kim Sơn	DC	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà					18° 14' 25"	105° 54' 50"	E-48-44-B-c
kênh N1	TV	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 20' 09"	105° 47' 50"			E-48-44-B-c
thôn Phú Sơn	DC	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 18' 19"	105° 49' 27"			E-48-44-B-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 18' 38"	105° 49' 24"			E-48-44-B-c
thôn Tây Sơn	DC	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 18' 58"	105° 48' 41"			E-48-44-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà			18° 18' 54"	105° 48' 59"			E-48-44-B-c
thôn Xuân Sơn	DC	xã Bắc Sơn	H. Thạch Hà					18° 16' 06"	105° 52' 48"	E-48-44-B-d
Khe Bạc Đà	TV	xã Nam Hương	H. Thạch Hà			18° 15' 27"	105° 49' 39"			E-48-44-B-c
núi Đình Trương	SV	xã Nam Hương	H. Thạch Hà					18° 16' 41"	105° 49' 41"	E-48-44-B-c
Khe Đợi	TV	xã Nam Hương	H. Thạch Hà			18° 16' 04"	105° 52' 08"			E-48-44-B-c
thôn Hoà Bình	DC	xã Nam Hương	H. Thạch Hà			18° 15' 51"	105° 51' 57"			E-48-44-B-c
thôn Lâm Hưng	DC	xã Nam Hương	H. Thạch Hà					18° 14' 25"	105° 54' 50"	E-48-44-B-c; E-48-44-D; E-48-44-B-d
kênh N1	TV	xã Nam Hương	H. Thạch Hà					18° 15' 22"	105° 50' 49"	E-48-44-B-c; E-48-44-D
khe Nước Nóng	TV	xã Nam Hương	H. Thạch Hà					18° 14' 29"	105° 52' 27"	E-48-44-B-c; E-48-44-D
thôn Tân Sơn	DC	xã Nam Hương	H. Thạch Hà			18° 14' 51"	105° 51' 40"			E-48-44-B-c
thôn Thống Nhất	DC	xã Nam Hương	H. Thạch Hà			18° 16' 31"	105° 51' 36"			E-48-44-B-c
thôn Việt Yên	DC	xã Nam Hương	H. Thạch Hà			18° 15' 58"	105° 52' 55"			E-48-44-B-d
thôn Yên Thượng	DC	xã Nam Hương	H. Thạch Hà			18° 15' 26"	105° 52' 33"			E-48-44-B-d
quốc lộ 15	KX	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà					18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-44-B-c; E-48-44-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
ng tỉnh 550	KX	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 19' 22"	105° 45' 00"	18° 24' 06"	105° 58' 34"	18° 20' 10"	105° 45' 07"	E-48-44-B-c		
i Động Bụt	KX	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 19' 22"	105° 45' 00"	18° 18' 04"	105° 45' 09"	18° 21' 15"	105° 46' 02"	E-48-44-B-c		
ii Khe Giao	TV	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 20' 31"	105° 45' 17"					E-48-44-B-c		
n Khe Giao 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 21' 02"	105° 45' 42"					E-48-44-B-c		
n Khe Giao 2	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 19' 54"	105° 47' 03"					E-48-44-B-c		
n Nam Sơn	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 20' 23"	105° 47' 27"					E-48-44-B-c		
n Ngọc Hà	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 20' 43"	105° 46' 17"					E-48-44-B-c		
n Ngọc Hồi	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 20' 26"	105° 46' 10"					E-48-44-B-c		
n Trung Tâm	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà	18° 20' 16"	105° 46' 29"					E-48-44-B-c		
n Trường Sơn	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thạch Hà			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-44-B-a		
ốc lộ 1	KX	xã Phù Việt	H. Thạch Hà			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-a		
ốc lộ 15B	KX	xã Phù Việt	H. Thạch Hà	18° 23' 32"	105° 50' 07"					E-48-44-B-a		
n Ba Giang	DC	xã Phù Việt	H. Thạch Hà	18° 23' 26"	105° 49' 21"					E-48-44-B-a		
n Bùi Xá	DC	xã Phù Việt	H. Thạch Hà	18° 23' 58"	105° 49' 30"					E-48-44-B-a		
n Hoà Bình	DC	xã Phù Việt	H. Thạch Hà	18° 23' 39"	105° 49' 31"					E-48-44-B-a		
ịch Lịch sử Nhà cụ ii Kính	KX	xã Phù Việt	H. Thạch Hà	18° 22' 44"	105° 50' 08"	18° 25' 02"	105° 50' 28"			E-48-44-B-a		
ng Rào Trên	TV	xã Phù Việt	H. Thạch Hà	18° 23' 49"	105° 49' 59"					E-48-44-B-a		
n Thông Nhất	DC	xã Phù Việt	H. Thạch Hà	18° 23' 10"	105° 49' 45"					E-48-44-B-a		
n Trung Tiến	DC	xã Phù Việt	H. Thạch Hà			18° 23' 43"	105° 44' 39"	18° 23' 33"	105° 52' 25"	E-48-44-B-a		
ng Vách Nam	TV	xã Phù Việt	H. Thạch Hà	18° 24' 21"	105° 54' 45"	18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-b+45-A-a		
ốc lộ 15B	KX	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 27' 39"	105° 55' 50"					E-48-44-B-b+45-A-a		
n Bắc Sơn	DC	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà							E-48-44-B-b+45-A-a		
1 Chiếu Trung Lê Khôi	KX	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 23' 58"	105° 52' 44"	18° 27' 40"	105° 55' 43"			E-48-44-B-b+45-A-a		
ng Cửa Sốt	TV	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 26' 23"	105° 56' 06"					E-48-44-B-b+45-A-a		
n Đông Thanh	DC	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 27' 40"	105° 55' 43"					E-48-44-B-b+45-A-a		
nam Giời	SV	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà							E-48-44-B-b+45-A-a		
a Sốt	TV	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà							E-48-44-B-b+45-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
hòn Tân Bằng	DC	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 25' 25"	105° 56' 03"					E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Tiên Phong	DC	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 25' 39"	105° 55' 53"					E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Trường Sơn	DC	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 24' 24"	105° 55' 20"					E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Vĩnh Bình	DC	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 24' 26"	105° 55' 30"					E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Vĩnh Long	DC	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 25' 10"	105° 56' 07"					E-48-44-B-b+45-A-a
hòn Vĩnh Tiến	DC	xã Thạch Bàn	H. Thạch Hà	18° 24' 35"	105° 55' 06"					E-48-44-B-b+45-A-a
đường tỉnh 550	KX	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà			18° 24' 06"	105° 58' 34"	18° 20' 10"	105° 45' 07"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-d
hòn Bầu Láng	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 20' 08"	105° 51' 40"					E-48-44-B-c
hòn Bắc Thượng	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 19' 27"	105° 52' 30"					E-48-44-B-d
hòn Kỳ Phong	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 19' 33"	105° 51' 20"					E-48-44-B-c
hòn Kỳ Sơn	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 19' 19"	105° 51' 04"					E-48-44-B-c
hòn Liên Hương	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 19' 33"	105° 52' 07"					E-48-44-B-c
hòn Liên Vinh	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 19' 12"	105° 51' 56"					E-48-44-B-c
cánh NI-9	TV	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà			18° 17' 03"	105° 51' 25"	18° 23' 17"	105° 53' 45"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-d
hòn Nam Bình	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 20' 18"	105° 51' 26"					E-48-44-B-c
hòn Nam Thượng	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 19' 15"	105° 52' 23"					E-48-44-B-c
hòn Nhà Đuờm	DC	xã Thạch Đài	H. Thạch Hà	18° 19' 53"	105° 51' 08"					E-48-44-B-c
đường tỉnh 553	KX	xã Thạch Điền	H. Thạch Hà			18° 17' 47"	105° 54' 04"	18° 05' 00"	105° 37' 22"	E-48-44-D; E-48-44-B-d
khe Bạc Đà	TV	xã Thạch Điền	H. Thạch Hà			18° 16' 06"	105° 52' 48"	18° 17' 13"	105° 55' 04"	E-48-44-B-d
hồ Bộc Nguyễn	TV	xã Thạch Điền	H. Thạch Hà	18° 13' 39"	105° 53' 20"					E-48-44-D
hòn Hưng Hoà	DC	xã Thạch Điền	H. Thạch Hà	18° 15' 24"	105° 53' 05"					E-48-44-B-d
hòn Lộc Hồ	DC	xã Thạch Điền	H. Thạch Hà	18° 16' 17"	105° 54' 02"					E-48-44-B-d
kênh NI	TV	xã Thạch Điền	H. Thạch Hà			18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-D; E-48-44-B-d
thôn Nam Lĩnh	DC	xã Thạch Điền	H. Thạch Hà	18° 16' 19"	105° 53' 40"					E-48-44-B-d
khe Nước Nóng	TV	xã Thạch Điền	H. Thạch Hà			18° 15' 22"	105° 50' 49"	18° 14' 29"	105° 52' 27"	E-48-44-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
thôn Liên Phố	DC	xã Thạch Hội	H. Thạch Hà	18° 19' 16"	105° 58' 35"							E-48-44-B-d
thôn Liên Quý	DC	xã Thạch Hội	H. Thạch Hà	18° 20' 11"	106° 00' 12"							E-48-45-A-c
thôn Liên Yên	DC	xã Thạch Hội	H. Thạch Hà	18° 19' 15"	105° 59' 26"							E-48-44-B-d
kênh N7	TV	xã Thạch Hội	H. Thạch Hà			18° 17' 48"	105° 59' 21"	18° 20' 44"	105° 55' 27"			E-48-44-B-d
kênh N9	TV	xã Thạch Hội	H. Thạch Hà					18° 23' 38"	105° 56' 44"	18° 18' 14"	106° 01' 02"	E-48-45-A-c; E-48-44-B-d
thôn Nam Thai	DC	xã Thạch Hội	H. Thạch Hà	18° 19' 26"	105° 59' 16"							E-48-44-B-d
đường tỉnh 553	KX	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà			18° 17' 47"	105° 54' 04"	18° 05' 00"	105° 37' 22"			E-48-44-B-d
thôn Hương Long	DC	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà	18° 17' 18"	105° 53' 17"							E-48-44-B-d
thôn Hương Mỹ	DC	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà	18° 17' 12"	105° 53' 16"							E-48-44-B-d
thôn Minh Định	DC	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà	18° 17' 09"	105° 53' 28"							E-48-44-B-d
kênh N1	TV	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà			18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"			E-48-44-B-c; E-48-44-B-d
thôn Tân Hoà	DC	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà	18° 16' 43"	105° 52' 34"							E-48-44-B-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà	18° 17' 04"	105° 53' 06"							E-48-44-B-d
thôn Trung Thành	DC	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà	18° 17' 21"	105° 53' 00"							E-48-44-B-d
thôn Yên Trung	DC	xã Thạch Hương	H. Thạch Hà	18° 17' 15"	105° 52' 45"							E-48-44-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"			E-48-44-B-a
thôn Chi Lưu	DC	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà	18° 25' 29"	105° 48' 38"							E-48-44-B-a
Cầu Già	KX	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà	18° 25' 10"	105° 48' 10"							E-48-44-B-a
Sông Già	TV	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà			18° 22' 50"	105° 47' 22"	18° 26' 19"	105° 48' 17"			E-48-44-B-a
thôn Hoà Hợp	DC	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà	18° 24' 45"	105° 48' 40"							E-48-44-B-a
Sông Ngành	TV	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"			E-48-44-B-a
sông Rào Trên	TV	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà			18° 22' 44"	105° 50' 08"	18° 25' 02"	105° 50' 28"			E-48-44-B-a
thôn Thượng Nguyên	DC	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà	18° 25' 22"	105° 49' 36"							E-48-44-B-a
thôn Trí Lễ	DC	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà	18° 25' 00"	105° 49' 05"							E-48-44-B-a
thôn Trí Nang	DC	xã Thạch Kênh	H. Thạch Hà	18° 24' 44"	105° 49' 49"							E-48-44-B-a
quốc lộ 15B	KX	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"			E-48-44-B-b+45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	VI độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
Đông tỉnh 550	KX	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà			18° 24' 06"	105° 58' 34"	18° 20' 10"	105° 45' 07"	E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d		
Đông Bắc	TV	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà			18° 24' 27"	105° 57' 12"	18° 23' 15"	105° 56' 08"	E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Đan Khê	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 23' 44"	105° 56' 13"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Liên Đồng	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 23' 09"	105° 56' 48"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Long Giang	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 22' 45"	105° 56' 17"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Long Tiến	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 23' 10"	105° 57' 14"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Sơn N9	TV	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà			18° 23' 38"	105° 56' 44"	18° 18' 14"	106° 01' 02"	E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d		
Đông Tích Nhà thờ Trương Sóc Dụng	KX	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 22' 57"	105° 57' 18"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Tân Phúc Lan	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 23' 39"	105° 56' 37"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Tân Phúc Lộc	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 23' 02"	105° 55' 55"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Tây Rào Cái	TV	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà			18° 18' 32"	105° 54' 10"	18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d		
Đông Tân Hương	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 22' 29"	105° 56' 58"					E-48-44-B-d		
Đông Tân Phúc	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 23' 20"	105° 57' 08"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Tây Hộ	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 23' 24"	105° 56' 50"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Thanh Cao	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 23' 34"	105° 55' 54"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Vĩnh Long	DC	xã Thạch Khê	H. Thạch Hà	18° 22' 57"	105° 57' 20"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Sóc lộ 15B	KX	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-d		
Đông Sơn Bắc Lạc	DC	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 23' 32"	105° 58' 50"					E-48-44-B-b+45-A-a		
Đông Tích Di chỉ Khảo cổ Thạch Lạc	KX	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 22' 03"	105° 57' 36"					E-48-44-B-d		
Đông Sơn Hoà Lạc	DC	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 21' 28"	105° 56' 41"					E-48-44-B-d		
Đông Sơn Mưng	TV	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 22' 43"	105° 58' 31"					E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d		
Đông Sơn N9	TV	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà			18° 23' 38"	105° 56' 44"	18° 18' 14"	106° 01' 02"	E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d		
Đông Sơn Quang Lạc	DC	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 23' 18"	105° 58' 12"					E-48-44-B-b+45-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Quyết Tiến	DC	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 21' 15"	105° 57' 21"					E-48-44-B-d
sông Rào Cái	TV	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà			18° 18' 32"	105° 54' 10"	18° 24' 09"	105° 54' 04"	E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 22' 00"	105° 57' 31"					E-48-44-B-d
thôn Trung Lạc	DC	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 21' 42"	105° 57' 37"					E-48-44-B-d
thôn Vĩnh Thịnh	DC	xã Thạch Lạc	H. Thạch Hà	18° 22' 19"	105° 57' 01"					E-48-44-B-d
đường tỉnh 553	KX	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà			18° 17' 47"	105° 54' 04"	18° 05' 00"	105° 37' 22"	E-48-44-B-d
khe Bạc Đà	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà			18° 16' 06"	105° 52' 48"	18° 17' 13"	105° 55' 04"	E-48-44-B-d
thôn Kỳ Các	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà	18° 17' 16"	105° 54' 06"					E-48-44-B-d
thôn La Xá	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà	18° 17' 54"	105° 54' 11"					E-48-44-B-d
sông Ngân Mỏ	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà			18° 12' 22"	105° 55' 21"	18° 18' 32"	105° 54' 10"	E-48-44-B-d
đường Nguyễn Hoành Từ	KX	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà			18° 19' 34"	105° 54' 20"	18° 17' 47"	105° 54' 04"	E-48-44-B-d
thôn Phái Đông	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà	18° 17' 49"	105° 54' 40"					E-48-44-B-d
thôn Phái Nam	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà	18° 17' 39"	105° 54' 46"					E-48-44-B-d
thôn Sơn Trinh	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà	18° 18' 01"	105° 54' 58"					E-48-44-B-d
thôn Tiên Thượng	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Hà	18° 17' 17"	105° 54' 56"					E-48-44-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"	E-48-44-B-a
Cần Giã	KX	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 25' 10"	105° 48' 10"					E-48-44-B-a
Sông Giã	TV	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà			18° 22' 50"	105° 47' 22"	18° 26' 19"	105° 48' 17"	E-48-44-B-a
Thôn Hanh	DC	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 24' 55"	105° 47' 11"					E-48-44-B-a
Thôn Khang	DC	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 24' 40"	105° 47' 52"					E-48-44-B-a
Thôn Lợi	DC	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 24' 12"	105° 47' 27"					E-48-44-B-a
Thôn Nguyễn	DC	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 24' 59"	105° 47' 49"					E-48-44-B-a
Thôn Ninh	DC	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 24' 51"	105° 47' 49"					E-48-44-B-a
Thôn Phú	DC	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 24' 18"	105° 48' 51"					E-48-44-B-a
Thôn Quý	DC	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 24' 17"	105° 48' 18"					E-48-44-B-a
Thôn Thọ	DC	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà	18° 24' 36"	105° 48' 19"					E-48-44-B-a
Suối Trộ	TV	xã Thạch Liên	H. Thạch Hà			18° 24' 16"	105° 48' 54"	18° 24' 25"	105° 47' 07"	E-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
óc lộ 1	KX	xã Thạch Long	H. Thạch Hà			18° 38' 51"	105° 42' 24"	17° 57' 24"	106° 27' 47"		E-48-44-B-a	
óc lộ 15B	KX	xã Thạch Long	H. Thạch Hà			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"		E-48-44-B-a	
ng Cây	TV	xã Thạch Long	H. Thạch Hà			18° 20' 50"	105° 51' 45"	18° 23' 58"	105° 52' 44"		E-48-44-B-a	
in Đại Đồng	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Hà	18° 23' 29"	105° 50' 30"						E-48-44-B-a	
in Đan Trung	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Hà	18° 23' 40"	105° 50' 46"						E-48-44-B-a	
in Đông Hà 1	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Hà	18° 23' 23"	105° 51' 45"						E-48-44-B-a	
in Đông Hà 2	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Hà	18° 23' 30"	105° 51' 49"						E-48-44-B-a	
in Gia Ngải 1	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Hà	18° 23' 04"	105° 50' 46"						E-48-44-B-a	
in Gia Ngải 2	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Hà	18° 23' 21"	105° 50' 41"						E-48-44-B-a	
in Hội Cát	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Hà	18° 23' 37"	105° 51' 15"						E-48-44-B-a	
in Nam Giang	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Hà	18° 23' 39"	105° 51' 27"						E-48-44-B-a	
ng Rào Trên	TV	xã Thạch Long	H. Thạch Hà			18° 22' 44"	105° 50' 08"	18° 25' 02"	105° 50' 28"		E-48-44-B-a	
ng Vách Nam	TV	xã Thạch Long	H. Thạch Hà			18° 23' 43"	105° 44' 39"	18° 23' 33"	105° 52' 25"		E-48-44-B-a	
ông tỉnh 550	KX	xã Thạch Lưu	H. Thạch Hà			18° 24' 06"	105° 58' 34"	18° 20' 10"	105° 45' 07"		E-48-44-B-c	
in Đông Tiến	DC	xã Thạch Lưu	H. Thạch Hà	18° 20' 10"	105° 50' 35"						E-48-44-B-c	
in Lộc Ân	DC	xã Thạch Lưu	H. Thạch Hà	18° 20' 11"	105° 50' 57"						E-48-44-B-c	
nh NI	TV	xã Thạch Lưu	H. Thạch Hà			18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"		E-48-44-B-c	
in Nhà Ngo Bắc Tiến	DC	xã Thạch Lưu	H. Thạch Hà	18° 19' 53"	105° 50' 41"						E-48-44-B-c	
in Trung Nam	DC	xã Thạch Lưu	H. Thạch Hà	18° 19' 39"	105° 50' 48"						E-48-44-B-c	
in Yên Nghĩa	DC	xã Thạch Lưu	H. Thạch Hà	18° 20' 25"	105° 51' 06"						E-48-44-B-c	
ông tỉnh 550	KX	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà			18° 24' 06"	105° 58' 34"	18° 20' 10"	105° 45' 07"		E-48-44-B-c	
in Bắc Tiến	DC	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 21' 56"	105° 46' 52"						E-48-44-B-c	
o Cờ	TV	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà			18° 20' 50"	105° 46' 43"	18° 22' 39"	105° 47' 10"		E-48-44-B-c; E-48-44-B-a	
in Đại Long	DC	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 21' 03"	105° 47' 10"						E-48-44-B-c	
in Đông Châu	DC	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 22' 02"	105° 48' 06"						E-48-44-B-c	
ới Khe Giao	TV	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà			18° 18' 04"	105° 45' 09"	18° 21' 15"	105° 46' 02"		E-48-44-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh Linh Cảm	TV	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà			18° 26' 58"	105° 40' 49"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
thôn Mộc Hải	DC	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 22' 13"	105° 47' 02"					E-48-44-B-c
thôn Mỹ Châu	DC	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 22' 10"	105° 47' 46"					E-48-44-B-c
kênh N1	TV	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà			18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-B-c
kênh N1-19	TV	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà			18° 22' 03"	105° 48' 16"	18° 21' 56"	105° 50' 41"	E-48-44-B-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 21' 18"	105° 47' 57"					E-48-44-B-c
thôn Quý Hải	DC	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 20' 45"	105° 46' 53"					E-48-44-B-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 21' 42"	105° 46' 40"					E-48-44-B-c
sông Trộc Cộc	TV	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà			18° 21' 15"	105° 46' 02"	18° 23' 00"	105° 47' 09"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
đồi Trường Rọ	SV	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà	18° 21' 25"	105° 48' 36"					E-48-44-B-c
sông Vách Nam	TV	xã Thạch Ngọc	H. Thạch Hà			18° 23' 43"	105° 44' 39"	18° 23' 33"	105° 52' 25"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
quốc lộ 15B	KX	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-a
Sông Cây	TV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà			18° 20' 50"	105° 51' 45"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-b+45-A-a
thôn Đình Hàn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà	18° 24' 45"	105° 50' 36"					E-48-44-B-a
Sông Nghèn	TV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà			18° 28' 47"	105° 44' 50"	18° 23' 58"	105° 52' 44"	E-48-44-B-a; E-48-44-B-b+45-A-a
sông Rào Trên	TV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà			18° 22' 44"	105° 50' 08"	18° 25' 02"	105° 50' 28"	E-48-44-B-a
thôn Song Hải	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà	18° 24' 54"	105° 51' 40"					E-48-44-B-a
thôn Song Tiến	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà	18° 25' 11"	105° 50' 52"					E-48-44-B-a
thôn Sơn Hà	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà	18° 24' 13"	105° 50' 54"					E-48-44-B-a
thôn Sơn Tiến	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà	18° 25' 15"	105° 51' 12"					E-48-44-B-a
thôn Tân Hợp	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà	18° 24' 40"	105° 51' 13"					E-48-44-B-a
thôn Tri Khê	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà	18° 24' 15"	105° 51' 46"					E-48-44-B-a
thôn Vạn Đò	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Hà	18° 24' 46"	105° 51' 33"					E-48-44-B-a
thôn 17	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Hà	18° 19' 07"	105° 53' 20"					E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
cánh N1-19	TV	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà			18° 22' 03"	105° 48' 16"	18° 21' 56"	105° 50' 41"	E-48-44-B-c
hòn Phúc Lạc	DC	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà	18° 21' 53"	105° 50' 11"					E-48-44-B-c
sông Rào Trên	TV	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà			18° 22' 44"	105° 50' 08"	18° 25' 02"	105° 50' 28"	E-48-44-B-a
hòn Sơn Vĩnh	DC	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà	18° 22' 34"	105° 50' 16"					E-48-44-B-a
hòn Thanh Châu	DC	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà	18° 21' 32"	105° 50' 00"					E-48-44-B-c
hòn Thanh Giang	DC	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà	18° 22' 28"	105° 49' 37"					E-48-44-B-c
hòn Thanh Minh	DC	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà	18° 21' 47"	105° 50' 21"					E-48-44-B-c
hòn Thanh Mỹ	DC	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà	18° 22' 18"	105° 50' 38"					E-48-44-B-c
sông Vách Nam	TV	xã Thạch Thanh	H. Thạch Hà			18° 23' 43"	105° 44' 39"	18° 23' 33"	105° 52' 25"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
quốc lộ 15B	KX	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-a
Cầu Lã	KX	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 22' 12"	105° 49' 29"					E-48-44-B-c
kênh Linh Cảm	TV	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà			18° 26' 58"	105° 40' 49"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
hòn Long Minh	DC	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 21' 34"	105° 49' 17"					E-48-44-B-c
hòn Lộc Thọ	DC	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 22' 46"	105° 48' 53"					E-48-44-B-a
đôi Mụ Số	SV	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 21' 10"	105° 48' 43"					E-48-44-B-c
kênh NI	TV	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà			18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"	E-48-44-B-c
kênh NI-19	TV	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà			18° 22' 03"	105° 48' 16"	18° 21' 56"	105° 50' 41"	E-48-44-B-c
Đền Nen	KX	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 22' 25"	105° 48' 31"					E-48-44-B-c
Thôn Phúc	DC	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 22' 36"	105° 48' 21"					E-48-44-B-a
Thôn Trầm	DC	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 21' 22"	105° 48' 46"					E-48-44-B-c
Thôn Trưa	DC	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 22' 24"	105° 48' 50"					E-48-44-B-c
đôi Trường Rọ	SV	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 21' 25"	105° 48' 36"					E-48-44-B-c
sông Vách Nam	TV	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà			18° 23' 43"	105° 44' 39"	18° 23' 33"	105° 52' 25"	E-48-44-B-c; E-48-44-B-a
hòn Vĩnh Mới	DC	xã Thạch Tiến	H. Thạch Hà	18° 21' 46"	105° 48' 40"					E-48-44-B-c
quốc lộ 15B	KX	xã Thạch Trị	H. Thạch Hà			18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"	E-48-44-B-d
hòn Bắc Đình	DC	xã Thạch Trị	H. Thạch Hà	18° 21' 25"	105° 59' 01"					E-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng												Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm			Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối						
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)				
Ấn Bắc Trì	DC	xã Thạch Trì	H. Thạch Hà	18° 21' 46"	105° 57' 50"		18° 23' 38"	105° 56' 44"	18° 18' 14"	106° 01' 02"				E-48-44-B-d		
Ấn Đại Tiến	DC	xã Thạch Trì	H. Thạch Hà	18° 22' 16"	105° 59' 25"									E-48-44-B-d		
Ấn Đồng Khánh	DC	xã Thạch Trì	H. Thạch Hà	18° 22' 05"	105° 58' 05"									E-48-44-B-d		
Ấn Hồng Đình	DC	xã Thạch Trì	H. Thạch Hà	18° 21' 51"	105° 58' 40"									E-48-44-B-d		
Ấn Mung	TV	xã Thạch Trì	H. Thạch Hà	18° 22' 43"	105° 58' 31"									E-48-44-B-b+45-A-a		
Ấn Nh 9	TV	xã Thạch Trì	H. Thạch Hà				18° 23' 38"	105° 56' 44"	18° 18' 14"	106° 01' 02"				E-48-45-A-c; E-48-44-B-b+45-A-a; E-48-44-B-d		
Ấn Toàn Thắng	DC	xã Thạch Trì	H. Thạch Hà	18° 22' 05"	105° 59' 44"									E-48-44-B-d		
Ấn Trần Phú	DC	xã Thạch Trì	H. Thạch Hà	18° 21' 01"	105° 58' 04"									E-48-44-B-d		
Ấn Sóc Lộ 15B	KX	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà				18° 24' 12"	105° 44' 16"	18° 05' 22"	106° 24' 04"				E-48-45-A-c; E-48-44-B-d		
Ấn Bắc Văn	DC	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà	18° 20' 56"	105° 58' 57"									E-48-44-B-d		
Ấn Đông Bùn	DC	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà	18° 21' 11"	106° 00' 48"									E-48-45-A-c		
Ấn Đông Châu	DC	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà	18° 21' 46"	106° 00' 14"									E-48-45-A-c		
Ấn Khánh Yên	DC	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà	18° 20' 45"	105° 58' 14"									E-48-44-B-d		
Ấn Lạc Long	DC	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà	18° 20' 48"	105° 58' 05"									E-48-44-B-d		
Ấn Nh 9	TV	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà				18° 23' 38"	105° 56' 44"	18° 18' 14"	106° 01' 02"				E-48-45-A-c; E-48-44-B-d		
Ấn Tân Văn	DC	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà	18° 20' 23"	105° 59' 28"									E-48-44-B-d		
Ấn Trung Văn	DC	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà	18° 20' 41"	105° 59' 25"									E-48-44-B-d		
Ấn Vĩnh Yên	DC	xã Thạch Văn	H. Thạch Hà	18° 20' 25"	105° 58' 37"									E-48-44-B-d		
Ấn Đồng tỉnh 550	KX	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà				18° 24' 06"	105° 58' 34"	18° 20' 10"	105° 45' 07"				E-48-44-B-c		
Ấn Di 47	SV	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 20' 45"	105° 49' 23"									E-48-44-B-c		
Ấn Bầu Am	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 21' 11"	105° 49' 06"									E-48-44-B-c		
Ấn Bến Toàn	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 21' 02"	105° 50' 24"									E-48-44-B-c		
Ấn Hương Xá	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 20' 57"	105° 49' 11"									E-48-44-B-c		
Ấn Nh 11	TV	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà				18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"				E-48-44-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)			
kênh N1-12	TV	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà			18° 21' 27"	105° 51' 49"	18° 20' 37"	105° 48' 27"	E-48-44-B-c		
thôn Song Hoành	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 20' 57"	105° 50' 07"					E-48-44-B-c		
thôn Tân Đĩnh	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 21' 14"	105° 50' 41"					E-48-44-B-c		
thôn Tân Hương	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 20' 49"	105° 49' 24"					E-48-44-B-c		
thôn Thiên Thai	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 20' 42"	105° 49' 13"					E-48-44-B-c		
thôn Vĩnh An	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 20' 33"	105° 50' 30"					E-48-44-B-c		
thôn Vĩnh Cát	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 20' 13"	105° 49' 20"					E-48-44-B-c		
thôn Vĩnh Trung	DC	xã Thạch Vĩnh	H. Thạch Hà	18° 19' 58"	105° 49' 47"					E-48-44-B-c		
núi Cỏ Ngựa	SV	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 16' 48"	105° 49' 53"					E-48-44-B-c		
núi Cửa Voi	SV	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 27"	105° 48' 52"					E-48-44-B-c		
núi Đỉnh Trương	SV	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 15' 27"	105° 49' 39"					E-48-44-B-c		
Khe Đợi	TV	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 16' 41"	105° 49' 41"	18° 16' 16"	105° 51' 23"			E-48-44-B-c		
thôn Đông Thành	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 48"	105° 51' 03"					E-48-44-B-c		
thôn Đông Linh	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 38"	105° 50' 15"					E-48-44-B-c		
thôn Đông Sơn	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 18' 06"	105° 50' 45"					E-48-44-B-c		
thôn Đông Tâm	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 54"	105° 50' 28"					E-48-44-B-c		
thôn Đông Xuân	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 18' 17"	105° 49' 55"					E-48-44-B-c		
thôn Lệ Sơn	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 18' 01"	105° 50' 52"					E-48-44-B-c		
kênh N1	TV	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 14' 25"	105° 54' 50"	18° 22' 03"	105° 48' 16"			E-48-44-B-c		
kênh N1-9	TV	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 03"	105° 51' 25"	18° 23' 17"	105° 53' 45"			E-48-44-B-c; E-48-44-B-d		
thôn Nội Tiến	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 47"	105° 52' 26"					E-48-44-B-c		
thôn Quý Sơn	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 31"	105° 50' 30"					E-48-44-B-c		
thôn Quyết Tiến	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 13"	105° 51' 13"					E-48-44-B-c		
thôn Tân Hương	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 18' 12"	105° 51' 39"					E-48-44-B-c		
thôn Tân Tiến	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 17' 39"	105° 52' 08"					E-48-44-B-c		
thôn Thanh Hương	DC	xã Thạch Xuân	H. Thạch Hà	18° 18' 30"	105° 51' 38"					E-48-44-B-c		
thôn Bắc Bình	DC	xã Tượng Sơn	H. Thạch Hà	18° 20' 52"	105° 55' 54"					E-48-44-B-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 552	KX	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang			18° 30' 57"	105° 34' 27"	18° 22' 48"	105° 29' 58"	E-48-43-B; E-48-44-A-a
Khe Chát	TV	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang			18° 19' 35"	105° 27' 28"	18° 22' 21"	105° 28' 22"	E-48-43-B
núi Động Trôi	SV	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang	18° 23' 36"	105° 27' 39"					E-48-43-B
núi Giảng Ngà	SV	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang	18° 23' 44"	105° 30' 25"					E-48-44-A-a
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-43-B; E-48-44-A-a; E-48-44-A-c
khe Hối Đồi	TV	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang			18° 21' 08"	105° 28' 45"	18° 22' 52"	105° 28' 21"	E-48-43-B
sông Ngân Trươi	TV	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang			18° 18' 03"	105° 22' 45"	18° 22' 15"	105° 36' 17"	E-48-43-B; E-48-44-A-a; E-48-44-A-c
Hối Trươi	TV	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang			18° 25' 29"	105° 25' 13"	18° 23' 43"	105° 29' 43"	E-48-43-B
Hồ Ươi	TV	TT. Vũ Quang	H. Vũ Quang	18° 23' 24"	105° 30' 25"					E-48-44-A-a
Thôn 1	DC	xã Ân Phú	H. Vũ Quang	18° 28' 37"	105° 32' 31"					E-48-44-A-a
Thôn 2	DC	xã Ân Phú	H. Vũ Quang	18° 28' 51"	105° 32' 43"					E-48-44-A-a
Thôn 3	DC	xã Ân Phú	H. Vũ Quang	18° 29' 00"	105° 32' 55"					E-48-44-A-a
Thôn 4	DC	xã Ân Phú	H. Vũ Quang	18° 29' 02"	105° 31' 53"					E-48-44-A-a
Thôn 5	DC	xã Ân Phú	H. Vũ Quang	18° 29' 09"	105° 32' 19"					E-48-44-A-a
núi Cây Khé	SV	xã Ân Phú	H. Vũ Quang	18° 27' 57"	105° 30' 28"					E-48-44-A-a
đập Khe Tròn	KX	xã Ân Phú	H. Vũ Quang	18° 28' 20"	105° 31' 49"					E-48-44-A-a
sông Ngân Sáu	TV	xã Ân Phú	H. Vũ Quang			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-A-a
đường tỉnh 552	KX	xã Đức Bồng	H. Vũ Quang			18° 30' 57"	105° 34' 27"	18° 22' 48"	105° 29' 58"	E-48-44-A-a
Thôn 1	DC	xã Đức Bồng	H. Vũ Quang	18° 25' 28"	105° 33' 00"					E-48-44-A-a
Thôn 2	DC	xã Đức Bồng	H. Vũ Quang	18° 25' 30"	105° 32' 44"					E-48-44-A-a
Thôn 3	DC	xã Đức Bồng	H. Vũ Quang	18° 25' 17"	105° 32' 21"					E-48-44-A-a
Thôn 4	DC	xã Đức Bồng	H. Vũ Quang	18° 24' 53"	105° 31' 50"					E-48-44-A-a
Thôn 5	DC	xã Đức Bồng	H. Vũ Quang	18° 24' 57"	105° 32' 37"					E-48-44-A-a
Thôn 6	DC	xã Đức Bồng	H. Vũ Quang	18° 24' 07"	105° 32' 29"					E-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VT độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Đôn 7	DC	xã Đức Bông	H. Vũ Quang	18° 24' 07"	105° 32' 08"					E-48-44-A-a
Đôn 8	DC	xã Đức Bông	H. Vũ Quang	18° 24' 10"	105° 31' 12"					E-48-44-A-a
Đông Điện	SV	xã Đức Bông	H. Vũ Quang	18° 23' 02"	105° 31' 37"					E-48-44-A-a
Đông Ngà	SV	xã Đức Bông	H. Vũ Quang	18° 23' 44"	105° 30' 25"			18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-A-a; E-48-44-A-c
Đông Ngàn Sáu	TV	xã Đức Bông	H. Vũ Quang					18° 04' 20"	105° 41' 24"	E-48-44-A-a
Đông Phở	TV	xã Đức Bông	H. Vũ Quang					18° 25' 00"	105° 32' 22"	E-48-44-A-a
Đông Sim	SV	xã Đức Bông	H. Vũ Quang	18° 24' 30"	105° 31' 15"			18° 26' 10"	105° 28' 55"	E-48-44-A-a
Đông Trây	TV	xã Đức Bông	H. Vũ Quang					18° 26' 10"	105° 28' 55"	E-48-44-A-a
Đông Trám	TV	xã Đức Bông	H. Vũ Quang	18° 23' 38"	105° 31' 42"					E-48-44-A-a
Đông Trọt Đào	TV	xã Đức Bông	H. Vũ Quang					18° 22' 41"	105° 34' 09"	E-48-44-A-a
Đông 1 Bông Giang	DC	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 26' 11"	105° 31' 30"					E-48-44-A-a
Đông 1 Văn Giang	DC	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 27' 20"	105° 32' 09"					E-48-44-A-a
Đông 2 Bông Giang	DC	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 27' 02"	105° 31' 32"					E-48-44-A-a
Đông 2 Văn Giang	DC	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 27' 49"	105° 32' 20"					E-48-44-A-a
Đông 3 Bông Giang	DC	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 26' 40"	105° 31' 60"					E-48-44-A-a
Đông 3 Văn Giang	DC	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 27' 57"	105° 30' 28"					E-48-44-A-a
Đông Cây Khé	SV	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 26' 22"	105° 32' 17"					E-48-44-A-a
Đông Cầm Trang	DC	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 26' 48"	105° 32' 12"					E-48-44-A-a
Đông Hợp Phát	DC	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 27' 52"	105° 31' 26"					E-48-44-A-a
Đông Hợp Trố	TV	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 27' 13"	105° 30' 37"					E-48-44-A-a
Đông Long Cao	SV	xã Đức Giang	H. Vũ Quang					18° 04' 20"	105° 41' 24"	E-48-44-A-a
Đông Ngàn Sáu	TV	xã Đức Giang	H. Vũ Quang	18° 28' 02"	105° 32' 13"					E-48-44-A-a
Đông Phương Hoàng	SV	xã Đức Giang	H. Vũ Quang					18° 26' 10"	105° 28' 55"	E-48-44-A-a
Đông Trây	TV	xã Đức Giang	H. Vũ Quang							E-48-44-A-a
Đông Hương Đại	DC	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 25' 38"	105° 33' 29"					E-48-44-A-a
Đông Hương Đông	DC	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 24' 37"	105° 34' 11"					E-48-44-A-a
Đông Hương Giang	DC	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 22' 52"	105° 33' 48"					E-48-44-A-a
Đông Hương Hoà	DC	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 24' 01"	105° 33' 09"					E-48-44-A-a

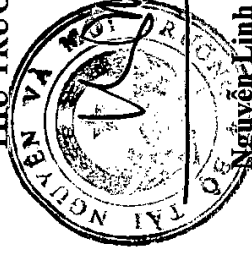
Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hương Phó	DC	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 24' 42"	105° 33' 20"					E-48-44-A-a
thôn Hương Phùng	DC	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 23' 37"	105° 33' 33"					E-48-44-A-a
thôn Hương Tân	DC	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 24' 44"	105° 33' 14"					E-48-44-A-a
thôn Hương Thọ	DC	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 24' 56"	105° 33' 34"					E-48-44-A-a
sông Ngân Sáu	TV	xã Đức Hương	H. Vũ Quang			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-A-a; E-48-44-A-c
Hói Phó	TV	xã Đức Hương	H. Vũ Quang			18° 25' 00"	105° 32' 22"	18° 24' 35"	105° 33' 50"	E-48-44-A-a
hói Trọt Đào	TV	xã Đức Hương	H. Vũ Quang			18° 22' 41"	105° 34' 09"	18° 24' 37"	105° 32' 22"	E-48-44-A-a
núi Trùng Cai	SV	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 22' 02"	105° 33' 43"					E-48-44-A-c
núi Vực Sơn	SV	xã Đức Hương	H. Vũ Quang	18° 25' 01"	105° 34' 39"					E-48-44-A-a
thôn Bình Quang	DC	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 23' 03"	105° 35' 48"					E-48-44-A-a
núi Châu Sơn	SV	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 25' 06"	105° 35' 48"					E-48-44-A-a
thôn Đồn Thượng	DC	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 24' 13"	105° 34' 53"					E-48-44-A-a
ga Hoà Duyệt	KX	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 23' 07"	105° 35' 59"					E-48-44-A-a
thôn Hội Trung	DC	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 24' 19"	105° 34' 13"					E-48-44-A-a
thôn Liên Châu	DC	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 24' 04"	105° 35' 29"					E-48-44-A-a
thôn Liên Hoà	DC	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 23' 03"	105° 35' 58"					E-48-44-A-a
sông Ngân Sáu	TV	xã Đức Liên	H. Vũ Quang			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-A-a; E-48-44-A-c
sông Ngân Trươi	TV	xã Đức Liên	H. Vũ Quang			18° 18' 03"	105° 22' 45"	18° 22' 15"	105° 36' 17"	E-48-44-A-a; E-48-44-A-c
thôn Tân Lệ	DC	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 23' 46"	105° 35' 23"					E-48-44-A-a
Núi Xanh	SV	xã Đức Liên	H. Vũ Quang	18° 24' 18"	105° 36' 57"					E-48-44-A-a
thôn Bình Phong	DC	xã Đức Lĩnh	H. Vũ Quang	18° 25' 26"	105° 30' 04"					E-48-44-A-a
thôn Cao Phong	DC	xã Đức Lĩnh	H. Vũ Quang	18° 26' 30"	105° 30' 08"					E-48-44-A-a
thôn Cửa Lĩnh	DC	xã Đức Lĩnh	H. Vũ Quang	18° 25' 36"	105° 31' 41"					E-48-44-A-a
núi Động Cốc	SV	xã Đức Lĩnh	H. Vũ Quang	18° 24' 38"	105° 28' 37"					E-48-43-B
núi Giảng Ngà	SV	xã Đức Lĩnh	H. Vũ Quang	18° 23' 44"	105° 30' 25"					E-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hợp Duẩn	DC	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 20' 49"	105° 33' 36"					E-48-44-A-c
thôn Hợp Đức	DC	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 22' 01"	105° 32' 37"					E-48-44-A-c
thôn Hợp Lợi	DC	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 22' 06"	105° 32' 04"					E-48-44-A-c
thôn Hợp Lý	DC	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 21' 30"	105° 33' 18"					E-48-44-A-c
thôn Hợp Thắng	DC	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 22' 05"	105° 31' 43"					E-48-44-A-c
thôn Hợp Trù	DC	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 21' 35"	105° 32' 28"					E-48-44-A-c
núi Khe Nảy	SV	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 20' 38"	105° 31' 38"					E-48-44-A-c
đập Khe Nguyễn	KX	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 22' 27"	105° 31' 00"					E-48-44-A-c
đập Khe Thuộc	KX	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 21' 12"	105° 32' 47"					E-48-44-A-c
đập Khe Xai	KX	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 21' 58"	105° 31' 53"					E-48-44-A-c
sông Ngân Trươi	TV	xã Hương Minh	H. Vũ Quang			18° 18' 03"	105° 22' 45"	18° 22' 15"	105° 36' 17"	E-48-43-B; E-48-44-A-a; E-48-44-A-c
núi Truong Cai	SV	xã Hương Minh	H. Vũ Quang	18° 22' 02"	105° 33' 43"					E-48-44-A-c
Khe Vang	TV	xã Hương Minh	H. Vũ Quang			18° 21' 25"	105° 29' 38"	18° 21' 00"	105° 31' 26"	E-48-43-B; E-48-44-A-c
núi Cẩm Lành	SV	xã Hương Quang	H. Vũ Quang	18° 16' 13"	105° 24' 09"					E-48-43-B
Khe Công	TV	xã Hương Quang	H. Vũ Quang			18° 16' 07"	105° 24' 34"	18° 17' 59"	105° 26' 16"	E-48-43-B
Núi Đắp	SV	xã Hương Quang	H. Vũ Quang	18° 18' 52"	105° 20' 48"					E-48-43-B
Khe Giát	TV	xã Hương Quang	H. Vũ Quang			18° 16' 49"	105° 23' 59"	18° 18' 44"	105° 25' 40"	E-48-43-B
Khe Giát	TV	xã Hương Quang	H. Vũ Quang			18° 19' 23"	105° 24' 57"	18° 19' 26"	105° 25' 42"	E-48-43-B
suối Khe Tre	TV	xã Hương Quang	H. Vũ Quang			18° 16' 33"	105° 17' 32"	18° 21' 22"	105° 18' 29"	E-48-43-B
Di tích Khu căn cứ Vũ Quang	KX	xã Hương Quang	H. Vũ Quang	18° 17' 16"	105° 21' 28"					E-48-43-B
thôn Kim Quang	DC	xã Hương Quang	H. Vũ Quang	18° 18' 57"	105° 22' 39"					E-48-43-B
thôn Kim Thọ	DC	xã Hương Quang	H. Vũ Quang	18° 20' 49"	105° 24' 03"					E-48-43-B
núi Mạn Đài	SV	xã Hương Quang	H. Vũ Quang	18° 17' 19"	105° 27' 55"					E-48-43-B
suối Mạn Đài	TV	xã Hương Quang	H. Vũ Quang			18° 13' 06"	105° 26' 50"	18° 21' 02"	105° 25' 04"	E-48-43-B; E-48-43-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Động Bụt	SV	xã Hương Thọ	H. Vũ Quang	18° 21' 05"	105° 33' 53"					E-48-44-A-c
núi Động Chùa	SV	xã Hương Thọ	H. Vũ Quang	18° 18' 33"	105° 33' 46"					E-48-44-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hương Thọ	H. Vũ Quang			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-44-A-c
Hỏi Mần	TV	xã Hương Thọ	H. Vũ Quang			18° 19' 49"	105° 36' 16"	18° 21' 27"	105° 35' 47"	E-48-44-A-c
sông Ngàn Sáu	TV	xã Hương Thọ	H. Vũ Quang			18° 04' 20"	105° 41' 24"	18° 31' 35"	105° 33' 07"	E-48-44-A-c
sông Ngàn Trươi	TV	xã Hương Thọ	H. Vũ Quang			18° 18' 03"	105° 22' 45"	18° 22' 15"	105° 36' 17"	E-48-44-A-c
Hỏi Trùng	TV	xã Hương Thọ	H. Vũ Quang			18° 18' 28"	105° 32' 39"	18° 20' 39"	105° 34' 20"	E-48-44-A-c
Thôn 1	DC	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 24' 04"	105° 28' 18"					E-48-43-B
Thôn 2	DC	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 24' 52"	105° 27' 53"					E-48-43-B
Thôn 3	DC	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 24' 47"	105° 27' 26"					E-48-43-B
Thôn 4	DC	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 25' 27"	105° 27' 18"					E-48-43-B
Thôn 5	DC	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 25' 25"	105° 26' 55"					E-48-43-B
Thôn 6	DC	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 25' 05"	105° 26' 16"					E-48-43-B
Thôn 7	DC	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 25' 19"	105° 25' 29"					E-48-43-B
núi Cây Khé	SV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 26' 52"	105° 23' 27"					E-48-43-B
núi Động Cốc	SV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 24' 38"	105° 28' 37"					E-48-43-B
núi Động Trồi	SV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 23' 36"	105° 27' 39"					E-48-43-B
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang			18° 35' 41"	105° 26' 14"	18° 03' 48"	105° 49' 27"	E-48-43-B
Khe Ná	TV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang			18° 25' 43"	105° 23' 54"	18° 25' 29"	105° 25' 13"	E-48-43-B
khe Nác Nậy	TV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang			18° 24' 04"	105° 25' 47"	18° 24' 48"	105° 27' 41"	E-48-43-B
núi Trầm Mây	SV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 26' 46"	105° 24' 56"					E-48-43-B
Khe Trồi	TV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang			18° 24' 26"	105° 24' 38"	18° 25' 00"	105° 26' 23"	E-48-43-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hối Trươi	TV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 25' 29"	105° 25' 13"	18° 23' 43"	105° 29' 43"	105° 29' 43"	E-48-43-B	
Khe Xai	TV	xã Sơn Thọ	H. Vũ Quang	18° 25' 02"	105° 24' 04"	18° 25' 29"	105° 25' 13"	105° 25' 13"	E-48-43-B	

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

